



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc ban hành Nghị định của Chính phủ quy định
về thi hành án đối với pháp nhân thương mại**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Quyết định số 99/QĐ-TTg ngày 15/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Thi hành án hình sự năm 2025, Bộ Công an kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định về thi hành án đối với pháp nhân thương mại (*sau đây gọi là Nghị định*), như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Chế định pháp nhân thương mại phạm tội lần đầu tiên được quy định trong hệ thống pháp luật hình sự Việt Nam tại Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Để thi hành các bản án, quyết định THAHS đối với pháp nhân thương mại phạm tội, Luật THAHS năm 2019 đã có 09 điều luật tại Chương XI quy định về thi hành án đối với pháp nhân thương mại phạm tội. Trong đó, giao Chính phủ quy định chi tiết thi hành 04 điều luật, gồm: Điều 160 (Thủ tục thi hành án), Điều 163 (Cưỡng chế thi hành án), Điều 164 (trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại), Điều 165 (Chuyển giao nghĩa vụ thi hành án trong trường hợp pháp nhân thương mại tổ chức lại. Căn cứ quy định của Luật THAHS năm 2019, Chính phủ đã ban hành 02 nghị định: Nghị định số 44/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 quy định về cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại và Nghị định số 55/2020/NĐ-CP ngày 22/5/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật THAHS về thi hành án đối với pháp nhân thương mại.

Luật THAHS năm 2025 tiếp tục quy định về thi hành án đối với pháp nhân thương mại, gồm 09 điều luật tại Chương X; trong đó, giao Chính phủ quy định chi tiết thi hành 04 điều luật, gồm: Điều 141 (Thủ tục thi hành án), Điều 141 (Cưỡng chế thi hành án), Điều 145 (trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước

✓

đối với pháp nhân thương mại), Điều 146 (Chuyển giao nghĩa vụ thi hành án trong trường hợp pháp nhân thương mại tổ chức lại).

Để thi hành các quy định của Luật THAHS năm 2025, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Công an chủ trì xây dựng Nghị định quy định về thi hành án đối với pháp nhân thương mại để quy định chi tiết, cụ thể các quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2015 về thi hành án đối với pháp nhân thương mại; thay thế Nghị định số 44/2020/NĐ-CP và Nghị định số 55/2020/NĐ-CP; tạo cơ sở pháp lý để tổ chức thi hành bản án, quyết định của Tòa án đối với pháp nhân thương mại phạm tội.

2. Cơ sở thực tiễn

Thực hiện Luật Thi hành án hình sự năm 2019, Nghị định số 44/2020/NĐ-CP, Nghị định số 55/2020/NĐ-CP, Bộ Công an đã tập huấn, quán triệt và chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương về thi hành án đối với pháp nhân thương mại. Cơ quan quản lý THAHS Bộ Công an đã ban hành Hướng dẫn số 175/HD-CQQLTHAHS ngày 20/10/2021 về thực hiện một số quy định về thi hành án đối với pháp nhân thương mại trong Công an nhân dân, kèm theo các biểu mẫu về thi hành án đối với pháp nhân thương mại.

Thực tế thi hành Luật THAHS năm 2019, đến nay, cơ quan THAHS đã nhận được 01 bản án, quyết định thi hành án đối với pháp nhân thương mại. Đó là trường hợp: Công ty TNHH đầu tư xuất nhập khẩu An Phát Việt Nam (*tên tiếng Anh: AN PHAT VIET NAM IMPORT EXPORT INVESTMENT COMPANY LIMITED*); địa chỉ trụ sở: Số 23, LK1, Khu đô thị Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội (nay là Phường Hà Đông, TP Hà Nội); Tội danh: Buôn lậu; Hình phạt: Đình chỉ vĩnh viễn toàn bộ hoạt động; Bản án số 56/2022/HS-ST ngày 13/5/2022 của TAND tỉnh Quảng Ninh; Quyết định thi hành án số 01/2022/QĐ-CA ngày 08/8/2022 của TAND thành phố Hà Nội (*TAND tỉnh Quảng Ninh uỷ thác thi hành án cho TAND thành phố Hà Nội theo Quyết định số 270/2022/QĐ-CA*). Cơ quan THAHS Công an thành phố Hà Nội đã tổ chức thi hành theo quy định của pháp luật; hiện đã chấp hành xong án phạt.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích xây dựng Nghị định

Việc xây dựng Nghị định nhằm tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý để triển khai thực hiện hiệu quả Luật Thi hành án hình sự năm 2025; bảo đảm các quy định của Nghị định phù hợp với đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm tính hợp hiến, thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành.

2. Quan điểm chỉ đạo xây dựng Nghị định

a) Việc xây dựng nội dung các quy định trong Nghị định phải bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về thi hành án hình sự, tuân thủ đúng quy trình, bảo đảm tính hợp Hiến, hợp pháp, phù hợp với các điều ước quốc tế song phương và đa phương liên quan mà Việt Nam là thành viên.

b) Các quy định trong Nghị định phải bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và hệ thống pháp luật hiện hành.

c) Kế thừa các quy định của Nghị định số 44/2020/NĐ-CP, Nghị định số 55/2020/NĐ-CP; chỉnh lý, bổ sung các quy định mới theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2005.

d) Bảo đảm thuận lợi khi áp dụng trong thực tiễn, quy định chi tiết, cụ thể nội dung giao cho các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm trong tổ chức thi hành án.

II. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Quá trình xây dựng Nghị định, Bộ Công an đã tuân thủ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản quy định chi tiết về trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật như sau:

1. Ban hành Kế hoạch và thành lập Tổ soạn thảo xây dựng Nghị định;

2. Lấy ý kiến tham gia của Tổ soạn thảo; Công an các đơn vị, địa phương; ý kiến tham gia của các bộ, ngành liên quan và một số Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; đăng tải dự thảo Nghị định trên cổng thông tin điện tử Chính phủ, của Bộ Công an để lấy ý kiến tham gia của các cơ quan đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia và báo cáo tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến tham gia để chỉnh lý dự thảo Nghị định;

3. Tổng hợp, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị định và nghiên cứu xây dựng Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia.

4. Nghiên cứu tiếp thu, giải trình, chỉnh lý và hoàn thiện dự thảo Nghị định, gửi Bộ Tư pháp thẩm định. Bộ Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số/BCTĐ-BTP ngày .../.../2026 về dự thảo Nghị định. Bộ Công an đã có Công văn số/BCA-C11 ngày .../.../2026 về tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp về dự thảo Nghị định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Nghị định này quy định chi tiết về thi hành án đối với pháp nhân thương mại quy định tại các Điều 141, 144, 145 và 146 của Luật Thi hành án hình sự.

- Nghị định này áp dụng đối với pháp nhân thương mại chấp hành án (gọi tắt là pháp nhân thương mại); cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại; cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong thi hành án hình sự đối với pháp nhân thương mại; Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thi hành án đối với pháp nhân thương mại.

2. Bố cục dự thảo Nghị định:

Dự thảo Nghị định gồm có 6 chương, 63 điều, cụ thể như sau:

- *Chương I. Quy định chung*, gồm có 04 điều (từ điều 1 đến điều 4);

Chương này quy định những vấn đề chung có liên quan đến thi hành án đối với pháp nhân thương mại, gồm: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; việc

xác định cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại; nguyên tắc thi hành án đối với pháp nhân thương mại; kinh phí đảm bảo thi hành án đối với pháp nhân thương mại.

- *Chương II. Trình tự, thủ tục thi hành án hình sự đối với pháp nhân thương mại*, gồm có 07 điều (từ điều 5 đến điều 11);

Chương này quy định về trình tự, thủ tục thi hành án, trách nhiệm của pháp nhân thương mại, cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại, cơ quan thi hành án hình sự trong thực hiện thủ tục thi hành án đối với pháp nhân thương mại, bao gồm các công việc: tiếp nhận bản án, quyết định thi hành án; xác định cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại có trách nhiệm trong thi hành án; triệu tập người đại diện hợp pháp của pháp nhân thương mại; hồ sơ thi hành án; công bố quyết định thi hành án, giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt, giấy chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp; giám sát việc chấp hành án của pháp nhân thương mại trong thời gian chấp hành án; cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt, chấp hành xong biện pháp tư pháp.

- *Chương III. Chuyển giao nghĩa vụ thi hành án trong trường hợp pháp nhân thương mại tổ chức lại*, gồm có 04 điều (từ điều 12 đến điều 15);

Chương này quy định về thi hành án trong trường hợp pháp nhân thương mại tổ chức lại (chia tách, hợp nhất, sáp nhập), bao gồm các công việc: Xem xét, quyết định việc thi hành án đối với pháp nhân thương mại khi có kế hoạch tổ chức lại; thi hành án trong trường hợp pháp nhân thương mại được chia, tách; thi hành án trong trường hợp pháp nhân thương mại được hợp nhất, sáp nhập; thi hành án trong trường hợp pháp nhân thương mại chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.

- *Chương IV. Cường chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại*, gồm có 42 điều (từ điều 16 đến điều 57);

Chương này quy định về cường chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại, bao gồm: Nguyên tắc áp dụng cường chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại; các biện pháp cường chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại; lập biên bản việc pháp nhân thương mại không chấp hành án hoặc chấp hành không đầy đủ bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; gửi quyết định cường chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại; triệu tập, thông báo việc thi hành quyết định cường chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại; cường chế trong trường hợp chuyển giao nghĩa vụ thi hành án đối với pháp nhân thương mại tổ chức lại; trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định cường chế; căn cứ ra Quyết định phong tỏa tài khoản; trường hợp áp dụng biện pháp phong tỏa tài khoản; xác minh thông tin về tài khoản của pháp nhân thương mại; ra Quyết định và gửi Quyết định phong tỏa tài khoản; trách nhiệm của tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam nơi pháp nhân thương mại có tài khoản; khấu trừ tiền trong tài khoản, xử lý chứng khoán trong tài khoản chứng khoán; chấm dứt phong tỏa tài khoản; căn cứ ra Quyết định kê biên tài sản; trường hợp áp dụng biện pháp kê biên tài sản; xác minh thông tin về tài sản của pháp nhân thương mại; tài sản không được kê biên; kê biên tài sản đang cầm cố, thế chấp; kê biên tài sản của pháp nhân thương

mại đang do người thứ ba giữ; kê biên vốn góp; kê biên phương tiện giao thông; kê biên, sử dụng, khai thác quyền sở hữu trí tuệ; kê biên tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản phải đăng ký quyền sở hữu hoặc đăng ký giao dịch bảo đảm; kê biên tài sản gắn liền với đất; ra Quyết định và gửi Quyết định kê biên tài sản; tổ chức thi hành kê biên tài sản; biên bản kê biên tài sản; giao bảo quản tài sản kê biên; định giá tài sản kê biên; chuyển giao tài sản đã kê biên để bán đấu giá; chuyển giao quyền sở hữu tài sản; căn cứ ra Quyết định tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử; tạm giữ hoặc thu hồi con dấu của pháp nhân thương mại; trường hợp áp dụng biện pháp tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử; tạm giữ hoặc thu hồi con dấu; ra Quyết định và gửi Quyết định tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, tạm giữ hoặc thu hồi con dấu của pháp nhân thương mại; tổ chức thi hành Quyết định tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, tạm giữ hoặc thu hồi con dấu của pháp nhân thương mại; chấm dứt tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại; trình tự, thủ tục mở niêm phong để bàn giao tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại bị tạm giữ; các biện pháp bảo đảm thi hành quyết định cưỡng chế; chuyển việc thi hành quyết định cưỡng chế để bảo đảm thi hành; xác định chi phí cưỡng chế; Tạm ứng, hoàn trả và thanh toán chi phí cưỡng chế.

- *Chương V. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại, gồm có 04 điều (từ điều 58 đến điều 61);*

Chương này quy định về trách nhiệm của Bộ Công an trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại; trách nhiệm của Bộ Quốc phòng trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại; trách nhiệm của các bộ, ngành trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại.

- *Chương VI. Điều khoản thi hành, gồm có 02 điều (từ điều 62 đến điều 63), quy định về hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành.*

3. Nội dung cơ bản

Dự thảo Nghị định được xây dựng kế thừa các nội dung cơ bản của Nghị định số 44/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 “*Quy định về cưỡng chế thi hành đối với pháp nhân thương mại*” và Nghị định số 55/2020/NĐ-CP ngày 22/5/2020 “*Quy định chi tiết một số điều của Luật Thi hành án hình sự về thi hành án đối với pháp nhân thương mại*”, đồng thời dự thảo Nghị định đã điều chỉnh, bổ sung thêm những nội dung cho phù hợp với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan mới ban hành.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH

.....

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá

✓

nhân có liên quan xây dựng Nghị định quy định về thi hành án đối với pháp nhân thương mại.

2. Quy định của Nghị định không làm tăng tổ chức bộ máy và biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước nên sau khi Nghị định được thông qua, nguồn nhân lực bảo đảm thi hành là đội ngũ nhân lực đang thực hiện nhiệm vụ triển khai thi hành Luật hiện nay của các cơ quan, đơn vị.

3. Về thời gian trình ban hành Nghị định

Để đảm bảo thi hành các quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2025, Bộ Công an trình Chính phủ ban hành Nghị định trước 15/5/2026; Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026.

VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ)

Quá trình xây dựng dự thảo Nghị định, Bộ Công an đã gửi lấy ý kiến tham gia của các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và đã có báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia. Đến nay, không có vấn đề cần xin ý kiến.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thủ tục về thi hành án đối với pháp nhân thương mại, Bộ Công an kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Tài liệu gửi kèm theo Tờ trình: (1) Dự thảo Nghị định; (2) Báo cáo thẩm định số...../BTP của Bộ Tư pháp đối với dự thảo Nghị định; (3) Báo cáo của Bộ Công an về tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp của các bộ, ngành liên quan đối với dự thảo Nghị định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo Thủ tướng Chính phủ);
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, V03, C11(P5).

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Lương Tam Quang



Số: /2026/NĐ - CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về thi hành án đối với pháp nhân thương mại

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Bộ luật Hình sự ngày 27 tháng 11 năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 86/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025);

Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự ngày 27 tháng 11 năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 99/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025);

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án hình sự ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về thi hành án đối với pháp nhân thương mại.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết về thi hành án đối với pháp nhân thương mại quy định tại các Điều 141, 144, 145 và 146 của Luật Thi hành án hình sự.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với pháp nhân thương mại chấp hành án (gọi tắt là pháp nhân thương mại); cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại; cơ quan, tổ chức, cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện thi hành án đối với pháp nhân thương mại; Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thi hành án đối với pháp nhân thương mại.

Điều 3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện thi hành án đối với pháp nhân thương mại

1. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu (sau đây gọi chung là cơ quan thi hành án hình sự) chủ trì tổ chức thi hành án đối với pháp nhân thương mại.

2. Cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại được quy định tại khoản 27 Điều 3 Luật Thi hành án hình sự phải có trách nhiệm phối hợp trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại theo yêu cầu của cơ quan thi hành án hình sự.

3. Cơ quan, tổ chức và cá nhân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại.

Điều 4. Kinh phí bảo đảm thi hành án đối với pháp nhân thương mại

1. Kinh phí bảo đảm thi hành án hình sự đối với pháp nhân thương mại do ngân sách nhà nước chi trả.

2. Kinh phí thực hiện thi hành án đối với pháp nhân thương mại của cơ quan thi hành án hình sự được dự toán trong nguồn kinh phí phục vụ công tác thi hành án hình sự hằng năm.

3. Kinh phí thực hiện các hoạt động thi hành án đối với pháp nhân thương mại của các cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại được dự toán, quyết toán vào kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan đó.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ ĐỐI VỚI PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI

Điều 5. Tiếp nhận bản án, quyết định thi hành án

1. Cơ quan thi hành án hình sự khi nhận được bản án, quyết định thi hành án phải kiểm tra đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 140 Luật Thi hành án hình sự. Trường hợp phát hiện những điểm chưa rõ trong bản án, quyết định, cơ quan thi hành án hình sự phải có ngay văn bản đề nghị Tòa án đã ra bản án, quyết định thi hành án giải thích, sửa chữa.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản án, quyết định thi hành án, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự phải ra quyết định phân công cán bộ thụ lý việc thi hành án để thực hiện thủ tục thi hành án đối với pháp nhân thương mại.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản án, quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự phải có văn bản yêu cầu pháp nhân thương mại báo cáo về việc thực hiện các công việc, biện pháp để thi hành bản án, quyết định thi hành án, trừ trường hợp đã nhận được báo cáo của pháp nhân thương mại quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản án, quyết định thi hành án, pháp nhân thương mại phải thực hiện các công việc, biện pháp theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và báo cáo bằng văn bản về kết quả thực hiện cho cơ quan thi hành án hình sự.

Điều 6. Xác định cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại có trách nhiệm trong thi hành án

7

1. Căn cứ bản án, quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự xác định các cơ quan có liên quan đến hoạt động của pháp nhân thương mại để phối hợp thi hành án đối với pháp nhân thương mại có hiệu quả.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự phải ra quyết định về danh sách các cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại và gửi văn bản yêu cầu phối hợp tổ chức thi hành án đối với pháp nhân thương mại cho các cơ quan đó, kèm theo quyết định thi hành án. Văn bản yêu cầu phải nêu rõ nội dung các biện pháp cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại phải thực hiện theo Điều 145 Luật Thi hành án hình sự để đảm bảo việc thi hành án có hiệu quả.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại phải thực hiện các biện pháp quy định tại khoản 1 Điều 145 Luật Thi hành án hình sự được nêu trong văn bản yêu cầu của cơ quan thi hành án hình sự. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan thi hành án hình sự về việc thực hiện yêu cầu trong thi hành án và việc chấp hành án của pháp nhân thương mại để theo dõi, lưu hồ sơ thi hành án.

Điều 7. Triệu tập người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại để thông báo, yêu cầu thi hành án

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự phải gửi giấy triệu tập đến người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại để thực hiện việc thông báo và yêu cầu thi hành án. Nội dung giấy triệu tập phải nêu rõ họ tên, chức vụ người được triệu tập; mục đích, nội dung làm việc; thời gian, địa điểm phải có mặt.

Cơ quan thi hành án hình sự gửi thông báo về việc triệu tập và làm việc với người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại cho Viện kiểm sát cùng cấp với Tòa án đã ra quyết định biết và phân công Kiểm sát viên thực hiện việc kiểm sát (nếu cần thiết).

2. Thành phần làm việc với người được triệu tập gồm có: Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự hoặc Phó Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự được ủy quyền chủ trì, cán bộ trực tiếp thụ lý việc thi hành án và một số cán bộ thuộc cơ quan thi hành án hình sự, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại; đại diện Viện kiểm sát (nếu có). Trường hợp cần thiết, cơ quan thi hành án hình sự có thể mời thêm cán bộ của các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc thi hành án đối với pháp nhân thương mại tham dự buổi làm việc. Kết thúc buổi làm việc phải lập biên bản có chữ ký của người chủ trì, người được triệu tập, cán bộ thụ lý việc thi hành án, đại diện Viện kiểm sát (nếu tham dự buổi làm việc).

3. Trường hợp người được triệu tập không thể có mặt theo yêu cầu triệu tập vì lý do tình trạng khẩn cấp, lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan

thì phải báo cáo bằng văn bản và được cơ quan thi hành án hình sự chấp thuận bằng văn bản. Trong trường hợp này, cơ quan thi hành án hình sự lùi buổi làm việc sang thời điểm khác nhưng không được quá thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án.

Trường hợp người được triệu tập cố tình không có mặt theo đúng thời hạn triệu tập thì cơ quan thi hành án hình sự lập biên bản vắng mặt và vẫn tiếp tục tổ chức thi hành án.

Điều 8. Hồ sơ thi hành án

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự phải lập hồ sơ thi hành án, mỗi pháp nhân thương mại lập một hồ sơ thi hành án.

2. Cơ quan thi hành án hình sự có trách nhiệm quản lý, bổ sung tài liệu hồ sơ đảm bảo có đầy đủ tài liệu quy định tại Điều 142 Luật Thi hành án hình sự.

3. Việc bảo quản, lưu trữ hồ sơ, sổ sách thi hành án đối với pháp nhân thương mại thực hiện theo quy định của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.

Điều 9. Công bố quyết định thi hành án, chứng nhận chấp hành xong hình phạt, chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp

1. Công bố quyết định thi hành án

a) Đối với cơ quan thi hành án hình sự: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự đăng tải quyết định trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình.

Trường hợp cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh chưa có trang thông tin điện tử riêng thì đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công an cấp tỉnh. Trường hợp chưa có trang thông tin điện tử của Công an cấp tỉnh thì đăng tải trên trang thông tin của Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an.

Trường hợp cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu không có trang thông tin điện tử riêng thì đăng tải trên trang thông tin điện tử của Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng.

b) Đối với pháp nhân thương mại:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án, pháp nhân thương mại phải công bố quyết định thi hành án trên trang thông tin điện tử, ấn phẩm của pháp nhân thương mại và niêm yết công khai tại trụ sở chính và địa điểm kinh doanh của pháp nhân thương mại theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 141 Luật Thi hành án hình sự, thông báo việc chấp hành hình phạt, biện pháp tư pháp cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; báo cáo cơ quan thi hành án hình sự và cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại về kết quả thực hiện.

Trường hợp pháp nhân thương mại không còn trụ sở hoạt động, việc niêm yết được thực hiện tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi pháp nhân thương mại đã đặt trụ sở chính trước đó.

Cơ quan thi hành án hình sự có trách nhiệm kiểm tra, giám sát để đảm bảo duy trì việc công bố, niêm yết quyết định thi hành án. Trường hợp pháp nhân thương mại vi phạm, cơ quan thi hành án hình sự yêu cầu pháp nhân thương mại phải công bố, niêm yết; tùy theo mức độ có thể bị lập biên bản vi phạm, đề nghị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

c) Đối với cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan thi hành án hình sự, các cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại được cơ quan thi hành án hình sự xác định theo quy định tại Điều 6 Nghị định này phải thực hiện việc công bố quyết định thi hành án trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan mình.

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thực hiện đăng tải, công bố quyết định thi hành án trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp thuộc địa bàn quản lý.

d) Việc công bố, niêm yết quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án hình sự, pháp nhân thương mại và cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại theo quy định tại các điểm a, b và c khoản này phải được duy trì trong suốt thời gian thi hành án.

2. Công bố chứng nhận chấp hành xong hình phạt, giấy chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp như sau:

a) Cơ quan thi hành án hình sự công bố chứng nhận chấp hành xong hình phạt, chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình ngay sau khi cấp giấy. Trường hợp chưa có trang thông tin điện tử thì thực hiện công bố chứng nhận chấp hành xong hình phạt, chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp thực hiện như công bố quyết định thi hành án quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Pháp nhân thương mại thực hiện công bố, niêm yết chứng nhận chấp hành xong hình phạt, chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy đó. Việc công bố, niêm yết thực hiện như đối với công bố, niêm yết quyết định thi hành án quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại thực hiện việc công bố chứng nhận chấp hành xong hình phạt, chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy đó. Việc công bố thực hiện như đối với công bố quyết định thi hành án quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

J

d) Thời hạn duy trì việc công bố, niêm yết chứng nhận chấp hành xong hình phạt, chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp tối thiểu 30 ngày, kể từ ngày công bố, niêm yết.

Điều 10. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành án của pháp nhân thương mại trong thời gian chấp hành án

1. Pháp nhân thương mại phải thực hiện việc báo cáo cơ quan thi hành án hình sự bằng văn bản về tình hình, kết quả chấp hành án theo định kỳ 03 tháng một lần (trừ trường hợp thời hạn chấp hành án dưới 03 tháng).

Cơ quan thi hành án hình sự báo cáo Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng về kết quả thi hành án đối với pháp nhân thương mại.

2. Trường hợp cần xác minh, làm rõ việc có liên quan đến thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự yêu cầu pháp nhân thương mại báo cáo, làm rõ bằng văn bản. Pháp nhân thương mại phải chấp hành việc báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của mình cho cơ quan thi hành án hình sự.

3. Kiểm tra việc chấp hành án của pháp nhân thương mại:

a) Sau khi nhận được báo cáo của pháp nhân thương mại quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 5 Nghị định này, cơ quan thi hành án hình sự phải tổ chức kiểm tra việc thi hành án của pháp nhân thương mại trên thực tế;

b) Trong quá trình chấp hành án, cơ quan thi hành án hình sự căn cứ vào yêu cầu đảm bảo việc thi hành án để tiến hành kiểm tra việc chấp hành án của pháp nhân thương mại;

c) Trong thời hạn 15 ngày trước khi hết thời hạn chấp hành án, cơ quan thi hành án hình sự căn cứ vào yêu cầu đảm bảo việc thi hành án để tiến hành kiểm tra việc chấp hành án của pháp nhân thương mại để có cơ sở thực hiện cấp chứng nhận chấp hành xong án phạt, chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp;

d) Khi thực hiện kiểm tra, nếu thấy cần thiết, cơ quan thi hành án hình sự có thể đề nghị cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại cử cán bộ tham gia kiểm tra, mời các nhà khoa học, chuyên gia có chuyên môn để hỗ trợ việc kiểm tra. Cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại phải phối hợp với cơ quan thi hành án hình sự trong thực hiện kiểm tra; cử cán bộ có khả năng chuyên môn phù hợp tham gia kiểm tra. Pháp nhân thương mại phải phối hợp và thực hiện theo yêu cầu của cơ quan thi hành án hình sự trong quá trình kiểm tra;

đ) Việc kiểm tra đối với pháp nhân thương mại phải được lập biên bản để lưu hồ sơ thi hành án. Cơ quan thi hành án hình sự báo cáo Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng kết quả kiểm tra sau mỗi lần kiểm tra;

+

e) Việc kiểm tra đối với pháp nhân thương mại chỉ được thực hiện trong phạm vi của việc thi hành án, không làm ảnh hưởng đến các hoạt động khác của pháp nhân thương mại.

Điều 11. Cấp chứng nhận chấp hành xong hình phạt, chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp

1. Việc cấp và gửi chứng nhận chấp hành xong hình phạt, giấy chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp thực hiện theo quy định tại Điều 147 Luật Thi hành án hình sự.

a) Đối với hình phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định, cấm huy động vốn, cơ quan thi hành án hình sự cấp chứng nhận chấp hành xong hình phạt trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn chấp hành án;

b) Đối với hình phạt đình chỉ hoạt động vĩnh viễn, sau khi cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại thực hiện các biện pháp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 145 của Luật này, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu ra thông báo kết thúc việc thi hành án;

c) Đối với biện pháp tư pháp buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu, biện pháp tư pháp buộc thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra, cơ quan thi hành án hình sự cấp chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong biện pháp tư pháp.

2. Trường hợp pháp nhân thương mại giải thể, phá sản cơ quan thi hành án hình sự tiến hành làm thủ tục kết thúc việc thi hành án như sau:

a) Cơ quan thi hành án hình sự phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại để lập biên bản xác định việc pháp nhân thương mại giải thể, phá sản;

b) Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự ra quyết định chấm dứt việc thi hành án đối với pháp nhân thương mại và gửi quyết định đó cho Tòa án đã ra quyết định thi hành án, Viện kiểm sát cùng cấp, pháp nhân thương mại và cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại;

c) Cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại thực hiện công bố quyết định chấm dứt việc thi hành án đối với pháp nhân thương mại. Việc công bố thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 của Nghị định này.

Chương III

CHUYỂN GIAO NGHĨA VỤ THI HÀNH ÁN TRONG TRƯỜNG HỢP PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI TỔ CHỨC LẠI

Điều 12. Xem xét, quyết định việc thi hành án đối với pháp nhân thương mại khi có kế hoạch tổ chức lại

J

1. Pháp nhân thương mại khi có kế hoạch tổ chức lại phải có văn bản báo cáo cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại về dự kiến việc thực hiện nghĩa vụ thi hành án trong khi tổ chức lại để giải quyết về thủ tục thi hành án. Báo cáo phải nêu rõ tình hình, kết quả chấp hành án; phương hướng, trách nhiệm thi hành án của pháp nhân thương mại sau khi tổ chức lại.

2. Cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại trong khi xem xét, giải quyết cho pháp nhân thương mại được tổ chức lại phải có văn bản thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự để chủ động trong việc tổ chức thi hành án khi pháp nhân thương mại tổ chức lại.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trao đổi của cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại, cơ quan thi hành án hình sự phải có văn bản đề nghị Tòa án đã ra quyết định thi hành án để cho ý kiến về việc thi hành án đối với pháp nhân thương mại khi tổ chức lại, đồng thời gửi Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Tòa án đã ra quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự phải có văn bản trả lời cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại và pháp nhân thương mại về việc thi hành án khi tổ chức lại.

4. Trường hợp pháp nhân thương mại được tổ chức lại, cơ quan thi hành án hình sự có trách nhiệm thông báo về nghĩa vụ thi hành án sau khi tổ chức lại cho cơ quan có thẩm quyền cấp phiếu lý lịch tư pháp Công an cấp tỉnh nơi pháp nhân thương mại trước khi tổ chức lại có trụ sở để cập nhật vào cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

Điều 13. Thi hành án trong trường hợp pháp nhân thương mại được chia, tách

1. Nghĩa vụ thi hành án trong trường hợp pháp nhân thương mại được chia, tách như sau:

a) Trường hợp nội dung, lĩnh vực phải thi hành án được giao toàn bộ cho một pháp nhân thương mại mới thì pháp nhân thương mại mới đó chịu trách nhiệm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thi hành án;

b) Trường hợp nội dung, lĩnh vực thi hành án được giao cho các pháp nhân thương mại mới khác nhau thì các pháp nhân thương mại mới thực hiện theo nghĩa vụ thi hành án được chuyển giao.

2. Việc thi hành án trong trường hợp pháp nhân thương mại được chia, tách thực hiện như sau:

a) Trường hợp pháp nhân thương mại tiếp nhận nghĩa vụ thi hành án có trụ sở thuộc cùng phạm vi đơn vị hành chính cấp tỉnh, phạm vi cấp quân khu của pháp nhân thương mại trước khi được chia, tách thì cơ quan thi hành án hình sự đang thi hành án đối với pháp nhân thương mại trước khi chia, tách

Handwritten mark

tiếp tục tổ chức thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và Nghị định này;

b) Trường hợp pháp nhân thương mại tiếp nhận nghĩa vụ thi hành án có trụ sở ngoài phạm vi đơn vị hành chính cấp tỉnh, ngoài phạm vi cấp quân khu thì cơ quan thi hành án hình sự nơi pháp nhân thương mại tiếp nhận nghĩa vụ thi hành án có trụ sở tiến hành lập hồ sơ thi hành án và tổ chức thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và Nghị định này.

Cơ quan thi hành án hình sự đang thi hành án đối với pháp nhân thương mại trước khi chia, tách có trách nhiệm sao gửi tài liệu trong hồ sơ thi hành án cho cơ quan thi hành án hình sự nơi pháp nhân thương mại tiếp nhận nghĩa vụ chấp hành án có trụ sở để tổ chức thi hành án.

3. Thời gian đã chấp hành án của pháp nhân thương mại trước khi được chia, tách được tính vào thời gian chấp hành án của các pháp nhân thương mại tiếp nhận nghĩa vụ thi hành án.

Điều 14. Thi hành án trong trường hợp pháp nhân thương mại được hợp nhất, sáp nhập

1. Pháp nhân thương mại tiếp nhận pháp nhân thương mại đang chấp hành án khi hợp nhất, sáp nhập có trách nhiệm tiếp nhận nghĩa vụ thi hành án của pháp nhân thương mại được hợp nhất, sáp nhập.

2. Việc thi hành án trong trường hợp pháp nhân thương mại được hợp nhất, sáp nhập như sau:

a) Trường hợp pháp nhân thương mại tiếp nhận nghĩa vụ thi hành án có trụ sở thuộc cùng phạm vi đơn vị hành chính cấp tỉnh, phạm vi cấp quân khu của pháp nhân thương mại trước khi được hợp nhất, sáp nhập thì cơ quan thi hành án hình sự đang thi hành án đối với pháp nhân thương mại trước khi hợp nhất, sáp nhập tiếp tục tổ chức thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và Nghị định này;

b) Trường hợp pháp nhân thương mại tiếp nhận nghĩa vụ thi hành án có trụ sở ngoài phạm vi đơn vị hành chính cấp tỉnh, ngoài phạm vi cấp quân khu thì cơ quan thi hành án hình sự đang thi hành án đối với pháp nhân thương mại trước khi hợp nhất, sáp nhập bàn giao hồ sơ thi hành án cho cơ quan thi hành án hình sự nơi pháp nhân thương mại tiếp nhận nghĩa vụ thi hành án có trụ sở để tổ chức thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và Nghị định này;

c) Thời gian đã chấp hành án của pháp nhân thương mại trước khi hợp nhất, sáp nhập được tính vào thời hạn chấp hành án của pháp nhân thương mại tiếp nhận nghĩa vụ thi hành án.

Điều 15. Thi hành án trong trường hợp pháp nhân thương mại chuyển đổi loại hình doanh nghiệp

1. Trường hợp pháp nhân thương mại chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thì không làm thay đổi nghĩa vụ thi hành án. Pháp nhân thương mại có trách

1

nhiệm báo cáo cơ quan thi hành án hình sự về việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.

2. Cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại có trách nhiệm cung cấp thông tin về việc pháp nhân thương mại chấp hành án chuyển đổi loại hình doanh nghiệp cho cơ quan thi hành án hình sự để tiếp tục tổ chức thi hành án đối với pháp nhân thương mại.

3. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu tiếp tục thực hiện thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và Nghị định này.

CHƯƠNG IV

CƯỜNG CHẾ THI HÀNH ÁN ĐỐI VỚI PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI

Mục 1. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CƯỜNG CHẾ

Điều 16. Nguyên tắc áp dụng cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại

1. Việc cưỡng chế chỉ được thực hiện khi có quyết định cưỡng chế bằng văn bản của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền.

2. Việc quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế phải căn cứ vào hình phạt, biện pháp tư pháp áp dụng đối với pháp nhân thương mại, nội dung, tính chất, mức độ, điều kiện thi hành quyết định cưỡng chế và tình hình thực tế ở địa phương.

3. Thời hạn áp dụng biện pháp cưỡng chế để bảo đảm thi hành án không quá thời hạn chấp hành hình phạt theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; thời hạn bảo đảm thi hành biện pháp tư pháp được xác định khi biện pháp tư pháp được thi hành xong.

4. Pháp nhân thương mại có thể bị áp dụng một hoặc một số biện pháp cưỡng chế trong cùng một thời điểm nếu việc áp dụng một biện pháp cưỡng chế không đủ để bảo đảm thi hành án.

5. Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của pháp nhân thương mại, tổ chức, cá nhân có liên quan trong cưỡng chế thi hành án.

Điều 17. Các biện pháp cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại

Biện pháp cưỡng chế thi hành án áp dụng đối với pháp nhân thương mại gồm:

1. Phong tỏa tài khoản.

2. Kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền bảo đảm thi hành cưỡng chế biện pháp tư pháp (kê biên tài sản).

3. Tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử; tạm giữ hoặc thu hồi con dấu của pháp nhân thương mại.

7

Điều 18. Lập biên bản việc pháp nhân thương mại không chấp hành án hoặc chấp hành không đầy đủ bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật

1. Trong quá trình kiểm tra, giám sát chấp hành án của pháp nhân thương mại phát hiện pháp nhân thương mại không chấp hành án hoặc chấp hành không đầy đủ bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại lập biên bản về việc pháp nhân thương mại không chấp hành án hoặc chấp hành không đầy đủ bản án, quyết định của Tòa án với sự chứng kiến của người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại và đại diện chính quyền địa phương.

Trường hợp người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại không có mặt hoặc từ chối ký vào biên bản thì phải ghi rõ vào biên bản và vẫn tiến hành lập biên bản.

2. Biên bản phải ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản; căn cứ lập biên bản; họ, tên, chức vụ người lập biên bản; tên, địa chỉ, mã số thuế của pháp nhân thương mại; kết quả chấp hành án của pháp nhân thương mại; ý kiến của người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có).

3. Biên bản nêu tại khoản 1 Điều này là một trong những căn cứ để cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế.

Điều 19. Gửi quyết định cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định cưỡng chế, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền phải gửi quyết định cưỡng chế cho Tòa án đã ra quyết định thi hành án, Viện kiểm sát cùng cấp, cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại có liên quan, pháp nhân thương mại, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại, Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân khác có liên quan; trường hợp thi hành biện pháp cưỡng chế quy định tại khoản 2 và 3 Điều 17 Nghị định này thì quyết định cưỡng chế còn phải được gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tài sản kê biên hoặc nơi có tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử bị tạm giữ hoặc nơi có con dấu bị tạm giữ hoặc thu hồi trước khi thi hành 03 ngày làm việc để phối hợp thực hiện.

Điều 20. Triệu tập, thông báo việc thi hành quyết định cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định cưỡng chế, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền triệu tập người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại chấp hành án đến trụ sở để thông báo quyết định cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại. Khi được cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền triệu tập, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phải có mặt. Trường hợp do tình trạng khẩn cấp, lý do bất khả kháng

J

hoặc trở ngại khách quan mà người được triệu tập không thể có mặt thì lùi việc thông báo sang thời điểm khác nhưng không được quá thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định cưỡng chế thi hành án.

2. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại được triệu tập hợp lệ mà không có mặt theo giấy triệu tập thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền lập biên bản về việc vắng mặt, có chứng kiến, xác nhận của đại diện chính quyền địa phương và được coi là đã được thông báo việc thi hành quyết định cưỡng chế.

Điều 21. Cưỡng chế trong trường hợp chuyển giao nghĩa vụ thi hành án đối với pháp nhân thương mại tổ chức lại

Trường hợp pháp nhân thương mại đang phải chấp hành quyết định cưỡng chế thi hành án mà được chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật thì pháp nhân thương mại kế thừa các quyền và nghĩa vụ của pháp nhân thương mại chấp hành án có trách nhiệm tiếp tục thực hiện quyết định cưỡng chế của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền.

Điều 22. Trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế

1. Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế; công bố ngay các quyết định liên quan được ban hành trong quá trình thực hiện cưỡng chế trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình.

2. Cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp theo yêu cầu của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền để tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế; công bố ngay trên cổng thông tin, trang điện tử của cơ quan, tổ chức mình các quyết định được cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ban hành trong quá trình cưỡng chế khi nhận được.

3. Cơ quan quản lý Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp có trách nhiệm đăng các quyết định được cơ quan thi hành án có thẩm quyền ban hành trong quá trình cưỡng chế lên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp khi nhận được.

Mục 2

PHONG TỎA TÀI KHOẢN

Điều 23. Căn cứ ra Quyết định phong tỏa tài khoản

Việc ra Quyết định phong tỏa tài khoản căn cứ vào:

1. Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;
2. Biên bản được lập theo quy định tại Điều 18 Nghị định này;
3. Pháp nhân thương mại chấp hành án có tài khoản tại các tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (sau đây gọi là tài khoản).

2

4. Tài liệu xác minh thông tin về tài khoản của pháp nhân thương mại.

Điều 24. Trường hợp áp dụng biện pháp phong tỏa tài khoản

Biện pháp phong tỏa tài khoản có thể được áp dụng trong các trường hợp sau:

1. Thi hành cưỡng chế đối với việc chấp hành hình phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn (trong trường hợp đình chỉ tất cả các lĩnh vực).
2. Thi hành cưỡng chế đối với việc chấp hành hình phạt cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định (trong trường hợp cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong tất cả các lĩnh vực); cấm huy động vốn.
3. Thi hành cưỡng chế chấp hành biện pháp tư pháp.

Điều 25. Xác minh thông tin về tài khoản của pháp nhân thương mại

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản theo quy định tại Điều 18 Nghị định này, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra Quyết định phong tỏa tài khoản có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp thông tin về tài khoản của pháp nhân thương mại theo quy định của pháp luật. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu, tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam phải cung cấp thông tin. Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền được cung cấp thông tin có trách nhiệm bảo mật những thông tin được cung cấp và chỉ được sử dụng thông tin đó theo quy định của pháp luật.

2. Pháp nhân thương mại bị áp dụng biện pháp cưỡng chế có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra Quyết định phong tỏa tài khoản về tên tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam nơi mở tài khoản, số tài khoản của pháp nhân thương mại tại tổ chức đó và các thông tin khác về tài khoản khi có yêu cầu.

Điều 26. Ra Quyết định và gửi Quyết định phong tỏa tài khoản

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc xác minh thông tin về tài khoản của pháp nhân thương mại, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra Quyết định phong tỏa tài khoản.

Đối với trường hợp quy định tại khoản 1 và 2 Điều 24 Nghị định này thì ra quyết định phong tỏa toàn bộ tài khoản; đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định này thì ra quyết định phong tỏa số tiền hoặc số chứng khoán trong tài khoản tương ứng với số tiền để thi hành biện pháp tư pháp và chi phí cho việc tổ chức thi hành cưỡng chế.

2. Quyết định phong tỏa tài khoản bao gồm những nội dung cơ bản sau: số quyết định; ngày, tháng, năm ra quyết định; họ tên, chức vụ, đơn vị người ra quyết định; tên, địa chỉ, mã số doanh nghiệp, mã số thuế của pháp nhân thương mại bị phong tỏa tài khoản; số tài khoản phong tỏa, mục đích phong tỏa, tên tài khoản bị phong tỏa, phạm vi phong tỏa, số tiền hoặc số chứng khoán phong tỏa,

l

thời điểm bắt đầu phong tỏa, thời gian phong tỏa, trách nhiệm thực hiện của tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và các thông tin khác (nếu có); chữ ký của người ra quyết định và đóng dấu của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền.

3. Việc gửi, thông báo Quyết định phong tỏa tài khoản thực hiện theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 Nghị định này.

Điều 27. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam nơi pháp nhân thương mại có tài khoản

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được Quyết định phong tỏa tài khoản của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền thì tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam nơi pháp nhân thương mại có tài khoản có trách nhiệm thực hiện việc phong tỏa tài khoản theo Quyết định phong tỏa tài khoản.

2. Tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm thông báo cho pháp nhân thương mại là chủ tài khoản bị phong tỏa về việc phong tỏa tài khoản trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày phong tỏa tài khoản và thông báo bằng văn bản kết quả thực hiện cho cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo cho pháp nhân thương mại.

Điều 28. Khấu trừ tiền trong tài khoản, xử lý chứng khoán trong tài khoản chứng khoán

1. Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự ra quyết định khấu trừ tiền trong tài khoản của pháp nhân thương mại để bảo đảm việc thi hành biện pháp tư pháp quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 82 Bộ luật Hình sự.

2. Số tiền khấu trừ không được vượt quá số tiền để thi hành biện pháp tư pháp và chi phí cho việc tổ chức thi hành cưỡng chế.

3. Ngay sau khi nhận được quyết định về khấu trừ tiền trong tài khoản của pháp nhân thương mại phải thi hành biện pháp tư pháp thì tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước đang quản lý tài khoản của pháp nhân thương mại, công ty chứng khoán nơi pháp nhân thương mại mở tài khoản chứng khoán phải khấu trừ tiền trong tài khoản và chuyển cho cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền để tổ chức cưỡng chế thi hành biện pháp tư pháp.

4. Việc đảm bảo thi hành biện pháp tư pháp trong trường hợp pháp nhân thương mại có chứng khoán trong tài khoản chứng khoán thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 29. Chấm dứt phong tỏa tài khoản

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày pháp nhân thương mại chấp hành xong bản án, quyết định của Tòa án hoặc ngay sau khi cơ quan, tổ chức đã thực hiện xong yêu cầu của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền về khấu

f

trừ tiền, xử lý chứng khoán trong tài khoản của pháp nhân thương mại thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền phải chấm dứt phong tỏa tài khoản.

Việc chấm dứt phong tỏa tài khoản phải bằng quyết định của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền.

2. Sau khi ra Quyết định chấm dứt phong tỏa tài khoản, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền phải gửi tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam đang quản lý tài khoản của pháp nhân thương mại để thi hành Quyết định chấm dứt phong tỏa tài khoản.

3. Tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam đang quản lý tài khoản của pháp nhân thương mại thực hiện chấm dứt phong tỏa tài khoản ngay khi nhận được Quyết định chấm dứt phong tỏa tài khoản và thông báo bằng văn bản việc chấm dứt phong tỏa tài khoản cho cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền và pháp nhân thương mại đang chấp hành án trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày chấm dứt phong tỏa tài khoản.

4. Quyết định chấm dứt phong tỏa tài khoản còn được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 19 Nghị định này.

Mục 3

KÊ BIÊN TÀI SẢN

Điều 30. Căn cứ ra Quyết định kê biên tài sản

Việc ra Quyết định kê biên tài sản căn cứ vào:

1. Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.
2. Biên bản được lập theo quy định tại Điều 18 Nghị định này.
3. Pháp nhân thương mại chấp hành án không có tài khoản hoặc số tiền trong tài khoản tại tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam không đủ để bảo đảm việc cưỡng chế thi hành biện pháp tư pháp.
4. Tài liệu xác minh thông tin về tài sản của pháp nhân thương mại.

Điều 31. Trường hợp áp dụng biện pháp kê biên tài sản

Biện pháp kê biên tài sản được áp dụng để bảo đảm việc cưỡng chế thi hành biện pháp tư pháp quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 82 Bộ luật Hình sự.

Điều 32. Xác minh thông tin về tài sản của pháp nhân thương mại

1. Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền có trách nhiệm xác minh thông tin về tài sản của pháp nhân thương mại bị cưỡng chế.

2. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin về tài sản của pháp nhân thương mại bị cưỡng chế khi có yêu cầu của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền.

Điều 33. Tài sản không được kê biên

1. Tài sản bị cấm lưu thông theo quy định của pháp luật; tài sản phục vụ quốc phòng, an ninh, lợi ích công cộng; tài sản do ngân sách nhà nước cấp cho cơ quan, tổ chức.

2. Số thuốc phục vụ việc phòng, chữa bệnh cho người lao động; lương thực, thực phẩm, dụng cụ và tài sản khác phục vụ bữa ăn cho người lao động.

3. Nhà trẻ, trường học, cơ sở y tế và thiết bị, phương tiện, tài sản khác thuộc các cơ sở này, nếu không phải là tài sản để kinh doanh.

4. Trang thiết bị, phương tiện, công cụ bảo đảm an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ, phòng, chống ô nhiễm môi trường.

Điều 34. Kê biên tài sản đang cầm cố, thế chấp

1. Trường hợp pháp nhân thương mại không còn tài sản nào khác hoặc có tài sản nhưng không đủ để thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự có quyền kê biên, xử lý tài sản của pháp nhân thương mại đang cầm cố, thế chấp nếu giá trị của tài sản đó lớn hơn nghĩa vụ được bảo đảm và chi phí cưỡng chế thi hành án.

2. Trước khi tổ chức kê biên tài sản đang cầm cố, thế chấp ít nhất 02 ngày, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền phải thông báo cho người nhận cầm cố, nhận thế chấp.

Điều 35. Kê biên tài sản của pháp nhân thương mại đang do người thứ ba giữ

1. Trường hợp xác định người thứ ba đang giữ tài sản của pháp nhân thương mại, kể cả trường hợp tài sản được xác định bằng bản án, quyết định khác thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra quyết định kê biên tài sản đó; trường hợp người thứ ba không tự nguyện giao tài sản thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền cưỡng chế buộc họ phải giao tài sản để thi hành án.

2. Trường hợp tài sản kê biên đang cho thuê thì người thuê được tiếp tục thuê theo hợp đồng đã giao kết.

Điều 36. Kê biên vốn góp

Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức nơi pháp nhân thương mại có vốn góp cung cấp thông tin về phần vốn góp của pháp nhân thương mại để kê biên phần vốn góp đó. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xác định phần vốn góp của pháp nhân thương mại; trưng cầu tổ chức, cá nhân có chuyên môn xác định phần giá trị vốn góp của pháp nhân thương mại để cưỡng chế thi hành án.

Điều 37. Kê biên phương tiện giao thông



2

1. Trường hợp kê biên phương tiện giao thông của pháp nhân thương mại, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền yêu cầu pháp nhân thương mại, người đang quản lý, sử dụng phương tiện đó phải giao giấy đăng ký phương tiện đó, nếu có. Trường hợp không có giấy đăng ký phương tiện thì pháp nhân thương mại phải nộp các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp đối với phương tiện đó.

2. Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cầm chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp, cho thuê hoặc hạn chế giao thông đối với phương tiện bị kê biên.

3. Việc kê biên đối với tàu bay, tàu biển để thi hành án được thực hiện theo quy định của pháp luật về bắt giữ tàu bay, tàu biển.

Điều 38. Kê biên, sử dụng, khai thác quyền sở hữu trí tuệ

1. Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra quyết định kê biên quyền sở hữu trí tuệ thuộc quyền sở hữu của pháp nhân thương mại.

Trường hợp pháp nhân thương mại là chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu trí tuệ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác thì quyền sở hữu trí tuệ vẫn bị kê biên.

2. Khi kê biên quyền sở hữu trí tuệ của pháp nhân thương mại, tùy từng đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền thu giữ các giấy tờ có liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ của pháp nhân thương mại.

3. Trường hợp nhằm bảo đảm mục tiêu quốc phòng, an ninh, dân sinh và lợi ích của Nhà nước, xã hội quy định tại Luật sở hữu trí tuệ mà Nhà nước quyết định chủ sở hữu trí tuệ phải chuyển giao quyền của mình cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác sử dụng trong thời gian nhất định thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền không được kê biên quyền sở hữu trí tuệ của pháp nhân thương mại trong thời gian bắt buộc phải chuyển giao.

4. Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền quyết định giao cho cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng, khai thác quyền sở hữu trí tuệ. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao sử dụng, khai thác quyền sở hữu trí tuệ phải nộp số tiền thu được sau khi trừ các chi phí cần thiết cho cơ quan thi hành án hình sự để bảo đảm thi hành biện pháp tư pháp.

Trường hợp cần thiết, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền yêu cầu tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp về sở hữu trí tuệ thu và quản lý thu nhập, lợi nhuận từ việc sử dụng, khai thác quyền sở hữu trí tuệ của pháp nhân thương mại.

5. Trường hợp pháp nhân thương mại đã chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác mà chưa được thanh toán hoặc mới được thanh toán một phần tiền thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra quyết định buộc cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận chuyển giao nộp khoản tiền chưa thanh toán để bảo đảm thi hành biện pháp tư pháp.

Điều 39. Kê biên tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản phải đăng ký quyền sở hữu hoặc đăng ký giao dịch bảo đảm

1. Khi kê biên quyền sử dụng đất, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền yêu cầu pháp nhân thương mại, người đang quản lý giấy tờ về quyền sử dụng đất phải nộp các giấy tờ đó cho cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền. Quyền sử dụng đất của pháp nhân thương mại bị kê biên phải thuộc trường hợp được chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Khi kê biên quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của pháp nhân thương mại thì kê biên cả quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

Trường hợp đất của pháp nhân thương mại có tài sản gắn liền với đất mà tài sản đó thuộc quyền sở hữu của người khác thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền chỉ kê biên quyền sử dụng đất và thông báo cho người có tài sản gắn liền với đất.

3. Trước khi kê biên tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản phải đăng ký quyền sở hữu hoặc đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền yêu cầu cơ quan đăng ký cung cấp thông tin về tài sản, giao dịch đã đăng ký.

4. Sau khi kê biên, cơ quan thi hành án hình sự thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký về việc kê biên tài sản đó.

Cơ quan đăng ký tài sản, đăng ký giao dịch bảo đảm có trách nhiệm tạm dừng hoặc dừng việc thực hiện yêu cầu liên quan đến các giao dịch đối với tài sản của pháp nhân thương mại đăng ký tại cơ quan đăng ký tài sản, đăng ký giao dịch bảo đảm ngay sau khi nhận được yêu cầu của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền.

Điều 40. Kê biên tài sản gắn liền với đất

1. Khi kê biên tài sản là công trình xây dựng gắn liền với đất phải kê biên cả quyền sử dụng đất, trừ trường hợp quyền sử dụng đất không được kê biên theo quy định của pháp luật hoặc việc tách rời tài sản kê biên và đất không làm giảm đáng kể giá trị tài sản đó.

2. Việc kê biên tài sản gắn liền với đất chỉ thực hiện đối với tài sản thuộc phạm vi phải thi hành án.

Điều 41. Ra Quyết định và gửi Quyết định kê biên tài sản

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc xác minh thông tin về tài sản của pháp nhân thương mại, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra Quyết định kê biên tài sản.

2. Quyết định kê biên tài sản bao gồm những nội dung cơ bản sau: số quyết định; ngày, tháng, năm ra quyết định; căn cứ ra quyết định; họ tên, chức vụ, đơn vị của người ra quyết định; tên, địa chỉ, mã số doanh nghiệp, mã số thuế của pháp nhân thương mại bị kê biên tài sản; số tiền, tài sản cần kê biên; địa điểm kê biên; chữ ký của người ra quyết định và đóng dấu cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền.



1

3. Việc gửi, thông báo Quyết định kê biên tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 Nghị định này.

Điều 42. Tổ chức thi hành kê biên tài sản

1. Việc kê biên tài sản phải thực hiện vào ban ngày, thời gian từ 08 giờ đến 17 giờ, trừ các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật và các trường hợp đặc biệt khác do Chính phủ quy định.

2. Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền chủ trì thực hiện việc kê biên.

3. Khi tiến hành kê biên tài sản phải có mặt người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại, tổ chức, cá nhân có tài sản bị kê biên, đại diện chính quyền địa phương nơi có tài sản bị kê biên và người chứng kiến. Trường hợp được triệu tập, thông báo hợp lệ nhưng người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại, tổ chức, cá nhân có tài sản kê biên vắng mặt thì vẫn tiến hành kê biên tài sản và lập biên bản về việc vắng mặt, có chứng kiến của đại diện chính quyền địa phương nơi có tài sản bị kê biên, đại diện cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại.

4. Chỉ được kê biên tài sản của pháp nhân thương mại bị cưỡng chế tương ứng với số tiền để thi hành biện pháp tư pháp và chi phí cho việc tổ chức thi hành cưỡng chế.

5. Chỉ kê biên những tài sản của pháp nhân thương mại bị cưỡng chế đồng sở hữu với người khác nếu không đủ để thi hành Quyết định kê biên tài sản. Trường hợp tài sản có tranh chấp thì vẫn tiến hành kê biên và giải thích cho những người cùng sở hữu tài sản kê biên về quyền khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự.

Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền thông báo công khai thời gian, địa điểm tiến hành kê biên để các đồng sở hữu, người có tranh chấp biết. Hết thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kê biên mà không có người khởi kiện thì tài sản kê biên được đem bán đấu giá theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

Điều 43. Biên bản kê biên tài sản

1. Việc kê biên tài sản phải được lập biên bản. Trong biên bản ghi rõ: Thời gian, địa điểm tiến hành kê biên tài sản; cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền chủ trì thực hiện việc kê biên; người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại bị kê biên tài sản, tổ chức, cá nhân có tài sản bị kê biên hoặc người đại diện hợp pháp của họ; người chứng kiến; đại diện chính quyền địa phương nơi có tài sản bị kê biên; mô tả tên gọi, tình trạng, đặc điểm từng tài sản bị kê biên.

2. Đại diện cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại, tổ chức, cá nhân có tài sản bị kê biên hoặc người đại diện hợp pháp của họ, đại diện chính quyền địa phương và người chứng kiến ký vào biên bản. Trường hợp có người vắng mặt hoặc có mặt mà từ chối ký biên bản thì việc đó phải ghi vào biên bản và nêu rõ lý do.

L

3. Biên bản kê biên được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế giữ 01 bản, 01 bản giao cho người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại.

Điều 44. Giao bảo quản tài sản kê biên

1. Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền thực hiện kê biên tài sản lựa chọn một trong các hình thức sau đây để bảo quản tài sản kê biên:

a) Giao cho pháp nhân thương mại hoặc người đang quản lý, sử dụng tài sản đó bảo quản;

b) Giao cho tổ chức, cá nhân có điều kiện bảo quản;

c) Giao cho một trong những đồng sở hữu chung bảo quản nếu tài sản đó thuộc sở hữu chung.

2. Đối với tài sản là vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, ngoại tệ thì tạm giao cho Kho bạc Nhà nước quản lý; đối với các tài sản khác thì tùy từng trường hợp cụ thể sẽ tạm giao cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành để quản lý.

3. Khi giao bảo quản tài sản kê biên, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền phải lập biên bản. Trong biên bản ghi rõ: Thời gian bàn giao bảo quản; người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại bị cưỡng chế, người được giao bảo quản tài sản, người chứng kiến việc bàn giao; số lượng, tình trạng (chất lượng) tài sản; quyền và nghĩa vụ của người được giao bảo quản tài sản và phải được ký đảm bảo vào phần cuối của từng trang biên bản.

Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền, người được giao bảo quản tài sản, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại bị cưỡng chế, người chứng kiến ký tên vào biên bản. Biên bản có nhiều tờ thì phải ký vào từng tờ biên bản. Trong trường hợp có người vắng mặt hoặc có mặt mà từ chối ký biên bản thì việc đó phải ghi vào biên bản và nêu rõ lý do.

Biên bản được giao cho người được giao bảo quản tài sản, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại bị cưỡng chế, người chứng kiến và người chủ trì thực hiện kê biên mỗi người giữ 01 bản.

4. Người được giao bảo quản tài sản được thanh toán chi phí thực tế, hợp lý để bảo quản tài sản, trừ những người quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

5. Người được giao bảo quản tài sản gây hư hỏng, đánh tráo, làm mất hoặc hủy hoại tài sản thì phải chịu trách nhiệm bồi thường và tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 45. Định giá tài sản kê biên

1. Việc định giá tài sản đã kê biên được tiến hành tại trụ sở của pháp nhân thương mại bị kê biên hoặc nơi lưu giữ tài sản bị kê biên, trừ trường hợp phải thành lập Hội đồng định giá tài sản hoặc việc định giá do tổ chức thẩm định giá thực hiện.

2. Tài sản đã kê biên được định giá theo sự thỏa thuận giữa cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền với người đại diện theo pháp luật của pháp nhân

thương mại bị cưỡng chế và chủ sở hữu chung trong trường hợp kê biên tài sản chung. Thời hạn để các bên thỏa thuận về giá không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày tài sản bị kê biên.

Trường hợp các bên không thỏa thuận được về giá thì trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày tài sản bị kê biên, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra quyết định thành lập Hội đồng định giá tài sản hoặc ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Giá số 140/2025/QH15.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày thành lập Hội đồng định giá hoặc kể từ ngày ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá, Hội đồng định giá tài sản, tổ chức thẩm định giá phải tiến hành việc định giá. Việc định giá tài sản dựa trên giá thị trường tại thời điểm định giá. Đối với tài sản mà Nhà nước thống nhất quản lý giá thì việc định giá dựa trên cơ sở giá tài sản do Nhà nước quy định.

3. Việc định giá tài sản phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ thời gian, địa điểm, phương pháp tiến hành định giá, thành phần những người tham gia định giá, tên và trị giá tài sản đã được định giá, chữ ký của các thành viên tham gia định giá và người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại.

Điều 46. Chuyển giao tài sản đã kê biên để bán đấu giá

1. Đối với tài sản bị kê biên để bán đấu giá, giá khởi điểm được xác định theo quy định tại Điều 45 Nghị định này. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày tài sản bị kê biên, người đã ra quyết định cưỡng chế ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá với tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để bán đấu giá; trường hợp không ký được hợp đồng bán đấu giá với tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thì thành lập Hội đồng bán đấu giá tài sản.

Việc bán đấu giá tài sản bị kê biên được thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

2. Sau khi đã ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền tiến hành chuyển giao tài sản đã kê biên để bán đấu giá. Việc chuyển giao phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ: Thời gian bàn giao; người bàn giao, người nhận; chữ ký của người giao, người nhận; số lượng, tình trạng tài sản. Hồ sơ bàn giao tài sản kê biên cho cơ quan có trách nhiệm bán đấu giá bao gồm: Quyết định cưỡng chế kê biên; các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp (nếu có); văn bản định giá tài sản và biên bản bàn giao tài sản đó.

3. Trường hợp tài sản kê biên là hàng hóa công kênh hoặc có số lượng lớn mà cơ quan có trách nhiệm bán đấu giá không có nơi cất giữ tài sản thì sau khi thực hiện xong thủ tục chuyển giao có thể ký hợp đồng bảo quản tài sản với nơi đang giữ tài sản đó. Chi phí cho việc thực hiện hợp đồng bảo quản được thanh toán từ số tiền bán đấu giá tài sản thu được sau khi bán đấu giá.



Handwritten mark or signature

4. Đối với tài sản thuộc sở hữu chung, khi bán đấu giá thì ưu tiên bán cho người đồng sở hữu trước.

5. Trường hợp số tiền bán đấu giá tài sản nhiều hơn số tiền để bảo đảm thi hành biện pháp tư pháp và chi phí cho việc cưỡng chế thì trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày bán đấu giá, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền làm thủ tục trả lại phần chênh lệch cho pháp nhân thương mại bị cưỡng chế và được lập thành biên bản giao nhận.

Điều 47. Chuyển giao quyền sở hữu tài sản

1. Người mua tài sản kê biên được pháp luật công nhận và bảo vệ quyền sở hữu đối với tài sản đó.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu cho người mua theo quy định của pháp luật.

3. Hồ sơ chuyển quyền sở hữu gồm có:

- a) Bản sao Quyết định cưỡng chế bằng biện pháp kê biên tài sản để bán đấu giá;
- b) Biên bản bán đấu giá tài sản;
- c) Các giấy tờ khác liên quan đến tài sản (nếu có).

Mục 4

TẠM GIỮ TÀI LIỆU, CHỨNG TỪ, THIẾT BỊ CHỨA DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ; TẠM GIỮ HOẶC THU HỒI CON DẤU CỦA PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI

Điều 48. Căn cứ ra Quyết định tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử; tạm giữ hoặc thu hồi con dấu của pháp nhân thương mại

Việc ra Quyết định tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử; tạm giữ hoặc thu hồi con dấu căn cứ vào:

1. Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;
2. Biên bản được lập theo quy định tại Điều 18 Nghị định này.

Điều 49. Trường hợp áp dụng biện pháp tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử; tạm giữ hoặc thu hồi con dấu

1. Tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại có thể được áp dụng trong trường hợp thi hành cưỡng chế chấp hành hình phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn; cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định; cấm huy động vốn theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

Chỉ tạm giữ những tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử liên quan đến lĩnh vực hoạt động của pháp nhân thương mại bị cưỡng chế thi hành án theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

2. Thu hồi con dấu của pháp nhân thương mại được áp dụng trong trường hợp thi hành cưỡng chế chấp hành hình phạt đình chỉ vĩnh viễn toàn bộ hoạt động.

Điều 50. Ra Quyết định và gửi Quyết định tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, tạm giữ hoặc thu hồi con dấu của pháp nhân thương mại

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản theo quy định tại Điều 18 Nghị định này, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra Quyết định tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, tạm giữ hoặc thu hồi con dấu của pháp nhân thương mại.

2. Quyết định tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, tạm giữ hoặc thu hồi con dấu của pháp nhân thương mại bao gồm những nội dung cơ bản sau: số quyết định; ngày, tháng, năm ra quyết định; căn cứ ra quyết định; họ tên, chức vụ, đơn vị của người ra quyết định; tên, địa chỉ, mã số doanh nghiệp, mã số thuế của pháp nhân thương mại; tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử bị tạm giữ, con dấu của pháp nhân thương mại bị tạm giữ hoặc thu hồi; địa điểm tạm giữ hoặc thu hồi; chữ ký của người ra quyết định và đóng dấu cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền.

3. Việc gửi, thông báo về Quyết định tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, tạm giữ hoặc thu hồi con dấu của pháp nhân thương mại được thực hiện theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 Nghị định này.

Điều 51. Tổ chức thi hành Quyết định tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, tạm giữ hoặc thu hồi con dấu của pháp nhân thương mại

1. Chuẩn bị thực hiện tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, tạm giữ hoặc thu hồi con dấu của pháp nhân thương mại

a) Tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại trước khi được tạm giữ hoặc thu hồi cần phải tiến hành niêm phong;

b) Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền chủ trì tổ chức thực hiện việc niêm phong tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại thông báo cho người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại, đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan đến tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại và mời đại diện chính quyền địa phương nơi tổ chức niêm phong chứng kiến.

c) Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền chủ trì tổ chức thực hiện niêm phong tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại phải chỉ đạo chuẩn bị các dụng cụ, phương tiện cần thiết để phục vụ cho việc niêm phong.

2. Thực hiện niêm phong tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại

a) Kiểm tra để mô tả cụ thể, đầy đủ, chính xác thực trạng tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại vào biên bản niêm phong;

b) Đóng gói hoặc đóng kín tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại cần niêm phong;

c) Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền thực hiện niêm phong phải thông báo cho người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại, đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan đến tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại và đại diện chính quyền địa phương nơi tổ chức niêm phong. Những người nêu trên phải ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ (kèm chú thích họ tên người điểm chỉ) vào giấy niêm phong (viết hoặc điểm chỉ bằng mực khó phai);

d) Dán giấy niêm phong

Đối với tài liệu, chứng từ thì phải dán giấy niêm phong đè lên những phần có thể mở được để lấy tài liệu, chứng từ hoặc có thể tác động làm thay đổi tính nguyên vẹn của tài liệu, chứng từ.

Đối với thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại thì phải dán giấy niêm phong đè lên những phần quan trọng có tính xác định nguồn gốc, xuất xứ.

Tùy từng trường hợp cụ thể, phải có hình thức bảo vệ giấy niêm phong cho phù hợp với điều kiện vận chuyển và bảo quản;

đ) Kết thúc niêm phong tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại

Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền lập biên bản niêm phong. Biên bản phải mô tả đúng số lượng, đặc điểm, thực trạng của tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại trước và sau khi niêm phong, có đầy đủ chữ ký, họ tên hoặc điểm chỉ (kèm chú thích họ tên người điểm chỉ) của người tổ chức thực hiện, tham gia niêm phong, tạm giữ hoặc thu hồi. Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, 01 bản đưa vào hồ sơ thi hành án và 01 bản giao cho người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại.

Trường hợp người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại từ chối ký vào biên bản, giấy niêm phong thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền phải ghi vào biên bản.

Trong trường hợp người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại, đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan đến tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại bị niêm phong, tạm giữ hoặc thu hồi đã được thông báo nhưng không có mặt, thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền vẫn tổ chức thực hiện niêm phong, tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, tạm giữ hoặc thu hồi con dấu nhưng phải ghi rõ vào biên bản.



2

3. Tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại bị niêm phong, tạm giữ hoặc thu hồi được lưu giữ tại cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền và phải đảm bảo tính nguyên vẹn trong suốt quá trình tạm giữ.

Tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử của pháp nhân thương mại được niêm phong thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền và người tham gia niêm phong có trách nhiệm bảo mật.

Điều 52. Chấm dứt tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày pháp nhân thương mại chấp hành xong bản án, quyết định của tòa án, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền đã ra Quyết định tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại phải chấm dứt tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu. Việc chấm dứt tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu phải bằng Quyết định của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền.

2. Quyết định chấm dứt tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu phải được gửi cho người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại và pháp nhân thương mại có tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu bị tạm giữ. Việc mở niêm phong thực hiện theo quy định tại Điều 53 Nghị định này.

3. Sau khi ra Quyết định chấm dứt tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền có trách nhiệm bàn giao tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại đã bị tạm giữ.

4. Quyết định chấm dứt tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu còn được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 19 Nghị định này.

Điều 53. Trình tự, thủ tục mở niêm phong để bàn giao tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại bị tạm giữ

1. Chuẩn bị mở niêm phong

Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền chủ trì tổ chức thực hiện mở niêm phong phải thông báo cho người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại và đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan đến tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại và đại diện chính quyền địa phương nơi mở niêm phong.

2. Thực hiện mở niêm phong

a) Kiểm tra niêm phong của tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại trước khi mở niêm phong;

b) Gỡ giấy niêm phong và mở tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại được đóng gói hoặc được đóng kín.

Gỡ giấy niêm phong đối với tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại không được đóng gói hoặc không được đóng kín;

c) Kiểm tra tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại sau khi mở niêm phong.

3. Kết thúc mở niêm phong

Khi kết thúc mở niêm phong phải lập biên bản; biên bản mở niêm phong phải mô tả đúng tình trạng niêm phong trước khi mở, thực trạng của tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại sau khi mở niêm phong và có đầy đủ chữ ký, họ tên hoặc điểm chỉ (kèm theo chú thích họ tên của người điểm chỉ) của người trực tiếp chủ trì, người tham gia mở niêm phong. Biên bản do cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền thực hiện mở niêm phong lập thành 02 bản có giá trị như nhau, 01 bản giao cho người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại, 01 bản đưa vào hồ sơ thi hành án.

Trường hợp kiểm tra niêm phong không còn nguyên vẹn, phải lập biên bản về tình trạng niêm phong tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử của pháp nhân thương mại, thực trạng của các tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại để xác minh làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Sau khi kết thúc mở niêm phong thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền phải bàn giao các tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại. Việc bàn giao phải được lập biên bản có đầy đủ chữ ký, họ tên hoặc điểm chỉ (kèm theo chú thích họ tên của người điểm chỉ) của người trực tiếp chủ trì, người tham gia mở niêm phong theo quy định của pháp luật và Nghị định này.

MỤC 5

BẢO ĐẢM THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH CƯỠNG CHẾ VÀ CHI PHÍ CƯỠNG CHẾ

Điều 54. Các biện pháp bảo đảm thi hành quyết định cưỡng chế

1. Khi có Quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế, nếu có dấu hiệu cho thấy pháp nhân thương mại bị áp dụng biện pháp cưỡng chế có hành vi tẩu tán hoặc làm hư hại tài sản thì người đã ra quyết định cưỡng chế có quyền yêu cầu các cơ quan, tổ chức có liên quan, chính quyền địa phương nơi pháp nhân thương mại bị cưỡng chế đóng trụ sở hoặc nơi có tài sản thực hiện biện pháp phong tỏa nhằm ngăn chặn việc tẩu tán hoặc làm hư hỏng tài sản.

2. Trường hợp pháp nhân thương mại bị cưỡng chế có hành vi chống đối không thực hiện quyết định cưỡng chế thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền có quyền huy động lực lượng, phương tiện để bảo đảm thi hành cưỡng chế.

2

3. Để bảo đảm cưỡng chế thi hành biện pháp tư pháp, sau khi khấu trừ tiền trong tài khoản, xử lý chứng khoán, bán đấu giá tài sản kê biên, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền sẽ thuê khoán cơ quan, tổ chức, cá nhân có chuyên môn phù hợp thực hiện các biện pháp tư pháp theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Việc thuê khoán thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 55. Chuyển việc thi hành quyết định cưỡng chế để bảo đảm thi hành

1. Trường hợp pháp nhân thương mại bị cưỡng chế ở địa bàn cấp tỉnh này nhưng đóng trụ sở ở địa bàn cấp tỉnh khác và không có điều kiện chấp hành quyết định cưỡng chế tại nơi thực hiện hành vi vi phạm thì quyết định cưỡng chế được chuyển đến cơ quan có thẩm quyền cưỡng chế cùng cấp nơi pháp nhân thương mại bị cưỡng chế đóng trụ sở hoặc có tài sản để tổ chức thi hành.

2. Cơ quan chuyển việc thi hành cưỡng chế có trách nhiệm chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc cho cơ quan cùng cấp ở địa phương nơi pháp nhân thương mại bị cưỡng chế đóng trụ sở hoặc có tài sản để tổ chức thi hành.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo chuyển và hồ sơ vụ việc, cơ quan cùng cấp ở địa phương nơi pháp nhân thương mại bị cưỡng chế đóng trụ sở hoặc có tài sản có trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế và thông báo kết quả cho cơ quan đã chuyển.

Điều 56. Xác định chi phí cưỡng chế

1. Chi phí cưỡng chế được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế đã phát sinh trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế phù hợp với giá cả ở từng địa phương.

2. Chi phí cưỡng chế bao gồm:

- a) Chi phí huy động người thực hiện quyết định cưỡng chế;
- b) Chi phí thù lao cho người định giá để tổ chức đấu giá, chi phí tổ chức bán đấu giá tài sản;
- c) Chi phí thuê phương tiện tháo dỡ, chuyên chở đồ vật, tài sản;
- d) Chi phí thuê giữ hoặc bảo quản tài sản đã kê biên;
- đ) Chi phí chuyển việc thi hành quyết định cưỡng chế;
- e) Chi phí thực hiện biện pháp tư pháp;
- g) Chi phí thực tế khác (nếu có).

Điều 57. Tạm ứng, hoàn trả và thanh toán chi phí cưỡng chế

1. Chi phí cưỡng chế được tạm ứng từ ngân sách nhà nước và được hoàn trả ngay sau khi thu được tiền của pháp nhân thương mại bị cưỡng chế.

2. Pháp nhân thương mại bị cưỡng chế phải chịu mọi chi phí cho các hoạt động cưỡng chế.



3. Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn việc quản lý, cấp phát, tạm ứng và hoàn trả chi phí cưỡng chế theo quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TRONG THI HÀNH ÁN ĐỐI VỚI PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI

Điều 58. Trách nhiệm của Bộ Công an trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 2 Điều 175 Luật Thi hành án hình sự trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại.

2. Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, chỉ đạo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh thực hiện thi hành án đối với pháp nhân thương mại;

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại;

c) Công bố thông tin có liên quan đến thi hành án đối với pháp nhân thương mại;

d) Ban hành các biểu mẫu, sổ sách theo dõi thi hành án đối với pháp nhân thương mại;

đ) Thống kê, báo cáo về thi hành án đối với pháp nhân thương mại;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Công an.

Điều 59. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 3 Điều 175 Luật Thi hành án hình sự trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại.

2. Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, chỉ đạo cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu thực hiện thi hành án đối với pháp nhân thương mại;

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại;

c) Công bố các thông tin có liên quan đến thi hành án đối với pháp nhân thương mại;

d) Thống kê, báo cáo về thi hành án đối với pháp nhân thương mại,

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Điều 60. Trách nhiệm của các bộ, ngành trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại

1. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, các bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại.

2. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, tổ chức trực thuộc để phối hợp với Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu trong thực hiện thi hành án đối với pháp nhân thương mại.

Điều 61. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 4 Điều 175 Luật Thi hành án hình sự;

b) Chỉ đạo các cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại thuộc quyền quản lý để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về thi hành án đối với pháp nhân thương mại.

c) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại trên địa bàn;

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh trong thực hiện thi hành án đối với pháp nhân thương mại xảy ra trên địa bàn.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 62. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Nghị định này thay thế ; Nghị định số 44/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại và Nghị định 55/2020/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thi hành án hình sự về thi hành án đối với pháp nhân thương mại.

3. Đối với các bản án, quyết định thi hành án nhận được trước ngày 01 tháng 7 năm 2026 thì tiếp tục thi hành theo quy định của Nghị định số 44/2020/NĐ-CP và Nghị định số 55/2020/NĐ-CP. Đối với các bản án, quyết định thi hành án nhận được từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 thì tổ chức thi hành theo quy định của Nghị định này.

J

Điều 63. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đối tượng áp dụng của Nghị định chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2b)

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

LÊ MINH HÙNG






CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN

Tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp với dự thảo Nghị định quy định về thi hành án pháp nhân thương mại

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Công an có Công văn số 939/BCA-C11 ngày 12/3/2026 của Bộ Công an gửi lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về công tác tái hòa nhập cộng đồng (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định).

1. Tổng số Bộ, Ngành, Ủy Ban nhân dân cấp tỉnh được cơ quan chủ trì soạn thảo gửi lấy ý kiến tham gia: 12 Bộ, Ngành; 34 Ủy Ban nhân dân tỉnh.

2. Tổng số ý kiến cơ quan chủ trì soạn thảo đã nhận được tính đến ngày 10/4/2026: 05 Bộ, Tòa án nhân dân tối cao và 24 Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản trả lời.

3. Kết quả cụ thể:

- Văn bản có ý kiến nhất trí với dự thảo Nghị định, dự thảo Tờ trình: 21

- Tổng hợp ý kiến tham gia nội dung dự thảo hồ sơ Nghị định, cụ thể như sau:

STT	Đơn vị góp ý	Nội dung nghị định	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, không tiếp thu.
I. Dự thảo Tờ trình				
1	Bộ Nội vụ	Thê thức	- Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung Tờ trình theo đúng mẫu số 02 Phụ lục IV Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP (bổ sung cơ sở chính trị, cơ sở thực tiễn, mục đích ban hành, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nguồn lực, điều kiện bảo đảm thi hành và thời gian trình ban hành). Đồng thời, cần làm rõ việc triển khai văn bản không phát sinh tổ chức bộ máy, biên chế (người hưởng lương từ ngân sách nhà nước), bảo đảm phù hợp với tinh thần các Nghị quyết của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII (Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017)	Tiếp thu, chỉnh lý Tờ trình

			<p>về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.</p> <p>- Nghị định này thay thế Nghị định số 55/2020/NĐ-CP và Nghị định số 44/2020/NĐ-CP². Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung nội dung đánh giá cụ thể các khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện các Nghị định nêu trên; đây là căn cứ để chứng minh sự cần thiết ban hành Nghị định mới.</p>	
2	Bộ Quốc phòng		<p>- Về thể thức văn bản, đề nghị nghiên cứu thực hiện theo quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.</p> <p>- Đề nghị bổ sung nội dung liên quan đến xin ý kiến phản biện của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, nội dung liên quan đến phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, giới tính, đánh giá thủ tục hành chính...</p>	Tiếp thu, chỉnh lý Tờ trình
3	Hà Tĩnh		Rà soát, chỉnh lý nội dung Tờ trình theo đúng Mẫu số 02 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.	Tiếp thu, chỉnh lý Tờ trình
4	Bộ Tư pháp		<p>Tại mục 1 dự thảo Tờ trình, cơ quan chủ trì soạn thảo đã bước đầu phân tích về sự cần thiết ban hành dự thảo Nghị định. Tuy nhiên, nội dung đánh giá tại mục này còn mang tính khái quát, chưa làm nổi bật được những bất cập, hạn chế xuất phát từ quy định của pháp luật cũng như chưa chỉ ra đầy đủ mối liên hệ giữa những bất cập, hạn chế đó với yêu cầu sửa đổi, bổ sung quy định của pháp luật. Bộ tư pháp thấy rằng, theo quy định của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP thì Hào cáo tổng kết thi hành pháp luật không phải là thành phần bắt buộc trong hồ sơ dự thảo văn bản để lấy ý kiến. Tuy nhiên, để triển khai thi hành Luật Thi hành án hình sự năm 2019 về thi hành án đối với pháp nhân thương mại, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 55/2020/NĐ-CP ngày 22/5/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thi hành án hình sự về thi hành án đối với pháp nhân thương mại và Nghị định số 44/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ quy định cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại và các văn bản đã được tổ chức thi hành trên thực tế trong thời gian hơn 05 năm. Do đó, để đảm bảo cơ sở thực tiễn đầy đủ, toàn diện, làm nổi bật sự cần thiết ban hành Nghị định cũng như làm căn</p>	Tiếp thu, chỉnh lý Tờ trình

		<p>cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định hiện hành, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện nội dung về sự cần thiết ban hành Nghị định, trong đó tập trung xác định cụ thể các hạn chế, bất cập, vướng mắc trong quá trình thi hành; nguyên nhân của các hạn chế, bất cập, vướng mắc là do quy định pháp luật hay do tổ chức thực hiện; đồng thời đánh giá mức độ, phạm vi ảnh hưởng của các bất cập, hạn chế, vướng mắc này, trên cơ sở đó để làm rõ tính hợp lý của các quy định trong dự thảo Nghị định.</p> <p>- Tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP quy định nội dung Tờ trình dự thảo văn bản trình Chính phủ, bao gồm các nội dung: (1) Sự cần thiết ban hành văn bản; (2) Mục đích ban hành, quan điểm xây dựng dự thảo văn bản; (3) Quá trình xây dựng dự thảo văn bản; (4) Bố cục và nội dung cơ bản của dự thảo văn bản, trong đó phải nêu rõ các nội dung quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều này; (5) Những nội dung bổ sung mới so với dự thảo văn bản gửi thẩm định (nếu có); (6) Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản và thời gian trình thông qua hoặc ban hành; (7) Vấn đề xin ý kiến (nếu có). Đối với nội dung về bố cục và nội dung cơ bản của dự thảo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế phải nêu rõ nội dung sửa đổi, hoàn thiện; nội dung bổ sung; nội dung lược bỏ; nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; nội dung phân quyền, phân cấp; vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến cấp có thẩm quyền và kiến nghị phương án giải quyết (khoản 2 Điều 6). Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý và hoàn thiện dự thảo Tờ trình để đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về nội dung của dự thảo Tờ trình theo quy định của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.</p>	
5	Bộ Ngoại giao	<p>- Phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 187/2025/NĐ-CP), đề nghị cân nhắc bổ sung vào dự thảo Tờ trình các nội dung sau: mục đích ban hành, dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản và thời gian trình thông qua hoặc ban hành.</p> <p>- Phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành</p>	Tiếp thu, chỉnh lý Tờ trình

			<p>Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 187/2025/NĐ-CP), đề nghị cơ quan chủ trì bổ sung tài liệu kèm theo Tờ trình như sau:</p> <p>(1) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật kèm phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan (nếu có); (ii) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có) và (iii) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo.</p> <p>- Về rà soát các điều ước quốc tế có liên quan, đề nghị Quý Bộ bổ sung đánh giá tính tương thích đối với các điều ước quốc tế có liên quan trong dự thảo Tờ trình, lưu ý rà soát tương thích với các hiệp định như WTO, các FTA (CPTPP, EVFTA...), các Hiệp định bảo hộ đầu tư (BITs) để bảo đảm các nguyên tắc không phân biệt đối xử, hạn chế chuyển vốn, tài sản trái cam kết. Qua rà soát sơ bộ, Bộ Ngoại giao chưa phát hiện dự thảo Nghị định có quy định trái đổi với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.</p>	
II. Dự thảo Nghị định				
1	Bộ Nội vụ		Đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định chuyển tiếp trong trường hợp cần thiết nhằm bảo đảm tính liên tục, thống nhất trong áp dụng pháp luật, tránh phát sinh khoảng trống pháp lý và vướng mắc trong tổ chức thực hiện.	Tiếp thu, bổ sung 01 khoản về chuyển tiếp tại Điều 62
2	Bộ Tư pháp	Điều 1	<p>- Về tên gọi, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định (Điều 1)</p> <p>Bộ Tư pháp thấy rằng, tên gọi của dự thảo Nghị định được xác định là Nghị định quy định về thi hành án đối với pháp nhân thương mại. Với tên gọi này thì phạm vi quy định của dự thảo Nghị định sẽ bao quát toàn diện các vấn đề liên quan đến thi hành án đối với pháp nhân thương mại. Tuy nhiên, nội dung tại Điều 1 dự thảo Nghị định xác định phạm vi điều chỉnh của Nghị định là quy định chi tiết thi hành án đối với pháp nhân thương mại đối với 04 điều được Luật Thi hành án hình sự số 127/2025/QH15 giao quy định chi tiết, đó là: Điều 141, 144, 145 và 146. Nội dung các điều luật này tập trung chủ yếu vào một số vấn đề liên quan đến thủ tục thi hành án, cưỡng chế thi hành án, chuyển giao nghĩa vụ thi hành án trong trường hợp pháp nhân thương mại tổ chức lại và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại, chưa phản ánh đầy đủ, toàn diện các vấn đề liên quan đến thi hành án đối với pháp</p>	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Bộ Công an đã rà soát các quy định của Luật Thi hành án hình sự cần thiết quy định trong dự thảo Nghị định

			nhân thương mại. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, rà soát để bảo đảm quy định toàn diện các nội dung liên quan đến thi hành án đối với pháp nhân thương mại, phù hợp với tên gọi của dự thảo Nghị định.	
3	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Điều 2	Đề nghị sử dụng cụm từ cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện thi hành án hình sự đối với pháp nhân thương mại cho thống nhất với quy định tại Điều 3 dự thảo Nghị định.	Tiếp thu, chỉnh lý trong dự thảo
4	Huế	Điều 3	Tại khoản 3 Điều 3 hiệu chỉnh cụm từ “cơ quan quản lý nhà nước” thành “cơ quan quản lý nhà nước”.	Tiếp thu, chỉnh lý trong dự thảo
5	Bộ Quốc phòng	Căn cứ	Về căn cứ ban hành, đề nghị bỏ căn cứ Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Bộ luật Dân sự vì không phải căn cứ ban hành Nghị định này.	Không tiếp thu; để bảo đảm đủ căn cứ pháp lý
6	Bộ Quốc phòng	Điều 4	Đề nghị bỏ Điều 4 về kinh phí bảo đảm thi hành án, vì đã được Luật Thi hành án hình sự quy định. Khoản 2 Điều 6, đề nghị chỉnh lý “05 ngày làm việc” thành “03 ngày làm việc” để thống nhất với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 141 Luật Thi hành án hình sự.	Đề nghị giữ quy định này để đảm bảo đầy đủ, thống nhất trong tổ chức thi hành án đối với pháp nhân thương mại
7	Khánh Hòa		Tại Điều 4 dự thảo Nghị định quy định: “Kinh phí bảo đảm thi hành án hình sự đối với pháp nhân thương mại do ngân sách nhà nước chi trả” được hiểu là ngân sách nhà nước chi trả cho công tác thi hành án. Để đảm bảo sự công bằng, giảm áp lực cho ngân sách nhà nước. Đề nghị nghiên cứu quy định theo hướng đối với các chi phí phát sinh trực tiếp do lỗi của pháp nhân thương mại (Chi phí cưỡng chế, chi phí thẩm định giá tài sản kê biên...) thì pháp nhân thương mại phải chịu trách nhiệm chi trả.	
8	Bộ Ngoại	Điều 5	Tại khoản 1 Điều 5, đề nghị cân nhắc định lượng hóa khái niệm “có ngay văn bản” là	Không tiếp thu

	giao		bao lâu.	đề phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự
9	Huế		Tại khoản 1 Điều 5 hiệu chỉnh các cụm từ "thi hành án" thành "thi hành án"; "phải có ngay văn bản" thành "phải kịp thời có văn bản".	Không tiếp thu
10	Khánh Hòa		Khoản 2, khoản 3 Điều 5 dự thảo Nghị định. Đề nghị bổ sung quy định về việc " <i>giao nhận trực tiếp</i> " hoặc " <i>gửi qua đường bưu điện có bảo đảm</i> " để xác định chính xác thời điểm pháp nhân thương mại nhận được yêu cầu báo cáo thực hiện các công việc, biện pháp để thi hành bản án, quyết định thi hành án. Đồng thời, dùng làm căn cứ tính thời hạn báo cáo.	Không tiếp thu vì khoản này chỉ quy định việc nhận bản án, quyết định thi hành án
11	Tuyên Quang		- Tại khoản 3, Điều 5 dự thảo Nghị định đề nghị bỏ cụm từ " <i>trừ trường hợp đã nhận được báo cáo của pháp nhân thương mại quy định tại khoản 4 Điều này</i> "	
	Bộ Công thương		Điều 6 dự thảo quy định về xác định cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại có trách nhiệm trong thi hành án, tuy nhiên chưa làm rõ nguyên tắc xác định trong trường hợp có nhiều cơ quan cùng có liên quan. Thực tiễn hiện nay, đối với một số lĩnh vực như năng lượng, có thể đồng thời tồn tại nhiều cơ quan quản lý khác nhau như cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan cấp phép, cơ quan đại diện chủ sở hữu... dẫn đến khả năng chồng chéo, khó xác định trách nhiệm cụ thể.	Trường hợp có nhiều cơ quan quản lý khác nhau, cơ quan thi hành án hình sự có trách nhiệm xác định đúng, đủ để yêu cầu phối hợp thi hành án
12	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Điều 6	- Ý 1: Đề nghị quy định rõ hoặc cụ thể về "có hiệu quả" tại khoản 1 Điều 6: "1. Căn cứ bản án, quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự xác định các cơ quan có liên quan đến hoạt động của pháp nhân thương mại để phối hợp thi hành án đối với pháp nhân thương mại có hiệu quả." - Ý 2: Đề quy định chi tiết khoản 5 Điều 145 của Luật thi hành án hình sự, đề nghị bổ sung vào Điều 6 quy định về thời hạn cơ quan nhà nước thực hiện công bố quyết định,	- Ý 1: Không tiếp thu. - Ý 2: Tiếp thu, chỉnh lý trong dự thảo

		văn bản của cơ quan thi hành án hình sự và biện pháp được áp dụng đối với pháp nhân thương mại.	
	Bộ Quốc phòng	Khoản 2 Điều 6, đề nghị chỉnh lý “05 ngày làm việc” thành “03 ngày làm việc” để thống nhất với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 141 Luật thi hành án hình sự.	Tiếp thu, chỉnh lý trong dự thảo.
13	Bộ Tư Pháp	Về xác định cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại có trách nhiệm trong thi hành án (Điều 6) Tại khoản 2 quy định: “Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự phải ra quyết định về danh sách cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại và gửi văn bản yêu cầu phối hợp tổ chức thi hành án đối với pháp nhân thương mại cho cơ quan đó”. Tuy nhiên, Bộ Tư pháp thấy rằng, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 141 Luật Thi hành án hình sự số 127/2025/QH15 thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự phải gửi văn bản yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại thực hiện một hoặc một số biện pháp quy định tại Điều 145 của Luật này. Như vậy, Luật quy định thời hạn gửi văn bản yêu cầu phối hợp tổ chức thi hành án đối với pháp nhân thương mại cho cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại là 03 ngày làm việc. Do đó, việc dự thảo Nghị định quy định thời hạn 05 ngày làm việc để thực hiện việc gửi văn bản yêu cầu phối hợp là chưa thực sự phù hợp với quy định của Luật, đồng thời việc kéo dài thời gian lên 05 ngày làm việc có thể ảnh hưởng đến tính kịp thời, tiến độ và hiệu quả tổ chức thi hành các biện pháp đối với pháp nhân thương mại.	Tiếp thu, chỉnh lý trong dự thảo
14	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Khoản 3. Đề nghị nghiên cứu để làm rõ yêu cầu trong thi hành án và việc chấp hành án của pháp nhân thương mại là những nội dung cụ thể nào để đảm bảo tính rõ ràng, cũng như việc thực hiện thống nhất trong thực tiễn.	Tuỳ theo cơ quan quản lý nhà nước, vụ việc cụ thể, cơ quan thi hành án hình sự sẽ có yêu cầu phù hợp

15	Huế		<p>Tại khoản 2 Điều 6 hiệu chỉnh các cụm từ “thi hành án” thành “thi hành án”; “ra quyết định về danh sách” thành “ban hành quyết định về danh sách”.</p>	<p>Tiếp thu chỉnh lý từ “thi hành án” thành “thi hành án”. Không tiếp thu “ban hành quyết định về danh sách”</p>
16	Bộ Tư Pháp	Điều 7	<p>Về triệu tập người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại để thông báo, yêu cầu thi hành án (Điều 7)</p> <p>- Tại khoản 2 quy định: "Trường hợp cần thiết, cơ quan thi hành án hình sự có thể mời thêm cán bộ của các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc thi hành án đối với pháp nhân thương mại tham dự buổi làm việc. Kết thúc buổi làm việc phải lập biên bản có chữ ký của người chủ trì, người được triệu tập, cán bộ thụ lý vụ việc thi hành án, đại diện Viện kiểm sát (nếu tham dự buổi làm việc)". Bộ Tư pháp thấy rằng, quy định về thành phần ký biên bản hiện chỉ bao gồm người chủ trì, người được triệu tập, cán bộ thụ lý vụ việc thi hành án và đại diện Viện kiểm sát (nếu tham dự), trong khi dự thảo Nghị định quy định cơ quan thi hành án hình sự có thể mời thêm cán bộ của các cơ quan, đơn vị có liên quan tham dự buổi làm việc. Như vậy, trường hợp có sự tham gia của các cơ quan, đơn vị được mời nhưng không được phản ánh trong thành phần ký biên bản dẫn đến chưa bảo đảm bao quát đầy đủ các chủ thể thực tế tham gia buổi làm việc. Mặt khác, dự thảo Nghị định chưa làm rõ địa vị pháp lý, tư cách tham gia của cán bộ thuộc các cơ quan, đơn vị được mời trong buổi làm việc, dẫn đến chưa rõ việc họ có cần ký biên bản hay không và chịu trách nhiệm trong phạm vi nào đối với nội dung biên bản. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ tư cách pháp lý của các cơ quan, đơn vị được mời tham dự buổi làm việc; đồng thời nghiên cứu quy định đầy đủ về thành phần ký biên bản theo hướng bảo đảm phù hợp với thực tế tham gia và vai trò của các chủ thể liên quan.</p> <p>- Tại khoản 3 quy định: "Trường hợp người được triệu tập không thể có mặt theo yêu cầu vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thì phải báo cáo bằng văn bản và được cơ quan thi hành án hình sự chấp thuận bằng văn bản". Tuy nhiên, Bộ Tư pháp</p>	<p>- Khoản 2 Điều 7 dự thảo Nghị định quy định việc ký biên bản làm việc chỉ gồm những thành phần có liên quan trực tiếp đến việc thi hành án (người chủ trì, người được triệu tập, cán bộ thụ lý việc thi hành án, đại diện Viện kiểm sát). Đối với các thành phần khác được mời đến làm việc sẽ được ghi nhận trong biên bản nhưng không</p>

		<p>thấy rằng, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 141 Luật Thi hành án hình sự số 127/2025/QH15, khi được cơ quan thi hành án hình sự triệu tập để thông báo, yêu cầu thi hành hình phạt, biện pháp tư pháp, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phải có mặt, trừ trường hợp do tình trạng khẩn cấp, lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Như vậy, quy định tại khoản 3 chỉ mới đề cập đến 02 trường hợp người được triệu tập không thể có mặt đó là vì lý do bất khả kháng và trở ngại khách quan mà chưa bao quát trường hợp do tình trạng khẩn cấp. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung trường hợp người được triệu tập không thể có mặt do tình trạng khẩn cấp tại khoản 3 dự thảo Nghị định để đảm bảo phù hợp với quy định của Luật, đồng thời bao quát đầy đủ các trường hợp phát sinh trong thực tiễn và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người được triệu tập.</p>	<p>cần thiết phải ký biên bản làm việc.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Công an chính lý, bổ sung “lý do tình trạng khẩn cấp” vào khoản 3 Điều 7</p>
	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	<p>Điểm a khoản 1 Điều 144 Luật Thi hành án hình sự quy định: “Khi được cơ quan thi hành án hình sự triệu tập để thông báo, yêu cầu thi hành hình phạt, biện pháp tư pháp, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phải có mặt, trừ trường hợp do tình trạng khẩn cấp, lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan”. Theo đó, đề nghị bổ sung trường hợp vắng mặt do tình trạng khẩn cấp để đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 144 Luật Thi hành án hình sự.</p> <p>Đồng thời, đề nghị cân nhắc có quy định xử lý đối với những trường hợp trở ngại khác quan kéo dài vượt quá thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án (nếu có).</p>	Tiếp thu, chỉnh lý trong dự thảo
9	Bộ Quốc phòng	<p>Điều 7. Đề nghị cân nhắc việc quy định gửi quyết định, gửi thông báo về việc triệu tập và làm việc với đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại cho Viện kiểm sát, cơ quan liên quan và quy định thành phần tham gia làm việc, vì Luật Thi hành án hình sự không quy định, nội dung làm việc chỉ là thông báo và yêu cầu thi hành án.</p>	Điều 7 quy định cụ thể thực hiện Điều 141, trong đó có việc triệu tập thi hành án
10	Bộ Ngoại giao	<p>Tại khoản 3 Điều 7, đề nghị điều chỉnh, làm rõ nội dung để đảm bảo tính khả thi của quy định. Ví dụ về trách nhiệm báo cáo vắng mặt trong trường hợp người được triệu</p>	Đề nghị không bổ sung quy

			tập không thể có mặt, cần làm rõ hơn cá nhân liên quan phải trực tiếp báo cáo hay không, nếu bắt buộc thì trong trường hợp người này không thể báo cáo (ví dụ: gặp tai nạn nghiêm trọng, mất nhận thức) thì thực hiện thế nào; sự cần thiết của yêu cầu phải “được cơ quan hình sự chấp thuận bằng văn bản” đối với việc báo cáo vắng mặt.	định này vì khoản 3 Điều 7 đã đảm bảo các yêu cầu trong việc thực hiện triệu tập thi hành án
	Bộ Công thương		Tại khoản 3 Điều 7 dự thảo, đề nghị cân nhắc quy định chi tiết các trường hợp được coi là “trở ngại khách quan” để tránh trường hợp pháp nhân thương mại lợi dụng kéo dài thời gian để tẩu tán tài sản, lẩn tránh việc thi hành án. Trong thời gian có trở ngại khách quan, đề nghị cân nhắc bổ sung yêu cầu pháp nhân thương mại không được phép có các giao dịch chuyển đổi sở hữu liên quan đến tài sản bị yêu cầu thực hiện thi hành án	Khoản 1 Điều 141 Luật Thi hành án hình sự đã có quy định này.
11	Bộ Ngoại giao		Đối với pháp nhân thương mại nước ngoài hoạt động tại Việt Nam, đề nghị cân nhắc bổ sung quy định cơ quan chức năng thông báo cho Bộ Ngoại giao trước khi áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án để kịp thời nắm bắt thông tin, chuẩn bị nội dung làm việc với cơ quan đại diện nước ngoài trong trường hợp cơ quan đại diện nước ngoài thực hiện chức năng bảo hộ công dân, pháp nhân theo Công ước Viên 1963 về quan hệ lãnh sự.	Khoản 1 Điều 141 Luật Thi hành án hình sự đã có quy định này
	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Điều 8	Điểm c khoản 2 Điều 8 Luật Thi hành án hình sự năm 2025 quy định Cơ quan thi hành án hình sự bao gồm cơ quan thi hành án hình sự quân khu và tương đương. Do vậy, đề nghị chỉnh sửa quy định tại khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định cho phù hợp với với điểm c khoản 2 Điều 8 Luật Thi hành án hình sự.	Khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định đã có quy định cơ quan thi hành án hình sự gồm cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh và cơ quan thi hành án hình sự cấp

12	Bộ Pháp	Tur	<p>Điều 9</p> <p>Về công bố quyết định thi hành án, giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt, giấy chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp (Điều 9)</p> <p>- Tại đoạn 1 điểm b khoản 1 quy định trách nhiệm của pháp nhân thương mại thông báo việc chấp hành hình phạt, biện pháp tư pháp cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; báo cáo cơ quan thi hành án hình sự và cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại về kết quả thực hiện. Tuy nhiên, Bộ Tư pháp thấy rằng, với nội dung của khoản 1 là quy định về công bố quyết định thi hành án thì việc bổ sung trách nhiệm thông báo việc chấp hành hình phạt, biện pháp tư pháp cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; báo cáo cơ quan thi hành án hình sự và cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại về kết quả thực hiện như hiện nay là chưa thực sự phù hợp với tên gọi và nội dung quy định tại khoản này. Mặt khác, đối với trách nhiệm báo cáo cơ quan thi hành án hình sự về kết quả thực hiện, tại khoản 4 Điều 5 dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể trách nhiệm của pháp nhân thương mại báo cáo kết quả thực hiện các công việc, biện pháp theo quy định của Luật Thi hành án hình sự số 127/2025/QH15, theo đó, các công việc, biện pháp theo quy định của Luật này bao gồm việc công bố quyết định thi hành án. Đây là nghĩa vụ báo cáo chung trong quá trình chấp hành án của pháp nhân thương mại mà không tách thành nghĩa vụ riêng gắn với điều khoản cụ thể về công bố quyết định thi hành án. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý quy định nêu trên để bảo đảm tính thống nhất trong nội dung quy định tại Điều 1 và thống nhất với các quy định khác có liên quan của dự thảo Nghị định, tránh phát sinh nhiều thủ tục báo cáo trong quá trình tổ chức thực hiện.</p> <p>Bên cạnh đó, tại đoạn 2 điểm b khoản 1 quy định: "Trường hợp pháp nhân thương mại vi phạm, cơ quan thi hành án hình sự yêu cầu pháp nhân thương mại phải công bố, niêm yết, tùy theo mức độ có thể bị lập biên bản vi phạm, đề nghị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật". Tuy nhiên, Bộ Tư pháp thấy rằng, quy định này mới chỉ dừng ở việc quy định các biện pháp xử lý có thể áp dụng mà chưa quy định cụ thể về cơ chế xử lý theo từng mức độ vi phạm của pháp nhân thương mại, điều này dẫn đến cách hiểu và áp dụng không thống nhất giữa các cơ quan thi hành án hình sự, đồng thời ảnh hưởng đến tính răn đe và hiệu quả tổ chức thi hành. Do đó, đề</p>	<p>quân khu</p> <p>Việc quy định pháp nhân thương mại "thông báo việc chấp hành hình phạt, biện pháp tư pháp cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; báo cáo cơ quan thi hành án hình sự và cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại về kết quả thực hiện" sau khi thực hiện công bố quyết định thi hành án là cần thiết để các cơ quan, đơn vị nắm được theo dõi; đây cũng là một trong</p>
----	------------	-----	---	---

		<p>ngiht cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, làm rõ hơn cơ chế xử lý đối với trường hợp pháp nhân thương mại không chấp hành yêu cầu công bố, niêm yết quyết định thi hành án, bảo đảm xác định được mức độ áp dụng biện pháp xử lý phù hợp với tính chất, mức độ vi phạm, để đảm bảo tính minh bạch, khách thi và thống nhất trong quá trình tổ chức thực hiện.</p> <p>- Tại điểm a khoản 2 quy định: "Cơ quan thi hành án hình sự công bố giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt, giấy chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình ngay sau khi cấp giấy". Tuy nhiên, Bộ Tư pháp thấy rằng, quy định về thời điểm công bố tại khoản này là "ngay sau khi cấp giấy" là chưa thực sự phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Thi hành án hình sự số 127/2025/QH15. Cụ thể, khoản 2 Điều 147 của Luật quy định: "Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cấp chứng nhận chấp hành xong hình phạt, chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp cho pháp nhân thương mại, cơ quan thi hành án hình sự phải công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình". Như vậy, Luật đã xác định rõ thời hạn công bố là trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cấp, trong khi dự thảo Nghị định quy định theo hướng "ngay sau khi cấp", dẫn đến chưa thống nhất với quy định của Luật về thời hạn thực hiện. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý quy định tại điểm a khoản 2 để đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Thi hành án hình sự, đồng thời bảo đảm việc áp dụng thống nhất quy định pháp luật của các cơ quan thi hành án hình sự trong tổ chức thực hiện.</p>	<p>những nghĩa vụ của pháp nhân thương mại đã được quy định tại khoản 2 Điều 143 Luật Thi hành án hình sự. Đối với chế tài xử lý, dự thảo Nghị định không quy định cụ thể chế tài xử lý mà sẽ áp dụng các văn bản khác.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến Bộ Tư pháp, Bộ Công an chỉnh lý điểm a khoản 2 Điều 9¹</p>
	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	<p>- Khoản 1.</p> <p>+ Điểm b: Đề nghị chỉnh sửa theo hướng pháp nhân thương mại phải công bố quyết định thi hành án trên trang thông tin điện tử, ấn phẩm (nếu có) vì theo quy định của pháp luật hiện hành pháp nhân thương mại phải bắt buộc có trang thông tin điện tử, ấn phẩm.</p>	Tiếp thu, chỉnh lý trong dự thảo

¹ "a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cấp chứng nhận chấp hành xong hình phạt, chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp, cơ quan thi hành án hình sự công bố giấy chứng nhận trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình ngay sau khi cấp giấy. Trường hợp chưa có trang thông tin điện tử thì thực hiện công bố giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt, giấy chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp thực hiện như công bố quyết định thi hành án quy định tại điểm a khoản 1 Điều này".

			+ Điểm d: Đề nghị nghiên cứu để bổ sung quy định cụ thể thời điểm hoặc các căn cứ, cơ sở để pháp nhân thương mại và cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại được chấm dứt việc niêm yết quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án hình sự trên công thông tin điện tử, trang tin điện tử của cơ quan, tổ chức mình để đảm bảo thực hiện thống nhất.	
13	Bộ Quốc phòng		Đề nghị bỏ quy định tại điểm a khoản 1 về việc đăng tải quyết định thi hành án trong trường hợp cơ quan thi hành án hình sự chưa có công thông tin điện tử và quy định tại điểm b khoản 2 về việc công bố, niêm yết giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt, giấy chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp. Vì Luật Thi hành án hình sự không quy định.	Đề nghị giữ nguyên quy định này để bảo đảm thống nhất, đầy đủ trong thi hành án
	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		Điểm b, khoản 1. Đề nghị bổ sung quy định về trường hợp pháp nhân thương mại không còn trụ sở hoạt động (bên cho thuê dừng hợp đồng thuê văn phòng, không còn người làm việc) việc niêm yết được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi pháp nhân thương mại đã đặt trụ sở chính trước đó.	Tiếp thu, chỉnh lý trong dự thảo
	Khánh Hòa		Tại điểm b, khoản 1. Đề nghị quy định cụ thể kích thước, vị trí niêm yết để tránh việc pháp nhân thương mại niêm yết ở những nơi khuất, không ai thấy.	Không tiếp thu
	Tuyên Quang		- Tại điểm c, khoản 1, Điều 9 của dự thảo Nghị định đề nghị thay đổi thời gian từ “05 ngày” thành “03 ngày”(lý do: Để đảm bảo thống nhất theo quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 141 Luật THAHS năm 2025).	Tiếp thu, chỉnh lý trong dự thảo
14	Bộ Tư pháp	Điều 10	1.5. Về kiểm tra, giám sát việc chấp hành án của pháp nhân thương mại trong thời gian chấp hành án (Điều 10) - Tại khoản 1 quy định: "Pháp nhân thương mại phải thực hiện việc báo cáo cơ quan thi hành án hình sự bằng văn bản về tình hình, kết quả chấp hành án theo định kỳ 03 tháng một lần, trừ trường hợp thời hạn chấp hành án dưới 03 tháng". Bộ Tư pháp thấy rằng, quy định nêu trên đã loại trừ trường hợp pháp nhân thương mại có thời hạn chấp hành án dưới 03 tháng thực hiện báo cáo định kỳ 03 tháng/lần. Tuy nhiên, dự	- Đối với trường hợp thời hạn chấp hành án của pháp nhân thương mại dưới 03 tháng

		<p>thảo Nghị định chưa quy định cơ chế báo cáo thay thế của pháp nhân thương mại trong trường hợp này. Do đó, để bảo đảm rõ ràng của quy định, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, làm rõ hình thức, thời điểm thực hiện nghĩa vụ báo cáo đối với trường hợp pháp nhân thương mại có thời hạn chấp hành án dưới 03 tháng (ví dụ: báo cáo một lần khi kết thúc việc chấp hành án hoặc theo yêu cầu của cơ quan thi hành án hình sự).</p> <p>- Tại điểm d khoản 3 quy định: “Khi thực hiện kiểm tra, nếu thấy cần thiết, cơ quan thi hành án hình sự có thể đề nghị cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại cử cán bộ tham gia kiểm tra, mời các nhà khoa học, chuyên gia có chuyên môn để hỗ trợ việc kiểm tra. Việc kiểm tra đối với pháp nhân thương mại phải được lập biên bản”. Bộ Tư pháp thấy rằng, quy định về việc lập biên bản kiểm tra là cần thiết, tuy nhiên, dự thảo Nghị định chưa làm rõ trách nhiệm pháp lý của các chủ thể tham gia kiểm tra đối với kết quả kiểm tra được ghi nhận trong biên bản. Trong khi đó, biên bản kiểm tra là tài liệu có giá trị pháp lý quan trọng, là căn cứ trực tiếp để đánh giá mức độ chấp hành án của pháp nhân thương mại, làm cơ sở cho việc xem xét, quyết định cấp chứng nhận chấp hành xong hình phạt, chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp đối với pháp nhân thương mại. Việc thiếu quy định cụ thể về trách nhiệm xác nhận nội dung biên bản dẫn đến bất cập trong việc xác định giá trị pháp lý của biên bản, nhất là trong trường hợp phát sinh sai sót hoặc có ý kiến, quan điểm không thống nhất giữa các chủ thể tham gia kiểm tra. Do đó, bảo đảm tính chặt chẽ, minh bạch và giá trị pháp lý của biên bản kiểm tra, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định cụ thể về trách nhiệm của các chủ thể tham gia kiểm tra đối với nội dung biên bản trong việc ký xác nhận nội dung biên bản kiểm tra cũng như làm rõ cơ chế xử lý trong trường hợp các chủ thể tham gia kiểm tra có ý kiến khác nhau về nội dung kiểm tra.</p>	<p>thì không thực hiện báo cáo định kỳ vì tại điểm a và điểm c khoản 3 Điều 10 đã có quy định việc kiểm tra việc chấp hành án đối với pháp nhân thương mại.</p> <p>- Biên bản kiểm tra ghi nhận kết quả kiểm tra, làm căn cứ để xác định việc chấp hành nghĩa vụ chấp hành án của pháp nhân thương mại; không cần thiết quy định trách nhiệm pháp lý của các thành phần tham gia kiểm tra.</p>
Cao Bằng		<p>Tại điểm a, khoản 3, Điều 10 có ghi: “Sau khi nhận được báo cáo của pháp nhân thương mại quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 5 Nghị định này...”. Đề nghị sửa thành: “Sau khi nhận được báo cáo của pháp nhân thương mại quy định tại khoản 1,</p>	Không tiếp thu

			khoản 2 Điều này...”.	
15	Bộ pháp	Tư	Điều 11 Về cấp chứng nhận chấp hành xong hình phạt, chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp (Điều 11) - Tại điểm b khoản 1 quy định trách nhiệm của cơ quan thi hành án hình sự trong việc xác minh, lập biên bản làm căn cứ kết thúc việc thi hành đối với pháp nhân thương mại bị áp dụng hình phạt đình chỉ hoạt động vĩnh viễn. Đồng thời, tại khoản 2 quy định trách nhiệm tiến hành thủ tục kết thúc việc thi hành án của cơ quan thi hành án hình sự đối với trường hợp pháp nhân thương mại giải thể, phá sản. Tuy nhiên, Bộ Tư pháp thấy rằng, các nội dung nêu trên liên quan đến trình tự, thủ tục kết thúc việc thi hành án đối với pháp nhân thương mại, trong khi đó, tên gọi của Điều 11 được xác định là việc cấp chứng nhận chấp hành xong hình phạt, chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp đối với pháp nhân thương mại. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý để đảm bảo phù hợp giữa tên gọi và nội dung của điều luật. - Tại khoản 2 quy định trường hợp pháp nhân thương mại giải thể, phá sản, cơ quan thi hành án hình sự tiến hành làm thủ tục kết thúc việc thi hành án. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc quy định này bởi các lý do sau: <i>Một là</i> , tại Điều 141 Luật Thi hành án hình sự số 127/2025/QH15 chỉ quy định về thủ tục thi hành án đối với pháp nhân thương mại trong các trường hợp bị áp dụng hình phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn, đình chỉ hoạt động vĩnh viễn, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định, cấm huy động vốn và các biện pháp tư pháp như buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu, buộc thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra. mà không điều chỉnh trường hợp pháp nhân thương mại bị giải thể, phá sản. Như vậy, Luật Thi hành án hình sự không quy định thủ tục thi hành án đối với pháp nhân thương mại trong trường hợp giải thể, phá sản.	- Tiếp thu ý kiến Bộ Tư pháp, căn cứ quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 141 Luật Thi hành án hình sự, Bộ Công an chỉnh lý điểm b khoản 1 Điều 11 dự thảo Nghị định như sau ² - Khoản 2 Điều 11 dự thảo Nghị định quy định về Trường hợp pháp nhân thương mại giải thể, phá sản cơ quan thi hành án hình sự tiến hành làm thủ tục kết

² “b) Đối với hình phạt đình chỉ hoạt động vĩnh viễn, sau khi cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại thực hiện các biện pháp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 145 của Luật này, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu ra thông báo kết thúc việc thi hành án;”

			<p><i>Hai là, việc giải thể hoặc phá sản của pháp nhân thương mại là thủ tục chấm dứt tư cách pháp lý, đồng thời kéo theo việc xử lý các nghĩa vụ tài sản và nghĩa vụ pháp lý có liên quan. Tuy nhiên, việc chấm dứt tư cách pháp lý không đồng nghĩa với việc đương nhiên chấm dứt các hình phạt và biện pháp tư pháp đã được Tòa án tuyên. Nếu quy định theo hướng cho phép kết thúc việc thi hành án ngay khi pháp nhân thương mại giải thể, phá sản thì sẽ không đảm bảo phù hợp với nguyên tắc bảo đảm hiệu lực của bản án, quyết định của Tòa án, đồng thời tiềm ẩn nguy cơ bị lợi dụng để trốn tránh nghĩa vụ thi hành án. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc thận trọng đối với quy định này.</i></p>	<p>thúc việc thi hành án đối với các trường hợp phá sản, giải thể để kết thúc việc thi hành án do không còn đối tượng phải thi hành, cơ quan thi hành án hình sự khép hồ sơ, không thực hiện thi hành án nữa. Vấn đề trách nhiệm liên quan đến nghĩa vụ tài sản không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.</p>
	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		<p>Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 dự thảo Nghị định đối với hình phạt đình chỉ hoạt động vĩnh viễn, cơ quan thi hành án hình sự phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại lập biên bản là căn cứ để kết thúc việc thi</p>	<p>Tiếp thu, chỉnh lý điểm b khoản 1 Điều 11 như sau:³</p>

³ “b) Đối với hình phạt đình chỉ hoạt động vĩnh viễn, sau khi cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại thực hiện các biện pháp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 145 của Luật này, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu ra thông báo kết thúc việc thi hành án;”

			hành án đối với pháp nhân thương mại mà không ra quyết định chấm dứt việc thi hành án như đối với trường hợp giải thể, phá sản quy định tại khoản 2 Điều 11 dự thảo Nghị định. Theo đó, đề nghị làm rõ đối với hình phạt đình chỉ hoạt động vĩnh viễn việc thực hiện công bố chấm dứt thi hành án đối với pháp nhân thương mại được thực hiện như thế nào?	
	Khánh Hòa	Điều 12	Tại khoản 1. Đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định “cơ chế phối hợp liên ngành” theo hướng Cơ quan đăng ký kinh doanh chỉ thực hiện thủ tục chia, tách, sáp nhập sau khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của cơ quan thi hành án hình sự	Không tiếp thu
16	Bộ Tư pháp		Về xem xét, quyết định việc thi hành án đối với pháp nhân thương mại khi có kế hoạch tổ chức lại (Điều 12) - Tại đoạn 2 khoản 3 quy định: "Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Tòa án đã ra quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự phải có văn bản trả lời cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại và pháp nhân thương mại về việc thi hành án khi tổ chức lại". Bộ Tư pháp thấy rằng, ngay tại đoạn 1 của khoản này đã quy định cơ quan thi hành án hình sự phải có văn bản đề nghị Tòa án đã ra quyết định thi hành án và Viện kiểm sát cùng cấp cho ý kiến về việc thi hành án đối với pháp nhân thương mại khi tổ chức lại. Tuy nhiên,	- Việc gửi thông báo cho Viện kiểm sát để thực hiện việc theo dõi, kiểm sát theo quy định. Tiếp thu ý kiến Bộ Tư pháp, Bộ

	<p>Điều 12</p>	<p>đoạn 2 lại chỉ quy định căn cứ vào văn bản trả lời của Tòa án đã ra quyết định thi hành án để thực hiện việc trả lời mà không đề cập đến việc xem xét, sử dụng ý kiến của Viện kiểm sát cùng cấp. Cách quy định này dẫn đến chưa bảo đảm sự thống nhất trong cùng một khoản, đồng thời chưa làm rõ vai trò, giá trị pháp lý của ý kiến Viện kiểm sát trong quá trình xem xét, quyết định việc thi hành án khi pháp nhân thương mại tổ chức lại. Bên cạnh đó, dự thảo Nghị định cũng chưa quy định về phương án xử lý trong trường hợp ý kiến của Tòa án và Viện kiểm sát có sự khác nhau. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, làm rõ các nội dung nêu trên để bảo đảm tính chặt chẽ, minh bạch và khả thi của quy định.</p> <p>- Tại khoản 4 quy định: "Trường hợp pháp nhân thương mại được tổ chức lại, cơ quan thi hành án hình sự có trách nhiệm thông báo về nghĩa vụ thi hành án sau khi tổ chức lại cho Sở Tư pháp nơi pháp nhân thương mại trước khi tổ chức lại có trụ sở để cập nhật vào cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp". Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cần nhắc quy định nêu trên bởi các lý do sau:</p> <p>Một là, theo Điều 2 Luật Lý lịch tư pháp số 28/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Luật số 107/2025/QH15 thì Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp là tập hợp thông tin lý lịch tư pháp của cá nhân và các thông tin về số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu trong trường hợp không có số định danh cá nhân, họ, chữ đệm và tên</p>	<p>Công an chính lý khoản 3 Điều 12 như sau⁴.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Công an chính lý khoản 4 Điều 12 như sau⁵</p>
--	-----------------------	---	---

⁴ "3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trao đổi của cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại, cơ quan thi hành án hình sự phải có văn bản đề nghị Tòa án đã ra quyết định thi hành án để cho ý kiến về việc thi hành án đối với pháp nhân thương mại khi tổ chức lại, đồng thời gửi Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Tòa án đã ra quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự phải có văn bản trả lời cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại và pháp nhân thương mại về việc thi hành án khi tổ chức lại."

⁵ "4. Trường hợp pháp nhân thương mại được tổ chức lại, cơ quan thi hành án hình sự có trách nhiệm thông báo về nghĩa vụ thi hành án sau khi tổ chức lại cho cơ quan có thẩm quyền cấp phiếu lý lịch tư pháp Công an cấp tỉnh nơi pháp nhân thương mại trước khi tổ chức lại có trụ sở để cập nhật vào cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp".

			<p>khai sinh, tên gọi khác, ngày, tháng, năm sinh, giới tính, nơi đăng ký khai sinh, quốc tịch, dân tộc, nơi cư trú; họ, chữ đệm và tên cha, mẹ, vợ, chồng của người đó. Như vậy, Luật không quy định thông tin của pháp nhân thương mại trong cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp;</p> <p>Hai là, tại Điều 12 Luật Lý lịch tư pháp số 28/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 1 Luật số 107/2025/QH15 quy định Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp trong quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp có nhiệm vụ tiếp nhận, cập nhật, xử lý thông tin lý lịch tư pháp do các cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp theo quy định của Luật này, theo đó, cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp gồm Cục Hồ sơ nghiệp vụ Bộ Công an và Công an cấp tỉnh. Như vậy, theo quy định của Luật, trách nhiệm cập nhật thông tin lý lịch tư pháp do các cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp do Cục Hồ sơ nghiệp vụ Bộ Công an và Công an cấp tỉnh thực hiện. Trên cơ sở đó, việc dự thảo Nghị định quy định cập nhật thông tin về nghĩa vụ thi hành án của pháp nhân thương mại sau khi tổ chức lại vào Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, đồng thời giao Sở Tư pháp thực hiện việc cập nhật thông tin này là chưa phù hợp với quy định của Luật Lý lịch tư pháp cả về đối tượng thông tin lý lịch tư pháp và thẩm quyền thực hiện.</p>	
17	Bộ Nông nghiệp và Môi trường		<p>- Đề nghị xem xét quy định về trách nhiệm, thẩm quyền của Sở Tư pháp trong trường hợp pháp nhân thương mại được tổ chức lại tại khoản 4 Điều 12, hiện có phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan này không.</p>	<p>Tiếp thu, chỉnh lý khoản 4 Điều 11 dự thảo Nghị định theo hướng giao cho cơ quan có thẩm quyền cấp phiếu lý lịch tư pháp</p>
18	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Điều 13	<p>Khoản 2. Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định về việc thi hành án trong trường hợp nghĩa vụ thi hành án được giao cho các pháp nhân thương mại mới khác nhau và</p>	

			không thuộc cùng phạm vi đơn vị hành chính cấp tỉnh thì được thực hiện như thế nào?	
19	Huế		Bổ sung khoản 2 Điều 13: c. Trường hợp pháp nhân thương mại được giao toàn bộ nghĩa vụ thi hành án có trụ sở ngoài đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp quân khu thì cơ quan thi hành án hình sự nơi pháp nhân thương mại được giao toàn bộ nghĩa vụ thi hành án có trụ sở tiến hành lập hồ sơ thi hành án và tổ chức thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và Nghị định này.	Không tiếp thu
20	Cao Bằng	Điều 18	Tại khoản 1, Điều 18 Chương IV quy định: "... Trường hợp người đại diện theo pháp luật...vẫn tiến hành lập biên bản", đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định trường hợp người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại không có mặt hoặc từ chối ký vào biên bản thì phải bổ sung " người làm chứng ".	Không tiếp thu
21	Bộ Tư pháp	Điều 20	Về triệu tập, thông báo việc thi hành quyết định cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại (Điều 20) Tại khoản 1 quy định: "Khi được cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền triệu tập, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phải có mặt, trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan". Tuy nhiên, Bộ Tư pháp thấy rằng, quy định nêu trên chưa xác định được thời điểm phải có mặt khi lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan chấm dứt. Trong khi tại khoản 3 Điều 7 dự thảo Nghị định đã có quy định theo hướng cơ quan thi hành án hình sự sẽ lùi buổi làm việc sang thời điểm nhưng không quá thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án khi người được triệu tập không thể có mặt vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung phương án xử lý trong trường hợp người được triệu tập không thể có mặt vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan tại khoản 1 dự thảo Nghị định.	Tiếp thu ý kiến Bộ Tư pháp, Bộ Công an bổ sung vào khoản 1 Điều 20 quy định: ". <i>Trường hợp do tình trạng khẩn cấp, lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mà người được triệu tập không thể có mặt thì lùi việc thông báo sang thời điểm khác nhưng không</i>

				<i>được quá thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định cưỡng chế thi hành án."</i>
22	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		Khoản 1. Đề nghị bổ sung quy định về việc triệu tập người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại để thông báo, yêu cầu thi hành án trong trường hợp người đại diện của pháp nhân thương mại không còn (bị chế, bị mất tích, bỏ trốn hoặc đang chấp hành hình phạt tù có thời hạn...) mà pháp nhân thương mại đó chưa có người đại diện theo pháp luật.	Trường hợp này thực hiện theo khoản 2 Điều 20
23	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Điều 22	Khoản 2. Đề nghị cân nhắc bổ sung quy định cụ thể đối điểm hoặc căn cứ để kết thúc việc công bố trên cổng thông tin, trang điện tử của cơ quan, tổ chức mình các quyết định được cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ban hành để cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại thực hiện thống nhất	Không tiếp thu
		Điều 24	Việc phong tỏa tài khoản là biện pháp cưỡng chế để đảm bảo pháp nhân thi hành án. Dự thảo Nghị định đang quy định các trường hợp phong tỏa tài khoản để thi hành cưỡng chế việc chấp hành hình phạt chính hoạt động có thời hạn, cấm kinh doanh, cấm huy động vốn... Việc phong tỏa tài khoản chỉ gắn liền với việc hạn chế giao dịch đối với số tiền, giấy tờ có giá trên tài khoản mà không phải là biện pháp để đảm bảo pháp nhân không thực hiện được hoạt động kinh doanh trong thời gian thi hành án. Bên cạnh đó việc phong tỏa tài khoản có thể ảnh hưởng tới việc thi hành trách nhiệm của pháp nhân đối với các bên có liên quan. Do đó đề nghị rà soát lại các trường hợp phong tỏa tại khoản này, đảm bảo phạm vi phong tỏa tài khoản trong phạm vi nghĩa vụ phải thi hành án.	Việc phong tỏa theo phạm vi việc thi hành án nêu trong bản án, quyết định thi hành án
		Điều 27, Điều 29	Đề nghị cân nhắc bỏ quy định về việc tổ chức nơi pháp nhân thương mại mở tài khoản phải thông báo cho pháp nhân thương mại là chủ tài khoản: về việc phong tỏa tài khoản (khoản 2 Điều 27 dự thảo Nghị định) và về chấm dứt phong tỏa tài khoản (khoản 3 Điều 29 dự thảo Nghị định) vì sẽ làm phát sinh chi phí cho tổ chức	Quy định này là cần thiết để đảm bảo việc thi hành án

			nơi pháp nhân mở tài khoản và thực tế có nhiều trường hợp pháp nhân thương mại thay đổi địa chỉ dẫn tới việc thông báo gặp khó khăn, hạn chế	
		Điều 28	<p>+ Khoản 1. Đề nghị bổ sung quy định nội dung cụ thể phải có trong quyết định khấu trừ tiền trong tài khoản của pháp nhân thương mại để tổ chức nơi pháp nhân thương mại mở tài khoản có cơ sở, căn cứ thực hiện.</p> <p>+ Khoản 2. Đề nghị làm rõ chủ thể, căn cứ xác định chi phí cho việc tổ chức thi hành cưỡng chế để xác định số tiền khấu trừ, đảm bảo rõ ràng, thống nhất thực hiện.</p>	Sẽ xác định trong từng trường hợp cụ thể khi tổ chức thi hành.
	Bộ Công thương	Điều 24	<p>+ Đề nghị cân nhắc cụm từ có thể tại nội dung “<i>Biện pháp phong tỏa tài khoản có thể được áp dụng trong các trường hợp</i>”. Việc sử dụng “có thể” đồng nghĩa với việc trao thẩm quyền lựa chọn cho cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp phong tỏa tài khoản, chứ không bắt buộc phải áp dụng trong mọi trường hợp thuộc các khoản đã liệt kê và tạo ra sự thiếu thống nhất trong thực tiễn thi hành.</p> <p>+ Quy định hiện tại gắn việc phong tỏa tài khoản với các trường hợp “đình chỉ tất cả các lĩnh vực” hoặc “cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong tất cả các lĩnh vực”. Tuy nhiên, trên thực tế, pháp nhân có thể vẫn còn các hoạt động hợp pháp khác hoặc nghĩa vụ tài chính cần thực hiện (trả lương, thanh toán hợp đồng...). Việc phong tỏa toàn bộ tài khoản có thể gây đình trệ hoạt động, phát sinh hệ quả kinh tế - xã hội không mong muốn. Do đó, đề nghị nghiên cứu, cân nhắc quy định theo hướng cho phép phong tỏa một phần tài khoản hoặc theo số tiền tương ứng với nghĩa vụ tài chính phải thi hành.</p>	Việc quy định “có thể” phong tỏa để phù hợp với tính chất đa dạng của pháp nhân thương mại và tính chất, hậu quả do pháp nhân thương mại phạm tội gây ra. Việc phong tỏa toàn bộ hay một phần sẽ căn cứ vào thực tế để quyết định
24	Khánh Hoà	Điều 30, Điều 47	Tại Mục 3 chương IV dự thảo Nghị định quy định về kê biên tài sản (Điều 30 đến Điều 47). Đề nghị phân định rõ tài sản nào phục vụ cho việc duy trì hoạt động tối thiểu của pháp nhân thương mại để nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động và tài sản có thể kê biên để phục vụ mục đích thi hành án phạt tiền.	Sẽ xác định trong từng trường hợp cụ thể

25	Bộ Tu pháp	Điều 32	Về xác minh thông tin về tài khoản của pháp nhân thương mại (Điều 25); xác minh thông tin về tài sản của pháp nhân thương mại (Điều 32) Tại các điều: 25, 32 dự thảo Nghị định quy định việc xác minh thông tin về tài khoản của pháp nhân thương mại và việc xác minh thông tin về tài sản của pháp nhân thương mại. Tuy nhiên, Bộ Tư pháp thấy rằng, nội dung các điều này mới chỉ mang tính khái quát về trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức trong việc xác minh thông tin, mà chưa làm rõ trình tự, thủ tục cũng như thời hạn thực hiện việc xác minh. Việc thiếu hướng dẫn cụ thể dẫn đến khó khăn trong phối hợp tổ chức thực hiện, kéo dài thời gian xác minh và có thể ảnh hưởng trực tiếp đến việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo quy định, gây khó khăn trong việc bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan, đồng thời làm giảm hiệu quả thi hành án. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định về trình tự, thủ tục và thời hạn xác minh thông tin để bảo đảm tính minh bạch và khả thi của quy định khi tổ chức thi hành.	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Công an chỉnh lý khoản 1 Điều 25 như sau ⁶
26	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Điều 34	Đề nghị bỏ quy định về biện pháp kê biên tài sản của pháp nhân thương mại đang được cầm cố, thế chấp tại Điều 34 dự thảo Nghị định và bổ sung tài sản đang cầm cố thế chấp thuộc trường hợp không kê biên, vì: (i) Theo quy định tại Điều 299 Bộ luật Dân sự năm 2015, bên cạnh trường hợp "đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ" (khoản 1) thì tài sản bảo đảm (TSBĐ) còn bị xử lý trong trường hợp "bên có nghĩa vụ phải thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm trước thời	Đề nghị giữ quy định này

⁶ "1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản theo quy định tại Điều 18 Nghị định này, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra Quyết định phong tỏa tài khoản có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp thông tin về tài khoản của pháp nhân thương mại theo quy định của pháp luật. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu, tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam phải cung cấp thông tin. Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền được cung cấp thông tin có trách nhiệm bảo mật những thông tin được cung cấp và chỉ được sử dụng thông tin đó theo quy định của pháp luật."

		<p>hạn do vi phạm nghĩa vụ hoặc theo quy định của luật" (khoản 2) hoặc "trường hợp khác do các bên thỏa thuận hoặc luật có quy định" (khoản 3). Việc kê biên tài sản bảo đảm để thi hành án như quy định tại dự thảo Nghị định trong trường hợp tài sản này đang bảo đảm cho một nghĩa vụ chưa đến hạn dẫn đến việc phải chấp dứt hợp đồng trước hạn, bên có nghĩa vụ phải thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm trước hạn. Quy định tại dự thảo Nghị định chưa phù hợp với quy định tại Bộ Luật dân sự nêu trên. Quá trình xây dựng Nghị định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trên cơ sở tiếp thu ý kiến nêu trên của các cơ quan liên quan, Nghị định 296/2025/NĐ-CP được ban hành không quy định về việc kê biên đối với tài sản đang được cầm cố, thế chấp.</p> <p>(ii) Giao dịch bảo đảm hợp pháp đã được các bên xác lập trên nguyên tắc tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận. Khoản 2 Điều 3 Bộ Luật Dân sự quy định: "Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng".</p> <p>Mục đích của các giao dịch bảo đảm là để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ đã được xác định tại thời điểm giao kết hợp đồng. Trong khi đó, nghĩa vụ của pháp nhân thương mại chấp hành án hình sự phát sinh trên cơ sở quyết định cưỡng chế thi hành án của cơ quan thi hành án hình sự - phát sinh sau thời điểm giao kết hợp đồng bảo đảm.</p> <p>Do vậy, việc cho phép kê biên tài sản được cầm cố, thế chấp để cưỡng chế thi hành án hình sự đối với pháp nhân thương mại – sẽ làm vô hiệu hóa hiệu lực của pháp luật về giao dịch bảo đảm, không tạo ra một cơ chế thích đáng để bảo vệ quyền chủ nợ.</p> <p>(iii) Ngoài ra, Điều 307 Bộ Luật dân sự, Điều 199 Luật các TCTD ghi nhận quyền ưu tiên thanh toán của bên nhận bảo đảm khi xử lý tài sản bảo đảm. Việc kê biên tài sản bảo đảm để thi hành án không đảm bảo được quyền ưu tiên của bên nhận bảo đảm đã được ghi nhận tại các Luật nêu trên.</p>	
27	Huế	<p>Tại khoản 2 Điều 34 xem xét bỏ cụm từ "thi hành", cụ thể như sau:</p> <p>"2. Trước khi tổ chức kê biên tài sản đang cầm cố, thế chấp ít nhất 02 ngày, cơ</p>	Tiếp thu, chỉnh lý trong dự

7

			quan thi hành án hình sự có thẩm quyền phải thông báo cho người nhận cầm cố, nhận thế chấp.	thảo
28	Bộ Tư pháp	Điều 35	Khoản 2 Điều 35 quy định Thông từ biến động cho thuê thì người thuê được tiếp tục thuê theo hợp đồng đã giao kết. Tuy nhiên, Bộ Tư pháp thấy rằng, quy định nêu trên chươn lên và thời hạn tiếp tục thuê của người thuê, theo đó, người thuê được tiếp tục thuê cho đến hết thời hạn theo hợp đồng giao kết hay chỉ được thuê đến một thời điểm nhất định khi cơ quan thi hành án hình sự giao tài sản cho người mua hoặc người nhận tài sản để trừ vào tiền phải thi hành án. Do đó, để đảm bảo tính minh bạch của quy định và hiệu quả của biện pháp cưỡng chế thi hành án cũng như bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người thuê, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ thời hạn tiếp tục thuê đối với tài sản kê biên đang cho thuê.	Thời hạn tiếp tục cho thuê được tính theo hợp đồng đã giao kết.
29	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Điều 36	Đề nghị bổ sung quy định về việc kê biên đối tài sản là cổ phần cho đầy đủ vị tại dự thảo Nghị định mới chỉ quy định kê biên đối với vốn góp, phần vốn góp của pháp nhân thương mại sở hữu trong loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn.	Không tiếp thu
30	Bộ Tư pháp	Điều 37	Khoản 1 Điều 37 quy định: "Trường hợp kê biên phương tiện giao thông của pháp nhân thương mại, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền yêu cầu pháp nhân thương mại, người quản lý, sử dụng phương tiện đó phải giao giấy đăng ký phương tiện nếu có". Bộ Tư pháp thấy rằng, quy định pháp nhân thương mại, người quản lý, sử dụng phương tiện "phải giao giấy đăng ký phương tiện nếu có thể dẫn đến cách hiểu rằng không bắt buộc phải giao giấy đăng ký phương tiện nếu chưa có giấy đăng ký. Tuy nhiên, để bảo đảm hiệu quả của biện pháp cưỡng chế, cần quy định rõ trong trường hợp không có giấy đăng ký phương tiện thì pháp nhân thương mại phải nộp các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp đối với phương tiện đó.	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Công an bổ sung vào khoản 1 Điều 37 quy định: "Trường hợp không có giấy đăng ký phương tiện thi pháp nhân thương mại phải nộp các giấy tờ chứng

				<i>minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp đối với phương tiện đó”.</i>
		Điều 38	Điều 38 quy định về việc kê biên đối với quyền sở hữu trí tuệ, tuy nhiên, để bảo đảm hiệu quả, tính khả thi và thống nhất trong thực tiễn thi hành, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, quy định cụ thể về trình tự, thủ tục kê biên quyền sở hữu trí tuệ bởi quyền sở hữu trí tuệ là loại tài sản vô hình, có tính chất đặc thù, bao gồm việc xác định giá trị, phạm vi quyền cũng khác biệt so với tài sản hữu hình. Việc thiếu quy định rõ ràng, cụ thể có thể dẫn đến lúng túng trong thực tiễn áp dụng, ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện các biện pháp cưỡng chế, xử lý tài sản.	Trình tự, thủ tục kê biên quyền sở hữu trí tuệ thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.
		Điều 40	Điều 40 quy định: "Khi kê biên tài sản là công trình xây dựng gắn liền với đất phải kê biên cả quyền sử dụng đất trừ trường hợp quyền sử dụng đất không được kê biên theo quy định của pháp luật hoặc việc tách rời tài sản kê biên và đất không làm giảm đáng kể giá trị tài sản đó". Tuy nhiên, Bộ Tư pháp thấy rằng, việc kê biên cả quyền sử dụng đất chỉ thực sự phù hợp trong trường hợp tài sản là công trình xây dựng gắn liền với đất của người phải thi hành án. Đối với trường hợp tài sản là công trình xây dựng gắn liền với quyền sử dụng đất của người khác thì việc kê biên cả quyền sử dụng đất có thể xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền sử dụng đất. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung hướng dẫn làm rõ phạm vi kê biên quyền sử dụng đất, đồng thời xác định cơ chế bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan.	Tiếp thu ý kiến Bộ Tư pháp, Bộ Công an bổ sung 01 khoản quy định: “2. Việc kê biên tài sản gắn liền với đất chỉ thực hiện đối với tài sản thuộc phạm vi phải thi hành án”.
31	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Điều 42	Đề nghị bổ sung chủ thể là người có tranh chấp được giải thích và thông báo công khai thời gian, địa điểm tiến hành kê biên để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp	Tiếp thu, chỉnh lý trong dự thảo

			của các bên có tranh chấp.	
32	Hà Tĩnh	Điều 44	- Tại khoản 2 Điều 44 dự thảo Nghị định quy định: "Đối với tài sản là vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, ngoại tệ thì tạm giao cho Kho bạc Nhà nước quản lý;...". Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, sửa đổi nội dung này để đảm bảo thống nhất với các quy định về tài sản quý tại Thông tư số 33/2017/TT-BTC ngày 20/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tiền mặt, giấy tờ có giá, tài sản quý trong hệ thống Kho bạc Nhà nước (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 125/2025/TT-BTC ngày 23/12/2025); Thông tư số 135/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý đối với tiền mặt, giấy tờ có giá, tài sản quý tạm gửi, tạm giữ do Kho bạc Nhà nước nhận bảo quản (được sửa, đổi bổ sung bởi Thông tư 124/2025/TT-BTC ngày 23/12/2025)	Tiếp thu
33	Bộ Tư pháp	Điều 45	Về định giá tài sản kê biên (Điều 45) Tại đoạn 2 khoản 2 quy định: "Thương hưu về giá thì trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể là ngày hội nên bị kê biên, cơ quan thi hành ôn hình vụ có thẩm quyền ra quyết định thành lập Hội đồng định giá tài sản hoặc ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá. Hội đồng định giá tài sản gồm thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền là chủ tịch hội đồng, đại diện cơ quan tài chính cũng cấp và đại diện cơ quan chuyên môn liên quan". Tuy nhiên, Bộ Tư pháp thấy rằng, theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật Giá số 16/2023/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Giá số 140/2025/QH15 thì Hội đồng thẩm định giá phải có tối thiểu 03 thành viên là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý, sử dụng của người thành lập hội đồng thẩm định giá, bao gồm Chủ tịch hội đồng thẩm định giá. Chủ tịch hội đồng thẩm định giá có ít nhất một trong các chứng nhận chuyên môn, gồm: (a) Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên về chuyên ngành giá, thẩm định giá; (b) Thẻ thẩm định viên về giá; (c) Chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ về thẩm định giá; (d) Chứng chỉ bồi dưỡng thẩm định giá nhà nước. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc quy định Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự là Chủ tịch Hội đồng định giá tài sản, để đảm bảo tính khách quan, minh bạch và tính hợp pháp của kết quả định giá tài sản. Trong trường hợp này, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự có thể	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Công an chính lý, thay cụm từ "Hội đồng định giá tài sản gồm có Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền là Chủ tịch Hội đồng, đại diện cơ quan tài chính cũng cấp và đại diện cơ quan chuyên

			tham gia Hội đồng với tư cách là thành viên và phê duyệt kết quả định giá phục vụ cho việc cưỡng chế thi hành án.	môn có liên quan” thành “theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Giá số 140/2025/QH15”.
34	Bộ Tư pháp		<p>*Liên quan nhiều Bộ, ngành</p> <p>Bộ Tư pháp thấy rằng, nội dung của dự thảo Nghị định liên quan trực tiếp đến lĩnh vực quản lý nhà nước của nhiều Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, đặc biệt là Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam,... Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp chặt chẽ với các cơ quan này để tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định.</p>	Bộ Công an đã lấy ý kiến tham gia, và đã tiếp thu, chỉnh lý của các bộ, ngành có liên quan
			<p>*Về hồ sơ</p> <p>Bộ Tư pháp thấy rằng, hồ sơ dự thảo văn bản để lấy ý kiến, bao gồm: (1) Dự thảo Tờ trình; (2) Dự thảo Nghị định quy định về thi hành án đối với pháp nhân thương mại. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị định trong hồ sơ lấy ý kiến để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ.</p> <p>*Về ngôn ngữ, kỹ thuật trình bày</p> <p>Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát dự thảo Nghị định để đảm bảo ngôn ngữ, kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Nghị định</p>	Tiếp thu, bổ sung hồ sơ

			<p>số 78/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025ND-CP. Cụ thể:</p> <p>+ Rà soát, chỉnh lý cách thức viện dẫn các văn bản quy phạm pháp luật là căn cứ ban hành dự thảo Nghị định đáp ứng yêu cầu về viện dẫn văn bản quy phạm pháp luật theo khoản 1 Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 38 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).</p> <p>+ Rà soát, sử dụng thống nhất các thuật ngữ chỉ nội dung giống nhau trong toàn bộ dự thảo Nghị định cũng như đảm bảo phù hợp với thuật ngữ được sử dụng trong các văn bản luật hiện hành, ví dụ như: (1) Đề nghị chỉnh lý cụm từ "giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt, giấy chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp" tại dự thảo Nghị định bằng cụm từ "chứng nhận chấp hành xong hình phạt, chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp" để phù hợp với Điều 147 Luật Thi hành án hình sự số 127/2025/QH15, chỉnh lý cụm từ "Viện kiểm sát cùng cấp" tại khoản 1 Điều 7 dự thảo Nghị định thành "Viện kiểm sát có thẩm quyền"; tại khoản 2 Điều 11, khoản 3 Điều 12 dự thảo Nghị định thành "Viện kiểm sát cùng cấp với Tòa án đã ra quyết định" để phù hợp với quy định tại Nghị định 184/2025/NĐ-CP; chỉnh lý cụm từ "tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp", "hợp đồng bán đấu giá" thành cụm từ "tổ chức hành nghề đấu giá tài sản", "hợp đồng dịch vụ bán đấu giá" để phù hợp với quy định của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 37/2024/QH15; (ii) Đề nghị sử dụng thống nhất cụm từ "cơ quan thi hành án hình sự", "cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền";...</p>	
Bộ Công thương	Điều 53	<p>Khoản 1 Điều 53 dự thảo Nghị định quy định: "<i>Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền chủ trì tổ chức thực hiện mở niêm phong phải thông báo cho người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại và đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền lợi, nghĩa vụ trách nhiệm liên quan...</i>, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc bổ sung về hình thức và thời hạn thông báo.</p>	Việc thông báo thực hiện theo hình thức gửi thông báo bằng văn bản.	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH THI HÀNH
ÁN HÌNH SỰ ĐỐI VỚI PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI**

Thực hiện Quyết định số 99/QĐ-TTg ngày 15/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Thi hành án hình sự năm 2025, Bộ Công an xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về thi hành án đối với pháp nhân thương mại thay thế Nghị định số 44/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 quy định về cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại và Nghị định số 55/2020/NĐ-CP ngày 22/5/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Thi hành án hình sự về thi hành án đối với pháp nhân thương mại. Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Công an bản so sánh, thuyết minh dự thảo Nghị định như sau:

1. So sánh, thuyết minh đối với Nghị định số 55/2020/NĐ-CP

NGHỊ ĐỊNH SỐ 55/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>Chương I QUY ĐỊNH CHUNG</p> <p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị định này quy định chi tiết về thi hành án đối với pháp nhân thương mại quy định tại các điều 160, 164 và 165 của Luật Thi hành án hình sự.</p>	<p>Chương I QUY ĐỊNH CHUNG</p> <p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị định này quy định chi tiết về thi hành án đối với pháp nhân thương mại quy định tại các Điều 141, 144, 145 và 146 của Luật Thi hành án hình sự.</p>	<p>Điều chỉnh các điều luật trong phạm vi điều chỉnh</p>
<p>Điều 2. Đối tượng áp dụng Nghị định này áp dụng đối với pháp nhân thương mại chấp hành án (gọi tắt là pháp nhân thương mại); cơ quan</p>	<p>Điều 2. Đối tượng áp dụng Nghị định này áp dụng đối với pháp nhân thương mại chấp hành án (gọi tắt là pháp nhân thương mại); cơ quan quản lý</p>	

2

NGHỊ ĐỊNH SỐ 55/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại; cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong thi hành án hình sự đối với pháp nhân thương mại; Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thi hành án đối với pháp nhân thương mại.</p>	<p>nhà nước đối với pháp nhân thương mại; cơ quan, tổ chức, cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện thi hành án đối với pháp nhân thương mại; Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thi hành án đối với pháp nhân thương mại.</p>	
<p>Điều 3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện thi hành án đối với pháp nhân thương mại</p> <p>1. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu (sau đây gọi chung là cơ quan thi hành án hình sự) chủ trì tổ chức thi hành án đối với pháp nhân thương mại.</p> <p>2. Cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại được quy định tại khoản 25 Điều 3 Luật Thi hành án hình sự phải có trách nhiệm phối hợp trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại theo yêu cầu của cơ quan thi hành án hình sự.</p> <p>3. Cơ quan, tổ chức và cá nhân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại.</p>	<p>Điều 3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện thi hành án đối với pháp nhân thương mại</p> <p>1. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu (sau đây gọi chung là cơ quan thi hành án hình sự) chủ trì tổ chức thi hành án đối với pháp nhân thương mại.</p> <p>2. Cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại được quy định tại khoản 27 Điều 3 Luật Thi hành án hình sự phải có trách nhiệm phối hợp trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại theo yêu cầu của cơ quan thi hành án hình sự.</p> <p>3. Cơ quan, tổ chức và cá nhân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại.</p>	
<p>Điều 4. Kinh phí bảo đảm thi hành án đối với pháp nhân thương mại</p> <p>1. Kinh phí bảo đảm thi hành án hình sự đối với pháp nhân thương mại do ngân sách nhà nước chi trả.</p> <p>2. Kinh phí thực hiện thi hành án đối với pháp nhân thương mại của cơ quan thi hành án hình sự được dự toán trong nguồn kinh phí phục vụ công tác thi hành án hình sự</p>	<p>Điều 4. Kinh phí bảo đảm thi hành án đối với pháp nhân thương mại</p> <p>1. Kinh phí bảo đảm thi hành án hình sự đối với pháp nhân thương mại do ngân sách nhà nước chi trả.</p> <p>2. Kinh phí thực hiện thi hành án đối với pháp nhân thương mại của cơ quan thi hành án hình sự được dự toán trong nguồn kinh phí phục vụ công tác thi hành án hình sự</p>	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 55/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>sự hằng năm.</p> <p>3. Kinh phí thực hiện các hoạt động thi hành án đối với pháp nhân thương mại của các cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại được dự toán, quyết toán vào kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan đó.</p>	<p>hằng năm.</p> <p>3. Kinh phí thực hiện các hoạt động thi hành án đối với pháp nhân thương mại của các cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại được dự toán, quyết toán vào kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan đó.</p>	
<p style="text-align: center;">Chương II</p> <p style="text-align: center;">TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ ĐỐI VỚI PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI</p>	<p style="text-align: center;">Chương II</p> <p style="text-align: center;">TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ ĐỐI VỚI PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI</p>	
<p>Điều 5. Tiếp nhận bản án, quyết định thi hành án</p> <p>1. Cơ quan thi hành án hình sự khi nhận được bản án, quyết định thi hành án phải kiểm tra đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 159 Luật Thi hành án hình sự. Trường hợp phát hiện những điểm chưa rõ trong bản án, quyết định, cơ quan thi hành án hình sự phải có ngay văn bản đề nghị Tòa án đã ra bản án, quyết định thi hành án giải thích, sửa chữa.</p> <p>2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản án, quyết định thi hành án, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự phải ra quyết định phân công cán bộ thụ lý việc thi hành án để thực hiện thủ tục thi hành án đối với pháp nhân thương mại.</p> <p>3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản án, quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự phải có văn bản yêu cầu pháp nhân thương mại báo cáo về việc thực hiện các công việc, biện pháp để thi hành bản án, quyết định thi hành án, trừ trường hợp đã</p>	<p>Điều 5. Tiếp nhận bản án, quyết định thi hành án</p> <p>1. Cơ quan thi hành án hình sự khi nhận được bản án, quyết định thi hành án phải kiểm tra đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 140 Luật Thi hành án hình sự. Trường hợp phát hiện những điểm chưa rõ trong bản án, quyết định, cơ quan thi hành án hình sự phải có ngay văn bản đề nghị Tòa án đã ra bản án, quyết định thi hành án giải thích, sửa chữa.</p> <p>2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản án, quyết định thi hành án, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự phải ra quyết định phân công cán bộ thụ lý việc thi hành án để thực hiện thủ tục thi hành án đối với pháp nhân thương mại.</p> <p>3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản án, quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự phải có văn bản yêu cầu pháp nhân thương mại báo cáo về việc thực hiện các công việc, biện pháp để thi hành bản án, quyết định thi hành án, trừ trường hợp đã nhận được báo cáo</p>	<p>Thay đổi thời hạn thực hiện các thủ tục</p>

NGHỊ ĐỊNH SỐ 55/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>nhận được báo cáo của pháp nhân thương mại quy định tại khoản 4 Điều này.</p> <p>4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản án, quyết định thi hành án, pháp nhân thương mại phải thực hiện các công việc, biện pháp theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và báo cáo bằng văn bản về kết quả thực hiện cho cơ quan thi hành án hình sự.</p>	<p>của pháp nhân thương mại quy định tại khoản 4 Điều này.</p> <p>4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản án, quyết định thi hành án, pháp nhân thương mại phải thực hiện các công việc, biện pháp theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và báo cáo bằng văn bản về kết quả thực hiện cho cơ quan thi hành án hình sự.</p>	
<p>Điều 6. Xác định cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại có trách nhiệm trong thi hành án</p> <p>1. Căn cứ bản án, quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự xác định các cơ quan có liên quan đến hoạt động của pháp nhân thương mại để phối hợp thi hành án đối với pháp nhân thương mại có hiệu quả.</p> <p>2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự phải ra quyết định về danh sách các cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại và gửi văn bản yêu cầu phối hợp tổ chức thi hành án đối với pháp nhân thương mại cho các cơ quan đó, kèm theo quyết định thi hành án.</p> <p>Văn bản yêu cầu phải nêu rõ nội dung các biện pháp cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại phải thực hiện theo Điều 164 Luật Thi hành án hình sự để đảm bảo việc thi hành án có hiệu quả.</p> <p>3. Ngay sau khi nhận được yêu cầu của cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại phải thực hiện các biện pháp quy định</p>	<p>Điều 6. Xác định cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại có trách nhiệm trong thi hành án</p> <p>1. Căn cứ bản án, quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự xác định các cơ quan có liên quan đến hoạt động của pháp nhân thương mại để phối hợp thi hành án đối với pháp nhân thương mại có hiệu quả.</p> <p>2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự phải ra quyết định về danh sách các cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại và gửi văn bản yêu cầu phối hợp tổ chức thi hành án đối với pháp nhân thương mại cho các cơ quan đó, kèm theo quyết định thi hành án. Văn bản yêu cầu phải nêu rõ nội dung các biện pháp cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại phải thực hiện theo Điều 145 Luật Thi hành án hình sự để đảm bảo việc thi hành án có hiệu quả.</p> <p>3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại phải thực hiện các biện pháp quy định tại khoản 1 Điều 145 Luật Thi hành án hình sự được nêu trong văn bản yêu cầu của cơ quan thi hành án hình</p>	<p>Thay đổi thời hạn thực hiện</p>

NGHỊ ĐỊNH SỐ 55/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>tại khoản 1 Điều 164 Luật Thi hành án hình sự được nêu trong văn bản yêu cầu của cơ quan thi hành án hình sự. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan thi hành án hình sự về việc thực hiện yêu cầu trong thi hành án và việc chấp hành án của pháp nhân thương mại để theo dõi, lưu hồ sơ thi hành án.</p>	<p>sự. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan thi hành án hình sự về việc thực hiện yêu cầu trong thi hành án và việc chấp hành án của pháp nhân thương mại để theo dõi, lưu hồ sơ thi hành án.</p>	
<p>Điều 7. tập người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại để thông báo, yêu cầu thi hành án</p> <p>1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự phải gửi giấy triệu tập đến người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại để thực hiện việc thông báo và yêu cầu thi hành án. Nội dung giấy triệu tập phải nêu rõ họ tên, chức vụ người được triệu tập; mục đích, nội dung làm việc; thời gian, địa điểm phải có mặt.</p> <p>Cơ quan thi hành án hình sự gửi thông báo về việc triệu tập và làm việc với người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại cho Viện kiểm sát cùng cấp biết và phân công Kiểm sát viên thực hiện việc kiểm sát (nếu cần thiết).</p> <p>2. Thành phần làm việc với người được triệu tập gồm có: Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự hoặc Phó Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự được ủy quyền chủ trì; cán bộ trực tiếp thụ lý việc thi hành án và một số cán bộ thuộc cơ quan thi hành án hình sự; người đại diện theo</p>	<p>Điều 7. Triệu tập người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại để thông báo, yêu cầu thi hành án</p> <p>1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự phải gửi giấy triệu tập đến người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại để thực hiện việc thông báo và yêu cầu thi hành án. Nội dung giấy triệu tập phải nêu rõ họ tên, chức vụ người được triệu tập; mục đích, nội dung làm việc; thời gian, địa điểm phải có mặt.</p> <p>Cơ quan thi hành án hình sự gửi thông báo về việc triệu tập và làm việc với người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại cho Viện kiểm sát cùng cấp với Tòa án đã ra quyết định biết và phân công Kiểm sát viên thực hiện việc kiểm sát (nếu cần thiết).</p> <p>2. Thành phần làm việc với người được triệu tập gồm có: Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự hoặc Phó Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự được ủy quyền chủ trì, cán bộ trực tiếp thụ lý việc thi hành án và một số cán bộ thuộc cơ quan thi hành án hình sự, người đại diện theo pháp luật của</p>	<p>Thay đổi thời hạn, bổ sung trường hợp "tình trạng khẩn cấp"</p>

NGHỊ ĐỊNH SỐ 55/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>pháp luật của pháp nhân thương mại; đại diện Viện kiểm sát (nếu có).</p> <p>Trường hợp cần thiết, cơ quan thi hành án hình sự có thể mời thêm cán bộ của các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc thi hành án đối với pháp nhân thương mại tham dự buổi làm việc.</p> <p>Kết thúc buổi làm việc phải lập biên bản có chữ ký của người chủ trì, người được triệu tập, cán bộ thụ lý việc thi hành án, đại diện Viện kiểm sát (nếu tham dự buổi làm việc).</p> <p>3. Trường hợp người được triệu tập không thể có mặt theo yêu cầu triệu tập vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thì phải báo cáo bằng văn bản và được cơ quan thi hành án hình sự chấp thuận bằng văn bản. Trong trường hợp này, cơ quan thi hành án hình sự lùi buổi làm việc sang thời điểm khác nhưng không được quá thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án.</p> <p>Trường hợp người được triệu tập cố tình không có mặt theo đúng thời hạn triệu tập thì cơ quan thi hành án hình sự lập biên bản vắng mặt và vẫn tiếp tục tổ chức thi hành án.</p>	<p>pháp nhân thương mại; đại diện Viện kiểm sát (nếu có). Trường hợp cần thiết, cơ quan thi hành án hình sự có thể mời thêm cán bộ của các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc thi hành án đối với pháp nhân thương mại tham dự buổi làm việc. Kết thúc buổi làm việc phải lập biên bản có chữ ký của người chủ trì, người được triệu tập, cán bộ thụ lý việc thi hành án, đại diện Viện kiểm sát (nếu tham dự buổi làm việc).</p> <p>3. Trường hợp người được triệu tập không thể có mặt theo yêu cầu triệu tập vì lý do tình trạng khẩn cấp, lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thì phải báo cáo bằng văn bản và được cơ quan thi hành án hình sự chấp thuận bằng văn bản. Trong trường hợp này, cơ quan thi hành án hình sự lùi buổi làm việc sang thời điểm khác nhưng không được quá thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án.</p> <p>Trường hợp người được triệu tập cố tình không có mặt theo đúng thời hạn triệu tập thì cơ quan thi hành án hình sự lập biên bản vắng mặt và vẫn tiếp tục tổ chức thi hành án.</p>	
<p>Điều 8. Hồ sơ thi hành án</p> <p>1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự phải lập hồ sơ thi hành án, mỗi pháp nhân thương mại lập một hồ sơ thi hành án.</p> <p>2. Cơ quan thi hành án hình sự có trách nhiệm quản lý,</p>	<p>Điều 8. Hồ sơ thi hành án</p> <p>1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự phải lập hồ sơ thi hành án, mỗi pháp nhân thương mại lập một hồ sơ thi hành án.</p> <p>2. Cơ quan thi hành án hình sự có trách nhiệm quản lý, bổ</p>	<p>Thay đổi thời gian thực hiện</p>

NGHỊ ĐỊNH SỐ 55/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>bổ sung tài liệu hồ sơ đảm bảo có đầy đủ tài liệu quy định tại Điều 161 Luật Thi hành án hình sự.</p> <p>3. Việc bảo quản, lưu trữ hồ sơ, sổ sách thi hành án đối với pháp nhân thương mại thực hiện theo quy định của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.</p>	<p>sung tài liệu hồ sơ đảm bảo có đầy đủ tài liệu quy định tại Điều 142 Luật Thi hành án hình sự.</p> <p>3. Việc bảo quản, lưu trữ hồ sơ, sổ sách thi hành án đối với pháp nhân thương mại thực hiện theo quy định của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.</p>	
<p>Điều 9. Công bố quyết định thi hành án, giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt, giấy chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp</p> <p>1. Công bố quyết định thi hành án</p> <p>a) Đối với cơ quan thi hành án hình sự:</p> <p>Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự đăng tải quyết định trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình.</p> <p>Trường hợp cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh chưa có trang thông tin điện tử riêng thì đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công an cấp tỉnh. Trường hợp chưa có trang thông tin điện tử của Công an cấp tỉnh thì đăng tải trên trang thông tin của Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an.</p> <p>Trường hợp cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu không có trang thông tin điện tử riêng thì đăng tải trên trang thông tin điện tử của Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng;</p> <p>b) Đối với pháp nhân thương mại:</p> <p>Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án, pháp nhân thương mại phải công</p>	<p>Điều 9. Công bố quyết định thi hành án, chứng nhận chấp hành xong hình phạt, chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp</p> <p>1. Công bố quyết định thi hành án</p> <p>a) Đối với cơ quan thi hành án hình sự: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự đăng tải quyết định trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình.</p> <p>Trường hợp cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh chưa có trang thông tin điện tử riêng thì đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công an cấp tỉnh. Trường hợp chưa có trang thông tin điện tử của Công an cấp tỉnh thì đăng tải trên trang thông tin của Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an.</p> <p>Trường hợp cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu không có trang thông tin điện tử riêng thì đăng tải trên trang thông tin điện tử của Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng.</p> <p>b) Đối với pháp nhân thương mại:</p> <p>Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án, pháp nhân thương mại phải công bố quyết định thi hành án trên trang thông tin điện tử, ấn phẩm</p>	<p>Thay đổi thời gian thực hiện</p> <p>Bổ sung trường hợp chấm dứt thi hành án đối với đình chỉ vĩnh viễn</p>

NGHỊ ĐỊNH SỐ 55/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>bổ quyết định thi hành án trên trang thông tin điện tử, ấn phẩm của pháp nhân thương mại và niêm yết công khai tại trụ sở chính và địa điểm kinh doanh của pháp nhân thương mại theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 160 Luật Thi hành án hình sự; thông báo việc chấp hành hình phạt, biện pháp tư pháp cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; báo cáo cơ quan thi hành án hình sự và cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại về kết quả thực hiện.</p> <p>Cơ quan thi hành án hình sự có trách nhiệm kiểm tra, giám sát để đảm bảo duy trì việc công bố, công khai niêm yết quyết định thi hành án. Trường hợp pháp nhân thương mại vi phạm, cơ quan thi hành án hình sự yêu cầu pháp nhân thương mại phải công bố, niêm yết; tùy theo mức độ có thể bị lập biên bản vi phạm, đề nghị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Đối với cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại:</p> <p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan thi hành án hình sự, các cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại được cơ quan thi hành án hình sự xác định theo quy định tại Điều 7 Nghị định này phải thực hiện việc công bố quyết định thi hành án trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan mình.</p> <p>Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thực hiện đăng tải, công bố quyết định thi hành án trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đối với các doanh</p>	<p>của pháp nhân thương mại và niêm yết công khai tại trụ sở chính và địa điểm kinh doanh của pháp nhân thương mại theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 141 Luật Thi hành án hình sự, thông báo việc chấp hành hình phạt, biện pháp tư pháp cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; báo cáo cơ quan thi hành án hình sự và cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại về kết quả thực hiện.</p> <p>Trường hợp pháp nhân thương mại không còn trụ sở hoạt động, việc niêm yết được thực hiện tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi pháp nhân thương mại đã đặt trụ sở chính trước đó.</p> <p>Cơ quan thi hành án hình sự có trách nhiệm kiểm tra, giám sát để đảm bảo duy trì việc công bố, niêm yết quyết định thi hành án. Trường hợp pháp nhân thương mại vi phạm, cơ quan thi hành án hình sự yêu cầu pháp nhân thương mại phải công bố, niêm yết; tùy theo mức độ có thể bị lập biên bản vi phạm, đề nghị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.</p> <p>c) Đối với cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại:</p> <p>Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan thi hành án hình sự, các cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại được cơ quan thi hành án hình sự xác định theo quy định tại Điều 6 Nghị định này phải thực hiện việc công bố quyết định thi hành án trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan mình.</p> <p>Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thực hiện đăng tải,</p>	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 55/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>ngành thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp thuộc địa bàn quản lý;</p> <p>d) Việc công bố, niêm yết quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án hình sự, pháp nhân thương mại và cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại theo quy định tại các điểm a, b và c của Khoản này phải được duy trì trong suốt thời gian thi hành án.</p> <p>2. Công bố giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt, giấy chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp như sau:</p> <p>a) Cơ quan thi hành án hình sự công bố giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt, giấy chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình ngay sau khi cấp giấy. Trường hợp chưa có trang thông tin điện tử thì thực hiện công bố giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt, giấy chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp thực hiện như công bố quyết định thi hành án quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Pháp nhân thương mại thực hiện công bố, niêm yết giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt, giấy chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy đó. Việc công bố, niêm yết thực hiện như đối với công bố, niêm yết quyết định thi hành án quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;</p> <p>c) Cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại thực hiện việc công bố giấy chứng nhận chấp hành</p>	<p>công bố quyết định thi hành án trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp thuộc địa bàn quản lý.</p> <p>d) Việc công bố, niêm yết quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án hình sự, pháp nhân thương mại và cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại theo quy định tại các điểm a, b và c khoản này phải được duy trì trong suốt thời gian thi hành án.</p> <p>2. Công bố chứng nhận chấp hành xong hình phạt, giấy chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp như sau:</p> <p>a) Cơ quan thi hành án hình sự công bố chứng nhận chấp hành xong hình phạt, chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình ngay sau khi cấp giấy. Trường hợp chưa có trang thông tin điện tử thì thực hiện công bố chứng nhận chấp hành xong hình phạt, chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp thực hiện như công bố quyết định thi hành án quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Pháp nhân thương mại thực hiện công bố, niêm yết chứng nhận chấp hành xong hình phạt, chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy đó. Việc công bố, niêm yết thực hiện như đối với công bố, niêm yết quyết định thi hành án quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;</p> <p>c) Cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại thực hiện việc công bố chứng nhận chấp hành xong hình phạt, chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp</p>	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 55/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>xong hình phạt, giấy chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy đó. Việc công bố thực hiện như đối với công bố quyết định thi hành án quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;</p> <p>d) Thời hạn duy trì việc công bố, niêm yết giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt, giấy chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp tối thiểu 30 ngày, kể từ ngày công bố, niêm yết.</p>	<p>trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy đó. Việc công bố thực hiện như đối với công bố quyết định thi hành án quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;</p> <p>d) Thời hạn duy trì việc công bố, niêm yết chứng nhận chấp hành xong hình phạt, chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp tối thiểu 30 ngày, kể từ ngày công bố, niêm yết.</p>	
<p>Điều 10. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành án của pháp nhân thương mại trong thời gian chấp hành án</p> <p>1. Pháp nhân thương mại phải thực hiện việc báo cáo cơ quan thi hành án hình sự bằng văn bản về tình hình, kết quả chấp hành án theo định kỳ 03 tháng một lần (trừ trường hợp thời hạn chấp hành án dưới 03 tháng).</p> <p>Cơ quan thi hành án hình sự báo cáo Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng về kết quả thi hành án hình sự đối với pháp nhân thương mại.</p> <p>2. Trường hợp cần xác minh, làm rõ việc có liên quan đến thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự yêu cầu pháp nhân thương mại báo cáo, làm rõ bằng văn bản. Pháp nhân thương mại phải chấp hành việc báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của mình cho cơ quan thi hành án hình sự.</p> <p>3. Kiểm tra việc chấp hành án của pháp nhân thương</p>	<p>Điều 10. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành án của pháp nhân thương mại trong thời gian chấp hành án</p> <p>1. Pháp nhân thương mại phải thực hiện việc báo cáo cơ quan thi hành án hình sự bằng văn bản về tình hình, kết quả chấp hành án theo định kỳ 03 tháng một lần (trừ trường hợp thời hạn chấp hành án dưới 03 tháng).</p> <p>Cơ quan thi hành án hình sự báo cáo Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng về kết quả thi hành án đối với pháp nhân thương mại.</p> <p>2. Trường hợp cần xác minh, làm rõ việc có liên quan đến thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự yêu cầu pháp nhân thương mại báo cáo, làm rõ bằng văn bản. Pháp nhân thương mại phải chấp hành việc báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của mình cho cơ quan thi hành án hình sự.</p> <p>3. Kiểm tra việc chấp hành án của pháp nhân thương mại:</p>	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 55/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>mại:</p> <p>a) Sau khi nhận được báo cáo của pháp nhân thương mại quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 6 Nghị định này, cơ quan thi hành án hình sự phải tổ chức kiểm tra việc thi hành án của pháp nhân thương mại trên thực tế;</p> <p>b) Trong quá trình chấp hành án, cơ quan thi hành án hình sự căn cứ vào yêu cầu đảm bảo việc thi hành án để tiến hành kiểm tra việc chấp hành án của pháp nhân thương mại;</p> <p>c) Trong thời hạn 15 ngày trước khi hết thời hạn chấp hành án, cơ quan thi hành án hình sự căn cứ vào yêu cầu đảm bảo việc thi hành án để tiến hành kiểm tra việc chấp hành án của pháp nhân thương mại để có cơ sở thực hiện cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt, giấy chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp;</p> <p>d) Khi thực hiện kiểm tra, nếu thấy cần thiết, cơ quan thi hành án hình sự có thể đề nghị cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại cử cán bộ tham gia kiểm tra, mời các nhà khoa học, chuyên gia có chuyên môn để hỗ trợ việc kiểm tra. Cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại phải phối hợp với cơ quan thi hành án hình sự trong thực hiện kiểm tra; cử cán bộ có khả năng chuyên môn phù hợp tham gia kiểm tra. Pháp nhân thương mại phải phối hợp và thực hiện theo yêu cầu của cơ quan thi hành án hình sự trong quá trình kiểm tra;</p> <p>đ) Việc kiểm tra đối với pháp nhân thương mại phải được lập biên bản để lưu hồ sơ thi hành án. Cơ quan thi hành án hình sự báo cáo Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, Cơ quan quản lý thi hành án hình sự</p>	<p>a) Sau khi nhận được báo cáo của pháp nhân thương mại quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 5 Nghị định này, cơ quan thi hành án hình sự phải tổ chức kiểm tra việc thi hành án của pháp nhân thương mại trên thực tế;</p> <p>b) Trong quá trình chấp hành án, cơ quan thi hành án hình sự căn cứ vào yêu cầu đảm bảo việc thi hành án để tiến hành kiểm tra việc chấp hành án của pháp nhân thương mại;</p> <p>c) Trong thời hạn 15 ngày trước khi hết thời hạn chấp hành án, cơ quan thi hành án hình sự căn cứ vào yêu cầu đảm bảo việc thi hành án để tiến hành kiểm tra việc chấp hành án của pháp nhân thương mại để có cơ sở thực hiện cấp chứng nhận chấp hành xong án phạt, chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp;</p> <p>d) Khi thực hiện kiểm tra, nếu thấy cần thiết, cơ quan thi hành án hình sự có thể đề nghị cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại cử cán bộ tham gia kiểm tra, mời các nhà khoa học, chuyên gia có chuyên môn để hỗ trợ việc kiểm tra. Cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại phải phối hợp với cơ quan thi hành án hình sự trong thực hiện kiểm tra; cử cán bộ có khả năng chuyên môn phù hợp tham gia kiểm tra. Pháp nhân thương mại phải phối hợp và thực hiện theo yêu cầu của cơ quan thi hành án hình sự trong quá trình kiểm tra;</p> <p>đ) Việc kiểm tra đối với pháp nhân thương mại phải được lập biên bản để lưu hồ sơ thi hành án. Cơ quan thi hành án hình sự báo cáo Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, Cơ quan quản lý thi hành án hình sự</p>	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 55/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>hình sự thuộc Bộ Công an, Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng kết quả kiểm tra sau mỗi lần kiểm tra;</p> <p>e) Việc kiểm tra đối với pháp nhân thương mại chỉ được thực hiện trong phạm vi của việc thi hành án, không làm ảnh hưởng đến các hoạt động khác của pháp nhân thương mại.</p>	<p>thuộc Bộ Quốc phòng kết quả kiểm tra sau mỗi lần kiểm tra;</p> <p>e) Việc kiểm tra đối với pháp nhân thương mại chỉ được thực hiện trong phạm vi của việc thi hành án, không làm ảnh hưởng đến các hoạt động khác của pháp nhân thương mại.</p>	
<p>Điều 11. Cấp giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt, giấy chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp</p> <p>1. Việc cấp và gửi giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt, giấy chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp thực hiện theo quy định tại Điều 166 Luật Thi hành án hình sự.</p> <p>a) Đối với hình phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định, cấm huy động vốn, cơ quan thi hành án hình sự cấp giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn chấp hành án;</p> <p>b) Đối với hình phạt đình chỉ hoạt động vĩnh viễn, khi có căn cứ xác định pháp nhân thương mại không còn khả năng khôi phục hoạt động trở lại thì cơ quan thi hành án hình sự phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại xác minh, lập biên bản làm căn cứ kết thúc việc thi hành án đối với pháp nhân thương mại;</p> <p>c) Đối với biện pháp tư pháp buộc khôi phục lại tình</p>	<p>Điều 11. Cấp chứng nhận chấp hành xong hình phạt, chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp</p> <p>1. Việc cấp và gửi chứng nhận chấp hành xong hình phạt, giấy chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp thực hiện theo quy định tại Điều 147 Luật Thi hành án hình sự.</p> <p>a) Đối với hình phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định, cấm huy động vốn, cơ quan thi hành án hình sự cấp chứng nhận chấp hành xong hình phạt trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn chấp hành án;</p> <p>b) Đối với hình phạt đình chỉ hoạt động vĩnh viễn, sau khi cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại thực hiện các biện pháp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 145 của Luật này, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu ra thông báo kết thúc việc thi hành án;</p> <p>c) Đối với biện pháp tư pháp buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu, biện pháp tư pháp buộc thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra, cơ quan</p>	<p>Thay đổi thời gian thực hiện</p>

NGHỊ ĐỊNH SỐ 55/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>trạng ban đầu, biện pháp tư pháp buộc thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra, cơ quan thi hành án hình sự cấp giấy chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong biện pháp tư pháp.</p> <p>2. Trường hợp pháp nhân thương mại giải thể, phá sản cơ quan thi hành án hình sự tiến hành làm thủ tục kết thúc việc thi hành án như sau:</p> <p>a) Cơ quan thi hành án hình sự phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại để lập biên bản xác định việc pháp nhân thương mại giải thể, phá sản;</p> <p>b) Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự ra quyết định chấm dứt việc thi hành án đối với pháp nhân thương mại và gửi quyết định đó cho Tòa án đã ra quyết định thi hành án, Viện kiểm sát cùng cấp, pháp nhân thương mại và cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại;</p> <p>c) Cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại thực hiện công bố quyết định chấm dứt việc thi hành án đối với pháp nhân thương mại. Việc công bố thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Nghị định này.</p>	<p>thi hành án hình sự cấp chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong biện pháp tư pháp.</p> <p>2. Trường hợp pháp nhân thương mại giải thể, phá sản cơ quan thi hành án hình sự tiến hành làm thủ tục kết thúc việc thi hành án như sau:</p> <p>a) Cơ quan thi hành án hình sự phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại để lập biên bản xác định việc pháp nhân thương mại giải thể, phá sản;</p> <p>b) Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự ra quyết định chấm dứt việc thi hành án đối với pháp nhân thương mại và gửi quyết định đó cho Tòa án đã ra quyết định thi hành án, Viện kiểm sát cùng cấp, pháp nhân thương mại và cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại;</p> <p>c) Cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại thực hiện công bố quyết định chấm dứt việc thi hành án đối với pháp nhân thương mại. Việc công bố thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 của Nghị định này.</p>	
<p style="text-align: center;">Chương III CHUYỂN GIAO NGHĨA VỤ THI HÀNH ÁN TRONG TRƯỜNG HỢP PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI TỔ CHỨC LẠI</p>	<p style="text-align: center;">Chương III CHUYỂN GIAO NGHĨA VỤ THI HÀNH ÁN TRONG TRƯỜNG HỢP PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI TỔ CHỨC LẠI</p>	



NGHỊ ĐỊNH SỐ 55/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>Điều 12. Xem xét, quyết định việc thi hành án đối với pháp nhân thương mại khi có kế hoạch tổ chức lại</p> <p>1. Pháp nhân thương mại khi có kế hoạch tổ chức lại phải có văn bản báo cáo cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại về dự kiến việc thực hiện nghĩa vụ thi hành án trong khi tổ chức lại để giải quyết về thủ tục thi hành án. Báo cáo phải nêu rõ tình hình, kết quả chấp hành án; phương hướng, trách nhiệm thi hành án của pháp nhân thương mại sau khi tổ chức lại.</p> <p>2. Cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại trong khi xem xét, giải quyết cho pháp nhân thương mại tổ chức lại phải có văn bản thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự để chủ động trong việc tổ chức thi hành án khi pháp nhân thương mại được tổ chức lại.</p> <p>3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trao đổi của cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại, cơ quan thi hành án hình sự phải có văn bản đề nghị Tòa án đã ra quyết định thi hành án, Viện kiểm sát cùng cấp cho ý kiến về việc thi hành án đối với pháp nhân thương mại khi tổ chức lại.</p> <p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Tòa án đã ra quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự phải có văn bản trả lời cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại, pháp nhân thương mại về việc thi hành án khi tổ chức lại.</p> <p>4. Trường hợp pháp nhân thương mại được tổ chức lại, cơ quan thi hành án hình sự có trách nhiệm thông báo về</p>	<p>Điều 12. Xem xét, quyết định việc thi hành án đối với pháp nhân thương mại khi có kế hoạch tổ chức lại</p> <p>1. Pháp nhân thương mại khi có kế hoạch tổ chức lại phải có văn bản báo cáo cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại về dự kiến việc thực hiện nghĩa vụ thi hành án trong khi tổ chức lại để giải quyết về thủ tục thi hành án. Báo cáo phải nêu rõ tình hình, kết quả chấp hành án; phương hướng, trách nhiệm thi hành án của pháp nhân thương mại sau khi tổ chức lại.</p> <p>2. Cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại trong khi xem xét, giải quyết cho pháp nhân thương mại được tổ chức lại phải có văn bản thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự để chủ động trong việc tổ chức thi hành án khi pháp nhân thương mại tổ chức lại.</p> <p>3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trao đổi của cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại, cơ quan thi hành án hình sự phải có văn bản đề nghị Tòa án đã ra quyết định thi hành án để cho ý kiến về việc thi hành án đối với pháp nhân thương mại khi tổ chức lại, đồng thời gửi Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.</p> <p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Tòa án đã ra quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự phải có văn bản trả lời cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại và pháp nhân thương mại về việc thi hành án khi tổ chức lại.</p> <p>4. Trường hợp pháp nhân thương mại được tổ chức lại, cơ quan thi hành án hình sự có trách nhiệm thông báo về nghĩa vụ thi hành án sau khi tổ chức lại cho cơ quan có thẩm quyền</p>	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 55/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
nghĩa vụ thi hành án sau khi tổ chức lại cho cho Sở Tư pháp nơi pháp nhân thương mại trước khi tổ chức lại có trụ sở để cập nhật vào cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.	cấp phiếu lý lịch tư pháp Công an cấp tỉnh nơi pháp nhân thương mại trước khi tổ chức lại có trụ sở để cập nhật vào cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.	
<p>Điều 13. Thi hành án trong trường hợp pháp nhân thương mại được chia, tách</p> <p>1. Nghĩa vụ thi hành án trong trường hợp pháp nhân thương mại được chia, tách như sau:</p> <p>a) Trường hợp nội dung, lĩnh vực phải thi hành án được giao toàn bộ cho một pháp nhân thương mại mới thì pháp nhân thương mại mới đó chịu trách nhiệm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thi hành án;</p> <p>b) Trường hợp nội dung, lĩnh vực thi hành án được giao cho các pháp nhân thương mại mới khác nhau thì các pháp nhân thương mại mới thực hiện theo nghĩa vụ thi hành án được chuyển giao.</p> <p>2. Việc thi hành án trong trường hợp pháp nhân thương mại được chia, tách thực hiện như sau:</p> <p>a) Trường hợp pháp nhân thương mại tiếp nhận nghĩa vụ thi hành án có trụ sở thuộc cùng phạm vi đơn vị hành chính cấp tỉnh, phạm vi cấp quận khu của pháp nhân thương mại trước khi được chia, tách thì cơ quan thi hành án hình sự đang thi hành án đối với pháp nhân thương mại trước khi chia, tách tiếp tục tổ chức thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và Nghị định này;</p> <p>b) Trường hợp pháp nhân thương mại tiếp nhận nghĩa vụ thi hành án có trụ sở ngoài phạm vi đơn vị hành chính cấp tỉnh, ngoài phạm vi cấp quận khu thì cơ quan thi</p>	<p>Điều 13. Thi hành án trong trường hợp pháp nhân thương mại được chia, tách</p> <p>1. Nghĩa vụ thi hành án trong trường hợp pháp nhân thương mại được chia, tách như sau:</p> <p>a) Trường hợp nội dung, lĩnh vực phải thi hành án được giao toàn bộ cho một pháp nhân thương mại mới thì pháp nhân thương mại mới đó chịu trách nhiệm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thi hành án;</p> <p>b) Trường hợp nội dung, lĩnh vực thi hành án được giao cho các pháp nhân thương mại mới khác nhau thì các pháp nhân thương mại mới thực hiện theo nghĩa vụ thi hành án được chuyển giao.</p> <p>2. Việc thi hành án trong trường hợp pháp nhân thương mại được chia, tách thực hiện như sau:</p> <p>a) Trường hợp pháp nhân thương mại tiếp nhận nghĩa vụ thi hành án có trụ sở thuộc cùng phạm vi đơn vị hành chính cấp tỉnh, phạm vi cấp quận khu của pháp nhân thương mại trước khi được chia, tách thì cơ quan thi hành án hình sự đang thi hành án đối với pháp nhân thương mại trước khi chia, tách tiếp tục tổ chức thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và Nghị định này;</p> <p>b) Trường hợp pháp nhân thương mại tiếp nhận nghĩa vụ thi hành án có trụ sở ngoài phạm vi đơn vị hành chính cấp tỉnh, ngoài phạm vi cấp quận khu thì cơ quan thi hành án</p>	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 55/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>hành án hình sự nơi pháp nhân thương mại tiếp nhận nghĩa vụ thi hành án có trụ sở tiến hành lập hồ sơ thi hành án và tổ chức thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và Nghị định này.</p> <p>Cơ quan thi hành án hình sự đang thi hành án đối với pháp nhân thương mại trước khi chia, tách có trách nhiệm sao gửi tài liệu trong hồ sơ thi hành án cho cơ quan thi hành án hình sự nơi có pháp nhân thương mại tiếp nhận nghĩa vụ chấp hành án có trụ sở để tổ chức thi hành án.</p> <p>3. Thời gian đã chấp hành án của pháp nhân thương mại trước khi được chia, tách được tính vào thời gian chấp hành án của các pháp nhân thương mại tiếp nhận nghĩa vụ thi hành án.</p>	<p>hành án có trụ sở tiến hành lập hồ sơ thi hành án và tổ chức thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và Nghị định này.</p> <p>Cơ quan thi hành án hình sự đang thi hành án đối với pháp nhân thương mại trước khi chia, tách có trách nhiệm sao gửi tài liệu trong hồ sơ thi hành án cho cơ quan thi hành án hình sự nơi pháp nhân thương mại tiếp nhận nghĩa vụ chấp hành án có trụ sở để tổ chức thi hành án.</p> <p>3. Thời gian đã chấp hành án của pháp nhân thương mại trước khi được chia, tách được tính vào thời gian chấp hành án của các pháp nhân thương mại tiếp nhận nghĩa vụ thi hành án.</p>	
<p>Điều 14. Thi hành án trong trường hợp pháp nhân thương mại được hợp nhất, sáp nhập</p> <p>1. Pháp nhân thương mại tiếp nhận pháp nhân thương mại đang chấp hành án khi hợp nhất, sáp nhập có trách nhiệm tiếp nhận nghĩa vụ thi hành án của pháp nhân thương mại được hợp nhất, sáp nhập.</p> <p>2. Việc thi hành án trong trường hợp pháp nhân thương mại được hợp nhất, sáp nhập như sau:</p> <p>a) Trường hợp pháp nhân thương mại tiếp nhận nghĩa vụ thi hành án có trụ sở thuộc cùng phạm vi đơn vị hành chính cấp tỉnh, phạm vi cấp quân khu của pháp nhân thương mại trước khi được hợp nhất, sáp nhập thì cơ quan thi hành án hình sự đang thi hành án đối với pháp nhân thương mại trước khi hợp nhất, sáp nhập tiếp tục tổ</p>	<p>Điều 14. Thi hành án trong trường hợp pháp nhân thương mại được hợp nhất, sáp nhập</p> <p>1. Pháp nhân thương mại tiếp nhận pháp nhân thương mại đang chấp hành án khi hợp nhất, sáp nhập có trách nhiệm tiếp nhận nghĩa vụ thi hành án của pháp nhân thương mại được hợp nhất, sáp nhập.</p> <p>2. Việc thi hành án trong trường hợp pháp nhân thương mại được hợp nhất, sáp nhập như sau:</p> <p>a) Trường hợp pháp nhân thương mại tiếp nhận nghĩa vụ thi hành án có trụ sở thuộc cùng phạm vi đơn vị hành chính cấp tỉnh, phạm vi cấp quân khu của pháp nhân thương mại trước khi được hợp nhất, sáp nhập thì cơ quan thi hành án hình sự đang thi hành án đối với pháp nhân thương mại trước khi hợp nhất, sáp nhập tiếp tục tổ chức thi hành án theo quy</p>	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 55/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>chức thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và Nghị định này;</p> <p>b) Trường hợp pháp nhân thương mại tiếp nhận nghĩa vụ thi hành án có trụ sở ngoài phạm vi đơn vị hành chính cấp tỉnh, ngoài phạm vi cấp quân khu thì cơ quan thi hành án hình sự đang thi hành án đối với pháp nhân thương mại trước khi hợp nhất, sáp nhập bàn giao hồ sơ thi hành án cho cơ quan thi hành án hình sự nơi pháp nhân thương mại tiếp nhận nghĩa vụ thi hành án có trụ sở để tổ chức thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và Nghị định này;</p> <p>c) Thời gian đã chấp hành án của pháp nhân thương mại trước khi hợp nhất, sáp nhập được tính vào thời hạn chấp hành án của pháp nhân thương mại tiếp nhận nghĩa vụ thi hành án.</p>	<p>định của Luật Thi hành án hình sự và Nghị định này;</p> <p>b) Trường hợp pháp nhân thương mại tiếp nhận nghĩa vụ thi hành án có trụ sở ngoài phạm vi đơn vị hành chính cấp tỉnh, ngoài phạm vi cấp quân khu thì cơ quan thi hành án hình sự đang thi hành án đối với pháp nhân thương mại trước khi hợp nhất, sáp nhập bàn giao hồ sơ thi hành án cho cơ quan thi hành án hình sự nơi pháp nhân thương mại tiếp nhận nghĩa vụ thi hành án có trụ sở để tổ chức thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và Nghị định này;</p> <p>c) Thời gian đã chấp hành án của pháp nhân thương mại trước khi hợp nhất, sáp nhập được tính vào thời hạn chấp hành án của pháp nhân thương mại tiếp nhận nghĩa vụ thi hành án.</p>	
<p>Điều 15. Thi hành án trong trường hợp pháp nhân thương mại chuyển đổi loại hình doanh nghiệp</p> <p>1. Trường hợp pháp nhân thương mại chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thì không làm thay đổi nghĩa vụ thi hành án. Pháp nhân thương mại có trách nhiệm báo cáo cơ quan thi hành án hình sự về việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.</p> <p>2. Cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại có trách nhiệm cung cấp thông tin về việc pháp nhân thương mại chấp hành án chuyển đổi loại hình doanh nghiệp cho cơ quan thi hành án hình sự để tiếp tục tổ chức thi hành án đối với pháp nhân thương mại.</p>	<p>Điều 15. Thi hành án trong trường hợp pháp nhân thương mại chuyển đổi loại hình doanh nghiệp</p> <p>1. Trường hợp pháp nhân thương mại chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thì không làm thay đổi nghĩa vụ thi hành án. Pháp nhân thương mại có trách nhiệm báo cáo cơ quan thi hành án hình sự về việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.</p> <p>2. Cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại có trách nhiệm cung cấp thông tin về việc pháp nhân thương mại chấp hành án chuyển đổi loại hình doanh nghiệp cho cơ quan thi hành án hình sự để tiếp tục tổ chức thi hành án đối với pháp nhân thương mại.</p> <p>3. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan</p>	

J

NGHỊ ĐỊNH SỐ 55/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>3. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án sự cấp quân khu tiếp tục thực hiện thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và Nghị định này.</p>	<p>thi hành án hình sự cấp quân khu tiếp tục thực hiện thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và Nghị định này.</p>	
<p style="text-align: center;">Chương IV TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TRONG THI HÀNH ÁN ĐỐI VỚI PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI</p> <p>Điều 16. Trách nhiệm của Bộ Công an trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại</p> <p>1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 195 Luật Thi hành án hình sự trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại.</p> <p>2. Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an có trách nhiệm:</p> <p>a) Hướng dẫn, chỉ đạo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh thực hiện thi hành án đối với pháp nhân thương mại;</p> <p>b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại;</p> <p>c) Công bố thông tin có liên quan đến thi hành án đối với pháp nhân thương mại;</p> <p>d) Ban hành các biểu mẫu, sổ sách theo dõi thi hành án đối với pháp nhân thương mại;</p> <p>đ) Thống kê, báo cáo về thi hành án đối với pháp nhân thương mại;</p> <p>e) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Bộ</p>	<p style="text-align: center;">Chương V TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TRONG THI HÀNH ÁN ĐỐI VỚI PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI</p> <p>Điều 58. Trách nhiệm của Bộ Công an trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại</p> <p>1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 2 Điều 175 Luật Thi hành án hình sự trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại.</p> <p>2. Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an có trách nhiệm:</p> <p>a) Hướng dẫn, chỉ đạo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh thực hiện thi hành án đối với pháp nhân thương mại;</p> <p>b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại;</p> <p>c) Công bố thông tin có liên quan đến thi hành án đối với pháp nhân thương mại;</p> <p>d) Ban hành các biểu mẫu, sổ sách theo dõi thi hành án đối với pháp nhân thương mại;</p> <p>đ) Thống kê, báo cáo về thi hành án đối với pháp nhân thương mại;</p>	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 55/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
trưởng Bộ Công an.	e) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Công an.	
<p>Điều 17. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại</p> <p>1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 196 Luật Thi hành án hình sự trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại.</p> <p>2. Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng có trách nhiệm:</p> <p>a) Hướng dẫn, chỉ đạo cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu thực hiện thi hành án đối với pháp nhân thương mại;</p> <p>b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại;</p> <p>c) Công bố các thông tin có liên quan đến thi hành án đối với pháp nhân thương mại;</p> <p>d) Thống kê, báo cáo về thi hành án đối với pháp nhân thương mại;</p> <p>đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.</p>	<p>Điều 59. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại</p> <p>1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 3 Điều 175 Luật Thi hành án hình sự trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại.</p> <p>2. Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng có trách nhiệm:</p> <p>a) Hướng dẫn, chỉ đạo cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu thực hiện thi hành án đối với pháp nhân thương mại;</p> <p>b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại;</p> <p>c) Công bố các thông tin có liên quan đến thi hành án đối với pháp nhân thương mại;</p> <p>d) Thống kê, báo cáo về thi hành án đối với pháp nhân thương mại,</p> <p>đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.</p>	
<p>Điều 18. Trách nhiệm của các bộ, ngành trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại</p> <p>1. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, các bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại.</p> <p>2. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, tổ chức trực thuộc để</p>	<p>Điều 60. Trách nhiệm của các bộ, ngành trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại</p> <p>1. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, các bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại.</p> <p>2. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, tổ chức trực thuộc để phối</p>	



NGHỊ ĐỊNH SỐ 55/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>phối hợp với Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu trong thực hiện thi hành án đối với pháp nhân thương mại.</p>	<p>hợp với Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu trong thực hiện thi hành án đối với pháp nhân thương mại.</p>	
<p>Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại</p> <p>1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:</p> <p>a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều 204 Luật Thi hành án hình sự;</p> <p>b) Chỉ đạo các cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại thuộc quyền quản lý để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về thi hành án đối với pháp nhân thương mại.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:</p> <p>a) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại trên địa bàn;</p> <p>b) Chỉ đạo các cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại thuộc quyền quản lý để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về thi hành án đối với pháp nhân thương mại.</p> <p>3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh trong thực hiện thi hành án đối với pháp nhân thương mại xảy ra trên địa bàn.</p>	<p>Điều 61. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại</p> <p>1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:</p> <p>a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 4 Điều 175 Luật Thi hành án hình sự;</p> <p>b) Chỉ đạo các cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại thuộc quyền quản lý để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về thi hành án đối với pháp nhân thương mại.</p> <p>c) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại trên địa bàn;</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh trong thực hiện thi hành án đối với pháp nhân thương mại xảy ra trên địa bàn.</p>	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 55/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p style="text-align: center;">Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</p> <p>Điều 20. Hiệu lực thi hành Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2020.</p>	<p style="text-align: center;">Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</p> <p>Điều 62. Hiệu lực thi hành 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026. 2. Nghị định này thay thế ; Nghị định số 44/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại và Nghị định 55/2020/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thi hành án hình sự về thi hành án đối với pháp nhân thương mại. 3. Đối với các bản án, quyết định thi hành án nhận được trước ngày 01 tháng 7 năm 2026 thì tiếp tục thi hành theo quy định của Nghị định số 44/2020/NĐ-CP và Nghị định số 55/2020/NĐ-CP. Đối với các bản án, quyết định thi hành án nhận được từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 thì tổ chức thi hành theo quy định của Nghị định này.</p>	
<p>Điều 21. Trách nhiệm thi hành Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đối tượng áp dụng của Nghị định chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.</p>	<p>Điều 63. Trách nhiệm thi hành Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đối tượng áp dụng của Nghị định chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.</p>	

2

2. So sánh, thuyết minh đối với Nghị định số 44/2020/NĐ-CP

NGHỊ ĐỊNH SỐ 44/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p style="text-align: center;">Chương I QUY ĐỊNH CHUNG</p> <p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 1. Nghị định này quy định về nguyên tắc, biện pháp, trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại được quy định tại Điều 163 Luật Thi hành án hình sự. 2. Việc cưỡng chế thi hành hình phạt tiền quy định tại Điều 77, biện pháp tư pháp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 82 Bộ luật Hình sự đối với pháp nhân thương mại không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.</p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị định này quy định chi tiết về thi hành án đối với pháp nhân thương mại quy định tại các Điều 141, 144, 145 và 146 của Luật Thi hành án hình sự.</p>	
<p>Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Pháp nhân thương mại không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. 2. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu (sau đây gọi là cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền), cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến thi hành cưỡng chế.</p>	<p>Điều 2. Đối tượng áp dụng Nghị định này áp dụng đối với pháp nhân thương mại chấp hành án (gọi tắt là pháp nhân thương mại); cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại; cơ quan, tổ chức, cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện thi hành án đối với pháp nhân thương mại; Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thi hành án đối với pháp nhân thương mại.</p>	
<p>Điều 3. Nguyên tắc áp dụng cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại 1. Việc cưỡng chế chỉ được thực hiện khi có quyết định cưỡng chế bằng văn bản của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền. 2. Việc quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế phải căn cứ vào hình phạt, biện pháp tư pháp áp dụng đối với pháp nhân thương mại, nội dung, tính chất, mức độ, điều kiện thi hành</p>	<p>Điều 16. Nguyên tắc áp dụng cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại 1. Việc cưỡng chế chỉ được thực hiện khi có quyết định cưỡng chế bằng văn bản của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền. 2. Việc quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế phải căn cứ vào hình phạt, biện pháp tư pháp áp dụng đối với pháp nhân thương mại, nội dung, tính chất, mức độ, điều kiện thi hành</p>	



NGHỊ ĐỊNH SỐ 44/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>quyết định cưỡng chế và tình hình thực tế ở địa phương.</p> <p>3. Thời hạn áp dụng biện pháp cưỡng chế để bảo đảm thi hành án không quá thời hạn chấp hành hình phạt theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; thời hạn bảo đảm thi hành biện pháp tư pháp được xác định khi biện pháp tư pháp được thi hành xong.</p> <p>4. Pháp nhân thương mại có thể bị áp dụng một hoặc một số biện pháp cưỡng chế trong cùng một thời điểm nếu việc áp dụng một biện pháp cưỡng chế không đủ để bảo đảm thi hành án.</p> <p>5. Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của pháp nhân thương mại, tổ chức, cá nhân có liên quan trong cưỡng chế thi hành án.</p>	<p>quyết định cưỡng chế và tình hình thực tế ở địa phương.</p> <p>3. Thời hạn áp dụng biện pháp cưỡng chế để bảo đảm thi hành án không quá thời hạn chấp hành hình phạt theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; thời hạn bảo đảm thi hành biện pháp tư pháp được xác định khi biện pháp tư pháp được thi hành xong.</p> <p>4. Pháp nhân thương mại có thể bị áp dụng một hoặc một số biện pháp cưỡng chế trong cùng một thời điểm nếu việc áp dụng một biện pháp cưỡng chế không đủ để bảo đảm thi hành án.</p> <p>5. Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của pháp nhân thương mại, tổ chức, cá nhân có liên quan trong cưỡng chế thi hành án.</p>	
<p>Điều 4. Các biện pháp cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại</p> <p>Biện pháp cưỡng chế thi hành án áp dụng đối với pháp nhân thương mại gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phong tỏa tài khoản. 2. Kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền bảo đảm thi hành cưỡng chế biện pháp tư pháp (kê biên tài sản). 3. Tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử; tạm giữ hoặc thu hồi con dấu của pháp nhân thương mại. 	<p>Điều 17. Các biện pháp cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại</p> <p>Biện pháp cưỡng chế thi hành án áp dụng đối với pháp nhân thương mại gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phong tỏa tài khoản. 2. Kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền bảo đảm thi hành cưỡng chế biện pháp tư pháp (kê biên tài sản). 3. Tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử; tạm giữ hoặc thu hồi con dấu của pháp nhân thương mại. 	
<p>Điều 5. Lập biên bản việc pháp nhân thương mại không chấp hành án hoặc chấp hành không đầy đủ bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật</p> <p>1. Trong quá trình kiểm tra, giám sát chấp hành án của pháp nhân thương mại phát hiện pháp nhân thương mại không chấp hành án hoặc chấp hành không đầy đủ bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước</p>	<p>Điều 18. Lập biên bản việc pháp nhân thương mại không chấp hành án hoặc chấp hành không đầy đủ bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật</p> <p>1. Trong quá trình kiểm tra, giám sát chấp hành án của pháp nhân thương mại phát hiện pháp nhân thương mại không chấp hành án hoặc chấp hành không đầy đủ bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước</p>	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 44/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>đối với pháp nhân thương mại lập biên bản về việc pháp nhân thương mại không chấp hành án hoặc chấp hành không đầy đủ bản án, quyết định của Tòa án với sự chứng kiến của người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại và đại diện chính quyền địa phương.</p> <p>Trường hợp người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại không có mặt hoặc từ chối ký vào biên bản thì phải ghi rõ vào biên bản và vẫn tiến hành lập biên bản.</p> <p>2. Biên bản phải ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản; căn cứ lập biên bản; họ, tên, chức vụ người lập biên bản; tên, địa chỉ, mã số thuế của pháp nhân thương mại; kết quả chấp hành án của pháp nhân thương mại; ý kiến của người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có).</p> <p>3. Biên bản nêu tại khoản 1 Điều này là một trong những căn cứ để cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế.</p>	<p>đối với pháp nhân thương mại lập biên bản về việc pháp nhân thương mại không chấp hành án hoặc chấp hành không đầy đủ bản án, quyết định của Tòa án với sự chứng kiến của người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại và đại diện chính quyền địa phương.</p> <p>Trường hợp người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại không có mặt hoặc từ chối ký vào biên bản thì phải ghi rõ vào biên bản và vẫn tiến hành lập biên bản.</p> <p>2. Biên bản phải ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản; căn cứ lập biên bản; họ, tên, chức vụ người lập biên bản; tên, địa chỉ, mã số thuế của pháp nhân thương mại; kết quả chấp hành án của pháp nhân thương mại; ý kiến của người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có).</p> <p>3. Biên bản nêu tại khoản 1 Điều này là một trong những căn cứ để cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế.</p>	
<p>Điều 6. Gửi quyết định cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại</p> <p>Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định cưỡng chế, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền phải gửi quyết định cưỡng chế cho Tòa án đã ra quyết định thi hành án, Viện kiểm sát cùng cấp, cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại có liên quan, pháp nhân thương mại, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại, Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân khác có liên quan; trường hợp thi hành biện pháp cưỡng chế quy định tại khoản 2 và 3 Điều 4 Nghị định này thì quyết định cưỡng chế còn phải được gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tài sản kê biên hoặc nơi có tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ</p>	<p>Điều 19. Gửi quyết định cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại</p> <p>Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định cưỡng chế, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền phải gửi quyết định cưỡng chế cho Tòa án đã ra quyết định thi hành án, Viện kiểm sát cùng cấp, cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại có liên quan, pháp nhân thương mại, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại, Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân khác có liên quan; trường hợp thi hành biện pháp cưỡng chế quy định tại khoản 2 và 3 Điều 17 Nghị định này thì quyết định cưỡng chế còn phải được gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tài sản kê biên hoặc nơi có tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ</p>	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 44/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>liệu điện tử bị tạm giữ hoặc nơi có con dấu bị tạm giữ hoặc thu hồi trước khi thi hành 03 ngày làm việc để phối hợp thực hiện.</p>	<p>liệu điện tử bị tạm giữ hoặc nơi có con dấu bị tạm giữ hoặc thu hồi trước khi thi hành 03 ngày làm việc để phối hợp thực hiện.</p>	
<p>Điều 7. Triệu tập, thông báo việc thi hành quyết định cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại</p> <p>1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định cưỡng chế, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền triệu tập người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại chấp hành án đến trụ sở để thông báo quyết định cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại. Khi được cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền triệu tập, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phải có mặt, trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.</p> <p>2. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại được triệu tập hợp lệ mà không có mặt theo giấy triệu tập thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền lập biên bản về việc vắng mặt, có chứng kiến, xác nhận của đại diện chính quyền địa phương và được coi là đã được thông báo việc thi hành quyết định cưỡng chế.</p>	<p>Điều 20. Triệu tập, thông báo việc thi hành quyết định cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại</p> <p>1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định cưỡng chế, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền triệu tập người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại chấp hành án đến trụ sở để thông báo quyết định cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại. Khi được cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền triệu tập, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phải có mặt. Trường hợp do tình trạng khẩn cấp, lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mà người được triệu tập không thể có mặt thì lùi việc thông báo sang thời điểm khác nhưng không được quá thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định cưỡng chế thi hành án.</p> <p>2. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại được triệu tập hợp lệ mà không có mặt theo giấy triệu tập thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền lập biên bản về việc vắng mặt, có chứng kiến, xác nhận của đại diện chính quyền địa phương và được coi là đã được thông báo việc thi hành quyết định cưỡng chế.</p>	
<p>Điều 8. Cưỡng chế trong trường hợp chuyển giao nghĩa vụ thi hành án đối với pháp nhân thương mại tổ chức lại</p> <p>Trường hợp pháp nhân thương mại đang phải chấp hành quyết định cưỡng chế thi hành án mà được chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật thì pháp nhân thương mại kế thừa các quyền và nghĩa vụ của pháp nhân thương mại chấp hành án có trách nhiệm tiếp</p>	<p>Điều 21. Cưỡng chế trong trường hợp chuyển giao nghĩa vụ thi hành án đối với pháp nhân thương mại tổ chức lại</p> <p>Trường hợp pháp nhân thương mại đang phải chấp hành quyết định cưỡng chế thi hành án mà được chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật thì pháp nhân thương mại kế thừa các quyền và nghĩa vụ của pháp nhân thương mại chấp hành án có trách nhiệm tiếp</p>	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 44/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
tục thực hiện quyết định cưỡng chế của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền.	tục thực hiện quyết định cưỡng chế của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền.	
<p>Điều 9. Trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế</p> <p>1. Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế; công bố ngay các quyết định liên quan được ban hành trong quá trình thực hiện cưỡng chế trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình.</p> <p>2. Cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp theo yêu cầu của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền để tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế; công bố ngay trên cổng thông tin, trang điện tử của cơ quan, tổ chức mình các quyết định được cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ban hành trong quá trình cưỡng chế khi nhận được.</p> <p>3. Cơ quan quản lý Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp có trách nhiệm đăng các quyết định được cơ quan thi hành án có thẩm quyền ban hành trong quá trình cưỡng chế lên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp khi nhận được.</p>	<p>Điều 22. Trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế</p> <p>1. Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế; công bố ngay các quyết định liên quan được ban hành trong quá trình thực hiện cưỡng chế trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình.</p> <p>2. Cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp theo yêu cầu của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền để tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế; công bố ngay trên cổng thông tin, trang điện tử của cơ quan, tổ chức mình các quyết định được cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ban hành trong quá trình cưỡng chế khi nhận được.</p> <p>3. Cơ quan quản lý Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp có trách nhiệm đăng các quyết định được cơ quan thi hành án có thẩm quyền ban hành trong quá trình cưỡng chế lên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp khi nhận được.</p>	
<p style="text-align: center;">Chương II</p> <p style="text-align: center;">TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN CƯỖNG CHẾ</p> <p style="text-align: center;">Mục 1. PHONG TỎA TÀI KHOẢN</p> <p>Điều 10. Căn cứ ra Quyết định phong tỏa tài khoản</p> <p>Việc ra Quyết định phong tỏa tài khoản căn cứ vào:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; 2. Biên bản được lập theo quy định tại Điều 5 Nghị định này; 3. Pháp nhân thương mại chấp hành án có tài khoản tại các tổ 	<p style="text-align: center;">Mục 2</p> <p style="text-align: center;">PHONG TỎA TÀI KHOẢN</p> <p>Điều 23. Căn cứ ra Quyết định phong tỏa tài khoản</p> <p>Việc ra Quyết định phong tỏa tài khoản căn cứ vào:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; 2. Biên bản được lập theo quy định tại Điều 18 Nghị định này; 3. Pháp nhân thương mại chấp hành án có tài khoản tại các tổ 	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 44/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (sau đây gọi là tài khoản).</p> <p>4. Tài liệu xác minh thông tin về tài khoản của pháp nhân thương mại.</p>	<p>chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (sau đây gọi là tài khoản).</p> <p>4. Tài liệu xác minh thông tin về tài khoản của pháp nhân thương mại.</p>	
<p>Điều 11. Trường hợp áp dụng biện pháp phong tỏa tài khoản</p> <p>Biện pháp phong tỏa tài khoản có thể được áp dụng trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thi hành cưỡng chế đối với việc chấp hành hình phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn (trong trường hợp đình chỉ tất cả các lĩnh vực). 2. Thi hành cưỡng chế đối với việc chấp hành hình phạt cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định (trong trường hợp cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong tất cả các lĩnh vực); cấm huy động vốn. 3. Thi hành cưỡng chế chấp hành biện pháp tư pháp. 	<p>Điều 24. Trường hợp áp dụng biện pháp phong tỏa tài khoản</p> <p>Biện pháp phong tỏa tài khoản có thể được áp dụng trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thi hành cưỡng chế đối với việc chấp hành hình phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn (trong trường hợp đình chỉ tất cả các lĩnh vực). 2. Thi hành cưỡng chế đối với việc chấp hành hình phạt cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định (trong trường hợp cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong tất cả các lĩnh vực); cấm huy động vốn. 3. Thi hành cưỡng chế chấp hành biện pháp tư pháp. 	
<p>Điều 12. Xác minh thông tin về tài khoản của pháp nhân thương mại</p> <p>1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản theo quy định tại Điều 5 Nghị định này, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra Quyết định phong tỏa tài khoản yêu cầu tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp thông tin về tài khoản của pháp nhân thương mại theo quy định của pháp luật. Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền được cung cấp thông tin có trách nhiệm bảo mật những thông tin được cung cấp và chỉ được sử dụng thông tin đó theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Điều 25. Xác minh thông tin về tài khoản của pháp nhân thương mại</p> <p>1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản theo quy định tại Điều 18 Nghị định này, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra Quyết định phong tỏa tài khoản có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp thông tin về tài khoản của pháp nhân thương mại theo quy định của pháp luật. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu, tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam phải cung cấp thông tin. Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền</p>	

T

NGHỊ ĐỊNH SỐ 44/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>2. Pháp nhân thương mại bị áp dụng biện pháp cưỡng chế có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra Quyết định phong tỏa tài khoản về tên tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam nơi mở tài khoản, số tài khoản của pháp nhân thương mại tại tổ chức đó và các thông tin khác về tài khoản khi có yêu cầu.</p>	<p>được cung cấp thông tin có trách nhiệm bảo mật những thông tin được cung cấp và chỉ được sử dụng thông tin đó theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Pháp nhân thương mại bị áp dụng biện pháp cưỡng chế có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra Quyết định phong tỏa tài khoản về tên tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam nơi mở tài khoản, số tài khoản của pháp nhân thương mại tại tổ chức đó và các thông tin khác về tài khoản khi có yêu cầu.</p>	
<p>Điều 13. Ra Quyết định và gửi Quyết định phong tỏa tài khoản</p> <p>1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc xác minh thông tin về tài khoản của pháp nhân thương mại, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra Quyết định phong tỏa tài khoản.</p> <p>Đối với trường hợp quy định tại khoản 1 và 2 Điều 11 Nghị định này thì ra quyết định phong tỏa toàn bộ tài khoản; đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định này thì ra quyết định phong tỏa số tiền hoặc số chứng khoán trong tài khoản tương ứng với số tiền để thi hành biện pháp tư pháp và chi phí cho việc tổ chức thi hành cưỡng chế.</p> <p>2. Quyết định phong tỏa tài khoản bao gồm những nội dung cơ bản sau: số quyết định; ngày, tháng, năm ra quyết định; họ tên, chức vụ, đơn vị người ra quyết định; tên, địa chỉ, mã số doanh nghiệp, mã số thuế của pháp nhân thương mại bị phong tỏa tài khoản; số tài khoản phong tỏa, mục đích phong tỏa, tên tài khoản bị phong tỏa, phạm vi phong tỏa, số tiền hoặc số chứng khoán phong tỏa, thời điểm bắt đầu phong tỏa, thời gian phong tỏa, trách nhiệm thực hiện của tổ chức tín dụng, kho bạc</p>	<p>Điều 26. Ra Quyết định và gửi Quyết định phong tỏa tài khoản</p> <p>1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc xác minh thông tin về tài khoản của pháp nhân thương mại, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra Quyết định phong tỏa tài khoản.</p> <p>Đối với trường hợp quy định tại khoản 1 và 2 Điều 24 Nghị định này thì ra quyết định phong tỏa toàn bộ tài khoản; đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định này thì ra quyết định phong tỏa số tiền hoặc số chứng khoán trong tài khoản tương ứng với số tiền để thi hành biện pháp tư pháp và chi phí cho việc tổ chức thi hành cưỡng chế.</p> <p>2. Quyết định phong tỏa tài khoản bao gồm những nội dung cơ bản sau: số quyết định; ngày, tháng, năm ra quyết định; họ tên, chức vụ, đơn vị người ra quyết định; tên, địa chỉ, mã số doanh nghiệp, mã số thuế của pháp nhân thương mại bị phong tỏa tài khoản; số tài khoản phong tỏa, mục đích phong tỏa, tên tài khoản bị phong tỏa, phạm vi phong tỏa, số tiền hoặc số chứng khoán phong tỏa, thời điểm bắt đầu phong tỏa, thời gian phong tỏa, trách nhiệm thực hiện của tổ chức tín dụng, kho bạc nhà</p>	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 44/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và các thông tin khác (nếu có); chữ ký của người ra quyết định và đóng dấu của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền.</p> <p>3. Việc gửi, thông báo Quyết định phong tỏa tài khoản thực hiện theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Nghị định này.</p>	<p>nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và các thông tin khác (nếu có); chữ ký của người ra quyết định và đóng dấu của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền.</p> <p>3. Việc gửi, thông báo Quyết định phong tỏa tài khoản thực hiện theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 Nghị định này.</p>	
<p>Điều 14. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam nơi pháp nhân thương mại có tài khoản</p> <p>1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được Quyết định phong tỏa tài khoản của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền thì tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam nơi pháp nhân thương mại có tài khoản có trách nhiệm thực hiện việc phong tỏa tài khoản theo Quyết định phong tỏa tài khoản.</p> <p>2. Tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm thông báo cho pháp nhân thương mại là chủ tài khoản bị phong tỏa về việc phong tỏa tài khoản trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày phong tỏa tài khoản và thông báo bằng văn bản kết quả thực hiện cho cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo cho pháp nhân thương mại.</p>	<p>Điều 27. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam nơi pháp nhân thương mại có tài khoản</p> <p>1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được Quyết định phong tỏa tài khoản của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền thì tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam nơi pháp nhân thương mại có tài khoản có trách nhiệm thực hiện việc phong tỏa tài khoản theo Quyết định phong tỏa tài khoản.</p> <p>2. Tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm thông báo cho pháp nhân thương mại là chủ tài khoản bị phong tỏa về việc phong tỏa tài khoản trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày phong tỏa tài khoản và thông báo bằng văn bản kết quả thực hiện cho cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo cho pháp nhân thương mại.</p>	
<p>Điều 15. Khấu trừ tiền trong tài khoản, xử lý chứng khoán trong tài khoản chứng khoán</p> <p>1. Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự ra quyết định khấu trừ tiền trong tài khoản của pháp nhân thương mại để bảo đảm việc thi hành biện pháp tư pháp quy định tại điểm b và điểm c</p>	<p>Điều 28. Khấu trừ tiền trong tài khoản, xử lý chứng khoán trong tài khoản chứng khoán</p> <p>1. Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự ra quyết định khấu trừ tiền trong tài khoản của pháp nhân thương mại để bảo đảm việc thi hành biện pháp tư pháp quy định tại điểm b và điểm c</p>	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 44/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>khoản 1 Điều 82 Bộ luật Hình sự.</p> <p>2. Số tiền khấu trừ không được vượt quá số tiền để thi hành biện pháp tư pháp và chi phí cho việc tổ chức thi hành cưỡng chế.</p> <p>3. Ngay sau khi nhận được quyết định về khấu trừ tiền trong tài khoản của pháp nhân thương mại phải thi hành biện pháp tư pháp thì tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước đang quản lý tài khoản của pháp nhân thương mại, công ty chứng khoán nơi pháp nhân thương mại mở tài khoản chứng khoán phải khấu trừ tiền trong tài khoản và chuyển cho cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền để tổ chức cưỡng chế thi hành biện pháp tư pháp.</p> <p>4. Việc đảm bảo thi hành biện pháp tư pháp trong trường hợp pháp nhân thương mại có chứng khoán trong tài khoản chứng khoán thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>khoản 1 Điều 82 Bộ luật Hình sự.</p> <p>2. Số tiền khấu trừ không được vượt quá số tiền để thi hành biện pháp tư pháp và chi phí cho việc tổ chức thi hành cưỡng chế.</p> <p>3. Ngay sau khi nhận được quyết định về khấu trừ tiền trong tài khoản của pháp nhân thương mại phải thi hành biện pháp tư pháp thì tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước đang quản lý tài khoản của pháp nhân thương mại, công ty chứng khoán nơi pháp nhân thương mại mở tài khoản chứng khoán phải khấu trừ tiền trong tài khoản và chuyển cho cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền để tổ chức cưỡng chế thi hành biện pháp tư pháp.</p> <p>4. Việc đảm bảo thi hành biện pháp tư pháp trong trường hợp pháp nhân thương mại có chứng khoán trong tài khoản chứng khoán thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	
<p>Điều 16. Chấm dứt phong tỏa tài khoản</p> <p>1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày pháp nhân thương mại chấp hành xong bản án, quyết định của Tòa án hoặc ngay sau khi cơ quan, tổ chức đã thực hiện xong yêu cầu của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền về khấu trừ tiền, xử lý chứng khoán trong tài khoản của pháp nhân thương mại thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền phải chấm dứt phong tỏa tài khoản.</p> <p>Việc chấm dứt phong tỏa tài khoản phải bằng quyết định của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền.</p> <p>2. Sau khi ra Quyết định chấm dứt phong tỏa tài khoản, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền phải gửi tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam đang quản lý tài khoản của pháp nhân thương mại để thi hành Quyết định chấm dứt phong tỏa tài</p>	<p>Điều 29. Chấm dứt phong tỏa tài khoản</p> <p>1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày pháp nhân thương mại chấp hành xong bản án, quyết định của Tòa án hoặc ngay sau khi cơ quan, tổ chức đã thực hiện xong yêu cầu của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền về khấu trừ tiền, xử lý chứng khoán trong tài khoản của pháp nhân thương mại thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền phải chấm dứt phong tỏa tài khoản.</p> <p>Việc chấm dứt phong tỏa tài khoản phải bằng quyết định của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền.</p> <p>2. Sau khi ra Quyết định chấm dứt phong tỏa tài khoản, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền phải gửi tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam đang quản lý tài khoản của pháp nhân thương mại để thi hành Quyết định chấm dứt phong tỏa tài</p>	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 44/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>khoản.</p> <p>3. Tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam đang quản lý tài khoản của pháp nhân thương mại thực hiện chấm dứt phong tỏa tài khoản ngay khi nhận được Quyết định chấm dứt phong tỏa tài khoản và thông báo bằng văn bản việc chấm dứt phong tỏa tài khoản cho cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền và pháp nhân thương mại đang chấp hành án trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày chấm dứt phong tỏa tài khoản.</p> <p>4. Quyết định chấm dứt phong tỏa tài khoản còn được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 6 Nghị định này.</p>	<p>khoản.</p> <p>3. Tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam đang quản lý tài khoản của pháp nhân thương mại thực hiện chấm dứt phong tỏa tài khoản ngay khi nhận được Quyết định chấm dứt phong tỏa tài khoản và thông báo bằng văn bản việc chấm dứt phong tỏa tài khoản cho cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền và pháp nhân thương mại đang chấp hành án trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày chấm dứt phong tỏa tài khoản.</p> <p>4. Quyết định chấm dứt phong tỏa tài khoản còn được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 19 Nghị định này.</p>	
<p style="text-align: center;">Mục 2. KÊ BIÊN TÀI SẢN</p> <p>Điều 17. Căn cứ ra Quyết định kê biên tài sản Việc ra Quyết định kê biên tài sản căn cứ vào:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. 2. Biên bản được lập theo quy định tại Điều 5 Nghị định này. 3. Pháp nhân thương mại chấp hành án không có tài khoản hoặc số tiền trong tài khoản tại tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam không đủ để bảo đảm việc cưỡng chế thi hành biện pháp tư pháp. 4. Tài liệu xác minh thông tin về tài sản của pháp nhân thương mại. 	<p style="text-align: center;">Mục 3 KÊ BIÊN TÀI SẢN</p> <p>Điều 30. Căn cứ ra Quyết định kê biên tài sản Việc ra Quyết định kê biên tài sản căn cứ vào:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. 2. Biên bản được lập theo quy định tại Điều 18 Nghị định này. 3. Pháp nhân thương mại chấp hành án không có tài khoản hoặc số tiền trong tài khoản tại tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam không đủ để bảo đảm việc cưỡng chế thi hành biện pháp tư pháp. 4. Tài liệu xác minh thông tin về tài sản của pháp nhân thương mại. 	
<p>Điều 18. Trường hợp áp dụng biện pháp kê biên tài sản Biện pháp kê biên tài sản được áp dụng để bảo đảm việc cưỡng chế thi hành biện pháp tư pháp quy định tại điểm b và</p>	<p>Điều 31. Trường hợp áp dụng biện pháp kê biên tài sản Biện pháp kê biên tài sản được áp dụng để bảo đảm việc cưỡng chế thi hành biện pháp tư pháp quy định tại điểm b và</p>	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 44/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
điểm c khoản 1 Điều 82 Bộ luật Hình sự.	điểm c khoản 1 Điều 82 Bộ luật Hình sự.	
<p>Điều 19. Xác minh thông tin về tài sản của pháp nhân thương mại</p> <p>1. Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền có trách nhiệm xác minh thông tin về tài sản của pháp nhân thương mại bị cưỡng chế.</p> <p>2. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin về tài sản của pháp nhân thương mại bị cưỡng chế khi có yêu cầu của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền.</p>	<p>Điều 32. Xác minh thông tin về tài sản của pháp nhân thương mại</p> <p>1. Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền có trách nhiệm xác minh thông tin về tài sản của pháp nhân thương mại bị cưỡng chế.</p> <p>2. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin về tài sản của pháp nhân thương mại bị cưỡng chế khi có yêu cầu của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền.</p>	
<p>Điều 20. Tài sản không được kê biên</p> <p>1. Tài sản bị cấm lưu thông theo quy định của pháp luật; tài sản phục vụ quốc phòng, an ninh, lợi ích công cộng; tài sản do ngân sách nhà nước cấp cho cơ quan, tổ chức.</p> <p>2. Số thuốc phục vụ việc phòng, chữa bệnh cho người lao động; lương thực, thực phẩm, dụng cụ và tài sản khác phục vụ bữa ăn cho người lao động.</p> <p>3. Nhà trẻ, trường học, cơ sở y tế và thiết bị, phương tiện, tài sản khác thuộc các cơ sở này, nếu không phải là tài sản để kinh doanh.</p> <p>4. Trang thiết bị, phương tiện, công cụ bảo đảm an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ, phòng, chống ô nhiễm môi trường.</p>	<p>Điều 33. Tài sản không được kê biên</p> <p>1. Tài sản bị cấm lưu thông theo quy định của pháp luật; tài sản phục vụ quốc phòng, an ninh, lợi ích công cộng; tài sản do ngân sách nhà nước cấp cho cơ quan, tổ chức.</p> <p>2. Số thuốc phục vụ việc phòng, chữa bệnh cho người lao động; lương thực, thực phẩm, dụng cụ và tài sản khác phục vụ bữa ăn cho người lao động.</p> <p>3. Nhà trẻ, trường học, cơ sở y tế và thiết bị, phương tiện, tài sản khác thuộc các cơ sở này, nếu không phải là tài sản để kinh doanh.</p> <p>4. Trang thiết bị, phương tiện, công cụ bảo đảm an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ, phòng, chống ô nhiễm môi trường.</p>	
<p>Điều 21. Kê biên tài sản đang cầm cố, thế chấp</p> <p>1. Trường hợp pháp nhân thương mại không còn tài sản nào khác hoặc có tài sản nhưng không đủ để thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự có quyền kê biên, xử lý tài sản của pháp nhân thương mại đang cầm cố, thế chấp nếu giá trị của tài sản đó lớn</p>	<p>Điều 34. Kê biên tài sản đang cầm cố, thế chấp</p> <p>1. Trường hợp pháp nhân thương mại không còn tài sản nào khác hoặc có tài sản nhưng không đủ để thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự có quyền kê biên, xử lý tài sản của pháp nhân thương mại đang cầm cố, thế chấp nếu giá trị của tài sản đó lớn</p>	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 44/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>hơn nghĩa vụ được bảo đảm và chi phí cưỡng chế thi hành án.</p> <p>2. Trước khi tổ chức thi hành kê biên tài sản đang cầm cố, thế chấp ít nhất 02 ngày, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền phải thông báo cho người nhận cầm cố, nhận thế chấp.</p>	<p>hơn nghĩa vụ được bảo đảm và chi phí cưỡng chế thi hành án.</p> <p>2. Trước khi tổ chức kê biên tài sản đang cầm cố, thế chấp ít nhất 02 ngày, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền phải thông báo cho người nhận cầm cố, nhận thế chấp.</p>	
<p>Điều 22. Kê biên tài sản của pháp nhân thương mại đang do người thứ ba giữ</p> <p>1. Trường hợp xác định người thứ ba đang giữ tài sản của pháp nhân thương mại, kể cả trường hợp tài sản được xác định bằng bản án, quyết định khác thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra quyết định kê biên tài sản đó; trường hợp người thứ ba không tự nguyện giao tài sản thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền cưỡng chế buộc họ phải giao tài sản để thi hành án.</p> <p>2. Trường hợp tài sản kê biên đang cho thuê thì người thuê được tiếp tục thuê theo hợp đồng đã giao kết.</p>	<p>Điều 35. Kê biên tài sản của pháp nhân thương mại đang do người thứ ba giữ</p> <p>1. Trường hợp xác định người thứ ba đang giữ tài sản của pháp nhân thương mại, kể cả trường hợp tài sản được xác định bằng bản án, quyết định khác thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra quyết định kê biên tài sản đó; trường hợp người thứ ba không tự nguyện giao tài sản thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền cưỡng chế buộc họ phải giao tài sản để thi hành án.</p> <p>2. Trường hợp tài sản kê biên đang cho thuê thì người thuê được tiếp tục thuê theo hợp đồng đã giao kết.</p>	
<p>Điều 23. Kê biên vốn góp</p> <p>Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức nơi pháp nhân thương mại có vốn góp cung cấp thông tin về phần vốn góp của pháp nhân thương mại để kê biên phần vốn góp đó. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xác định phần vốn góp của pháp nhân thương mại; trung cầu tổ chức, cá nhân có chuyên môn xác định phần giá trị vốn góp của pháp nhân thương mại để cưỡng chế thi hành án.</p>	<p>Điều 36. Kê biên vốn góp</p> <p>Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức nơi pháp nhân thương mại có vốn góp cung cấp thông tin về phần vốn góp của pháp nhân thương mại để kê biên phần vốn góp đó. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xác định phần vốn góp của pháp nhân thương mại; trung cầu tổ chức, cá nhân có chuyên môn xác định phần giá trị vốn góp của pháp nhân thương mại để cưỡng chế thi hành án.</p>	
<p>Điều 24. Kê biên phương tiện giao thông</p> <p>1. Trường hợp kê biên phương tiện giao thông của pháp nhân thương mại, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền yêu cầu</p>	<p>Điều 37. Kê biên phương tiện giao thông</p> <p>1. Trường hợp kê biên phương tiện giao thông của pháp nhân thương mại, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền yêu cầu</p>	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 44/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>pháp nhân thương mại, người đang quản lý, sử dụng phương tiện đó phải giao giấy đăng ký phương tiện đó, nếu có.</p> <p>2. Cơ quan thi hành án hình sự có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấm chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp, cho thuê hoặc hạn chế giao thông đối với phương tiện bị kê biên.</p> <p>3. Việc kê biên đối với tàu bay, tàu biển để thi hành án được thực hiện theo quy định của pháp luật về bắt giữ tàu bay, tàu biển.</p>	<p>pháp nhân thương mại, người đang quản lý, sử dụng phương tiện đó phải giao giấy đăng ký phương tiện đó, nếu có. Trường hợp không có giấy đăng ký phương tiện thi pháp nhân thương mại phải nộp các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp đối với phương tiện đó.</p> <p>2. Cơ quan thi hành án hình sự có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấm chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp, cho thuê hoặc hạn chế giao thông đối với phương tiện bị kê biên.</p> <p>3. Việc kê biên đối với tàu bay, tàu biển để thi hành án được thực hiện theo quy định của pháp luật về bắt giữ tàu bay, tàu biển.</p>	
<p>Điều 25. Kê biên, sử dụng, khai thác quyền sở hữu trí tuệ</p> <p>1. Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra quyết định kê biên quyền sở hữu trí tuệ thuộc quyền sở hữu của pháp nhân thương mại.</p> <p>Trường hợp pháp nhân thương mại là chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu trí tuệ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác thì quyền sở hữu trí tuệ vẫn bị kê biên.</p> <p>2. Khi kê biên quyền sở hữu trí tuệ của pháp nhân thương mại, tùy từng đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền thu giữ các giấy tờ có liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ của pháp nhân thương mại.</p> <p>3. Trường hợp nhằm bảo đảm mục tiêu quốc phòng, an ninh, dân sinh và lợi ích của Nhà nước, xã hội quy định tại Luật sở hữu trí tuệ mà Nhà nước quyết định chủ sở hữu trí tuệ phải chuyển giao quyền của mình cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác sử dụng trong thời gian nhất định thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền không được kê biên quyền sở hữu trí tuệ của</p>	<p>Điều 38. Kê biên, sử dụng, khai thác quyền sở hữu trí tuệ</p> <p>1. Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra quyết định kê biên quyền sở hữu trí tuệ thuộc quyền sở hữu của pháp nhân thương mại.</p> <p>Trường hợp pháp nhân thương mại là chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu trí tuệ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác thì quyền sở hữu trí tuệ vẫn bị kê biên.</p> <p>2. Khi kê biên quyền sở hữu trí tuệ của pháp nhân thương mại, tùy từng đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền thu giữ các giấy tờ có liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ của pháp nhân thương mại.</p> <p>3. Trường hợp nhằm bảo đảm mục tiêu quốc phòng, an ninh, dân sinh và lợi ích của Nhà nước, xã hội quy định tại Luật sở hữu trí tuệ mà Nhà nước quyết định chủ sở hữu trí tuệ phải chuyển giao quyền của mình cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác sử dụng trong thời gian nhất định thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền không được kê biên quyền sở hữu trí tuệ của</p>	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 44/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>pháp nhân thương mại trong thời gian bắt buộc phải chuyển giao.</p> <p>4. Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền quyết định giao cho cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng, khai thác quyền sở hữu trí tuệ. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao sử dụng, khai thác quyền sở hữu trí tuệ phải nộp số tiền thu được sau khi trừ các chi phí cần thiết cho cơ quan thi hành án hình sự để bảo đảm thi hành biện pháp tư pháp.</p> <p>Trường hợp cần thiết, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền yêu cầu tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp về sở hữu trí tuệ thu và quản lý thu nhập, lợi nhuận từ việc sử dụng, khai thác quyền sở hữu trí tuệ của pháp nhân thương mại.</p> <p>5. Trường hợp pháp nhân thương mại đã chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác mà chưa được thanh toán hoặc mới được thanh toán một phần tiền thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra quyết định buộc cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận chuyển giao nộp khoản tiền chưa thanh toán để bảo đảm thi hành biện pháp tư pháp.</p>	<p>pháp nhân thương mại trong thời gian bắt buộc phải chuyển giao.</p> <p>4. Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền quyết định giao cho cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng, khai thác quyền sở hữu trí tuệ. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao sử dụng, khai thác quyền sở hữu trí tuệ phải nộp số tiền thu được sau khi trừ các chi phí cần thiết cho cơ quan thi hành án hình sự để bảo đảm thi hành biện pháp tư pháp.</p> <p>Trường hợp cần thiết, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền yêu cầu tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp về sở hữu trí tuệ thu và quản lý thu nhập, lợi nhuận từ việc sử dụng, khai thác quyền sở hữu trí tuệ của pháp nhân thương mại.</p> <p>5. Trường hợp pháp nhân thương mại đã chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác mà chưa được thanh toán hoặc mới được thanh toán một phần tiền thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra quyết định buộc cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận chuyển giao nộp khoản tiền chưa thanh toán để bảo đảm thi hành biện pháp tư pháp.</p>	
<p>Điều 26. Kê biên tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản phải đăng ký quyền sở hữu hoặc đăng ký giao dịch bảo đảm</p> <p>1. Khi kê biên quyền sử dụng đất, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền yêu cầu pháp nhân thương mại, người đang quản lý giấy tờ về quyền sử dụng đất phải nộp các giấy tờ đó cho cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền. Quyền sử dụng đất của pháp nhân thương mại bị kê biên phải thuộc trường hợp được chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Khi kê biên quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của pháp nhân thương mại thì kê biên cả quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.</p>	<p>Điều 39. Kê biên tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản phải đăng ký quyền sở hữu hoặc đăng ký giao dịch bảo đảm</p> <p>1. Khi kê biên quyền sử dụng đất, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền yêu cầu pháp nhân thương mại, người đang quản lý giấy tờ về quyền sử dụng đất phải nộp các giấy tờ đó cho cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền. Quyền sử dụng đất của pháp nhân thương mại bị kê biên phải thuộc trường hợp được chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Khi kê biên quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của pháp nhân thương mại thì kê biên cả quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.</p>	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 44/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>Trường hợp đất của pháp nhân thương mại có tài sản gắn liền với đất mà tài sản đó thuộc quyền sở hữu của người khác thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền chỉ kê biên quyền sử dụng đất và thông báo cho người có tài sản gắn liền với đất.</p> <p>3. Trước khi kê biên tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản phải đăng ký quyền sở hữu hoặc đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền yêu cầu cơ quan đăng ký cung cấp thông tin về tài sản, giao dịch đã đăng ký.</p> <p>4. Sau khi kê biên, cơ quan thi hành án hình sự thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký về việc kê biên tài sản đó.</p> <p>Cơ quan đăng ký tài sản, đăng ký giao dịch bảo đảm có trách nhiệm tạm dừng hoặc dừng việc thực hiện yêu cầu liên quan đến các giao dịch đối với tài sản của pháp nhân thương mại đăng ký tại cơ quan đăng ký tài sản, đăng ký giao dịch bảo đảm ngay sau khi nhận được yêu cầu của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền.</p>	<p>Trường hợp đất của pháp nhân thương mại có tài sản gắn liền với đất mà tài sản đó thuộc quyền sở hữu của người khác thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền chỉ kê biên quyền sử dụng đất và thông báo cho người có tài sản gắn liền với đất.</p> <p>3. Trước khi kê biên tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản phải đăng ký quyền sở hữu hoặc đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền yêu cầu cơ quan đăng ký cung cấp thông tin về tài sản, giao dịch đã đăng ký.</p> <p>4. Sau khi kê biên, cơ quan thi hành án hình sự thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký về việc kê biên tài sản đó.</p> <p>Cơ quan đăng ký tài sản, đăng ký giao dịch bảo đảm có trách nhiệm tạm dừng hoặc dừng việc thực hiện yêu cầu liên quan đến các giao dịch đối với tài sản của pháp nhân thương mại đăng ký tại cơ quan đăng ký tài sản, đăng ký giao dịch bảo đảm ngay sau khi nhận được yêu cầu của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền.</p>	
<p>Điều 27. Kê biên tài sản gắn liền với đất</p> <p>Khi kê biên tài sản là công trình xây dựng gắn liền với đất phải kê biên cả quyền sử dụng đất, trừ trường hợp quyền sử dụng đất không được kê biên theo quy định của pháp luật hoặc việc tách rời tài sản kê biên và đất không làm giảm đáng kể giá trị tài sản đó.</p>	<p>Điều 40. Kê biên tài sản gắn liền với đất</p> <p>1. Khi kê biên tài sản là công trình xây dựng gắn liền với đất phải kê biên cả quyền sử dụng đất, trừ trường hợp quyền sử dụng đất không được kê biên theo quy định của pháp luật hoặc việc tách rời tài sản kê biên và đất không làm giảm đáng kể giá trị tài sản đó.</p> <p>2. Việc kê biên tài sản gắn liền với đất chỉ thực hiện đối với tài sản thuộc phạm vi phải thi hành án.</p>	
<p>Điều 28. Ra Quyết định và gửi Quyết định kê biên tài sản</p> <p>1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc xác minh thông tin về tài sản của pháp nhân thương mại,</p>	<p>Điều 41. Ra Quyết định và gửi Quyết định kê biên tài sản</p> <p>1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc xác minh thông tin về tài sản của pháp nhân thương mại,</p>	

7

NGHỊ ĐỊNH SỐ 44/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra Quyết định kê biên tài sản.</p> <p>2. Quyết định kê biên tài sản bao gồm những nội dung cơ bản sau: số quyết định; ngày, tháng, năm ra quyết định; căn cứ ra quyết định; họ tên, chức vụ, đơn vị của người ra quyết định; tên, địa chỉ, mã số doanh nghiệp, mã số thuế của pháp nhân thương mại bị kê biên tài sản; số tiền, tài sản cần kê biên; địa điểm kê biên; chữ ký của người ra quyết định và đóng dấu cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền.</p> <p>3. Việc gửi, thông báo Quyết định kê biên tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Nghị định này.</p>	<p>Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra Quyết định kê biên tài sản.</p> <p>2. Quyết định kê biên tài sản bao gồm những nội dung cơ bản sau: số quyết định; ngày, tháng, năm ra quyết định; căn cứ ra quyết định; họ tên, chức vụ, đơn vị của người ra quyết định; tên, địa chỉ, mã số doanh nghiệp, mã số thuế của pháp nhân thương mại bị kê biên tài sản; số tiền, tài sản cần kê biên; địa điểm kê biên; chữ ký của người ra quyết định và đóng dấu cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền.</p> <p>3. Việc gửi, thông báo Quyết định kê biên tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 Nghị định này.</p>	
<p>Điều 29. Tổ chức thi hành kê biên tài sản</p> <p>1. Việc kê biên tài sản phải thực hiện vào ban ngày, thời gian từ 08 giờ đến 17 giờ, trừ các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật và các trường hợp đặc biệt khác do Chính phủ quy định.</p> <p>2. Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền chủ trì thực hiện việc kê biên.</p> <p>3. Khi tiến hành kê biên tài sản phải có mặt người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại, tổ chức, cá nhân có tài sản bị kê biên, đại diện chính quyền địa phương nơi có tài sản bị kê biên và người chứng kiến. Trường hợp được triệu tập, thông báo hợp lệ nhưng người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại, tổ chức, cá nhân có tài sản kê biên vắng mặt thì vẫn tiến hành kê biên tài sản và lập biên bản về việc vắng mặt, có chứng kiến của đại diện chính quyền địa phương nơi có tài sản bị kê biên, đại diện cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại.</p>	<p>Điều 42. Tổ chức thi hành kê biên tài sản</p> <p>1. Việc kê biên tài sản phải thực hiện vào ban ngày, thời gian từ 08 giờ đến 17 giờ, trừ các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật và các trường hợp đặc biệt khác do Chính phủ quy định.</p> <p>2. Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền chủ trì thực hiện việc kê biên.</p> <p>3. Khi tiến hành kê biên tài sản phải có mặt người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại, tổ chức, cá nhân có tài sản bị kê biên, đại diện chính quyền địa phương nơi có tài sản bị kê biên và người chứng kiến. Trường hợp được triệu tập, thông báo hợp lệ nhưng người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại, tổ chức, cá nhân có tài sản kê biên vắng mặt, có chứng kiến của đại diện chính quyền địa phương nơi có tài sản bị kê biên, đại diện cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại.</p>	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 44/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>4. Chỉ được kê biên tài sản của pháp nhân thương mại bị cưỡng chế tương ứng với số tiền để thi hành biện pháp tư pháp và chi phí cho việc tổ chức thi hành cưỡng chế.</p> <p>5. Chỉ kê biên những tài sản của pháp nhân thương mại bị cưỡng chế đồng sở hữu với người khác nếu không đủ để thi hành Quyết định kê biên tài sản. Trường hợp tài sản có tranh chấp thì vẫn tiến hành kê biên và giải thích cho những người cùng sở hữu tài sản kê biên về quyền khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự.</p> <p>Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền thông báo công khai thời gian, địa điểm tiến hành kê biên để các đồng sở hữu, người có tranh chấp biết. Hết thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kê biên mà không có người khởi kiện thì tài sản kê biên được đem bán đấu giá theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.</p>	<p>4. Chỉ được kê biên tài sản của pháp nhân thương mại bị cưỡng chế tương ứng với số tiền để thi hành biện pháp tư pháp và chi phí cho việc tổ chức thi hành cưỡng chế.</p> <p>5. Chỉ kê biên những tài sản của pháp nhân thương mại bị cưỡng chế đồng sở hữu với người khác nếu không đủ để thi hành Quyết định kê biên tài sản. Trường hợp tài sản có tranh chấp thì vẫn tiến hành kê biên và giải thích cho những người cùng sở hữu tài sản kê biên về quyền khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự.</p> <p>Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền thông báo công khai thời gian, địa điểm tiến hành kê biên để các đồng sở hữu, người có tranh chấp biết. Hết thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kê biên mà không có người khởi kiện thì tài sản kê biên được đem bán đấu giá theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.</p>	
<p>Điều 30. Biên bản kê biên tài sản</p> <p>1. Việc kê biên tài sản phải được lập biên bản. Trong biên bản ghi rõ: Thời gian, địa điểm tiến hành kê biên tài sản; cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền chủ trì thực hiện việc kê biên; người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại bị kê biên tài sản, tổ chức, cá nhân có tài sản bị kê biên hoặc người đại diện hợp pháp của họ; người chứng kiến; đại diện chính quyền địa phương nơi có tài sản bị kê biên; mô tả tên gọi, tình trạng, đặc điểm từng tài sản bị kê biên.</p> <p>2. Đại diện cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại, tổ chức, cá nhân có tài sản bị kê biên hoặc người đại diện hợp pháp của họ, đại diện chính quyền địa phương và người chứng kiến ký vào biên bản. Trường hợp có người vắng mặt hoặc có mặt mà từ chối ký biên bản thì việc đó phải ghi vào biên bản và</p>	<p>Điều 43. Biên bản kê biên tài sản</p> <p>1. Việc kê biên tài sản phải được lập biên bản. Trong biên bản ghi rõ: Thời gian, địa điểm tiến hành kê biên tài sản; cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền chủ trì thực hiện việc kê biên; người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại bị kê biên tài sản, tổ chức, cá nhân có tài sản bị kê biên hoặc người đại diện hợp pháp của họ; người chứng kiến; đại diện chính quyền địa phương nơi có tài sản bị kê biên; mô tả tên gọi, tình trạng, đặc điểm từng tài sản bị kê biên.</p> <p>2. Đại diện cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại, tổ chức, cá nhân có tài sản bị kê biên hoặc người đại diện hợp pháp của họ, đại diện chính quyền địa phương và người chứng kiến ký vào biên bản. Trường hợp có người vắng mặt hoặc có mặt mà từ chối ký biên bản thì việc đó phải ghi vào biên bản và nêu rõ lý do.</p>	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 44/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>nêu rõ lý do.</p> <p>3. Biên bản kê biên được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế giữ 01 bản, 01 bản giao cho người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại.</p>	<p>3. Biên bản kê biên được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế giữ 01 bản, 01 bản giao cho người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại.</p>	
<p>Điều 31. Giao bảo quản tài sản kê biên</p> <p>1. Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền thực hiện kê biên tài sản lựa chọn một trong các hình thức sau đây để bảo quản tài sản kê biên:</p> <p>a) Giao cho pháp nhân thương mại hoặc người đang quản lý, sử dụng tài sản đó bảo quản;</p> <p>b) Giao cho tổ chức, cá nhân có điều kiện bảo quản;</p> <p>c) Giao cho một trong những đồng sở hữu chung bảo quản nếu tài sản đó thuộc sở hữu chung.</p> <p>2. Đối với tài sản là vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, ngoại tệ thì tạm giao cho Kho bạc Nhà nước quản lý; đối với các tài sản khác thì tùy từng trường hợp cụ thể sẽ tạm giao cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành để quản lý.</p> <p>3. Khi giao bảo quản tài sản kê biên, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền phải lập biên bản. Trong biên bản ghi rõ: Thời gian bàn giao bảo quản; người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại bị cưỡng chế, người được giao bảo quản tài sản, người chứng kiến việc bàn giao; số lượng, tình trạng (chất lượng) tài sản; quyền và nghĩa vụ của người được giao bảo quản tài sản và phải được ký đảm bảo vào phần cuối của từng trang biên bản.</p> <p>Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền, người được giao bảo quản tài sản, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại bị cưỡng chế, người chứng kiến ký tên vào biên</p>	<p>Điều 44. Giao bảo quản tài sản kê biên</p> <p>1. Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền thực hiện kê biên tài sản lựa chọn một trong các hình thức sau đây để bảo quản tài sản kê biên:</p> <p>a) Giao cho pháp nhân thương mại hoặc người đang quản lý, sử dụng tài sản đó bảo quản;</p> <p>b) Giao cho tổ chức, cá nhân có điều kiện bảo quản;</p> <p>c) Giao cho một trong những đồng sở hữu chung bảo quản nếu tài sản đó thuộc sở hữu chung.</p> <p>2. Đối với tài sản là vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, ngoại tệ thì tạm giao cho Kho bạc Nhà nước quản lý; đối với các tài sản khác thì tùy từng trường hợp cụ thể sẽ tạm giao cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành để quản lý.</p> <p>3. Khi giao bảo quản tài sản kê biên, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền phải lập biên bản. Trong biên bản ghi rõ: Thời gian bàn giao bảo quản; người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại bị cưỡng chế, người được giao bảo quản tài sản, người chứng kiến việc bàn giao; số lượng, tình trạng (chất lượng) tài sản; quyền và nghĩa vụ của người được giao bảo quản tài sản và phải được ký đảm bảo vào phần cuối của từng trang biên bản.</p> <p>Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền, người được giao bảo quản tài sản, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại bị cưỡng chế, người chứng kiến ký tên vào biên bản.</p>	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 44/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>bản. Biên bản có nhiều tờ thì phải ký vào từng tờ biên bản. Trong trường hợp có người vắng mặt hoặc có mặt mà từ chối ký biên bản thì việc đó phải ghi vào biên bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Biên bản được giao cho người được giao bảo quản tài sản, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại bị cưỡng chế, người chứng kiến và người chủ trì thực hiện kê biên mỗi người giữ 01 bản.</p> <p>4. Người được giao bảo quản tài sản được thanh toán chi phí thực tế, hợp lý để bảo quản tài sản, trừ những người quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.</p> <p>5. Người được giao bảo quản tài sản gây hư hỏng, đánh tráo, làm mất hoặc hủy hoại tài sản thì phải chịu trách nhiệm bồi thường và tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Biên bản có nhiều tờ thì phải ký vào từng tờ biên bản. Trong trường hợp có người vắng mặt hoặc có mặt mà từ chối ký biên bản thì việc đó phải ghi vào biên bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Biên bản được giao cho người được giao bảo quản tài sản, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại bị cưỡng chế, người chứng kiến và người chủ trì thực hiện kê biên mỗi người giữ 01 bản.</p> <p>4. Người được giao bảo quản tài sản được thanh toán chi phí thực tế, hợp lý để bảo quản tài sản, trừ những người quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.</p> <p>5. Người được giao bảo quản tài sản gây hư hỏng, đánh tráo, làm mất hoặc hủy hoại tài sản thì phải chịu trách nhiệm bồi thường và tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p>	
<p>Điều 32. Định giá tài sản kê biên</p> <p>1. Việc định giá tài sản đã kê biên được tiến hành tại trụ sở của pháp nhân thương mại bị kê biên hoặc nơi lưu giữ tài sản bị kê biên, trừ trường hợp phải thành lập Hội đồng định giá tài sản hoặc việc định giá do tổ chức thẩm định giá thực hiện.</p> <p>2. Tài sản đã kê biên được định giá theo sự thỏa thuận giữa cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền với người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại bị cưỡng chế và chủ sở hữu chung trong trường hợp kê biên tài sản chung. Thời hạn để các bên thỏa thuận về giá không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày tài sản bị kê biên.</p> <p>Trường hợp các bên không thỏa thuận được về giá thì trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày tài sản bị kê biên, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra quyết định thành lập Hội đồng định giá tài sản hoặc ký hợp đồng dịch vụ</p>	<p>Điều 45. Định giá tài sản kê biên</p> <p>1. Việc định giá tài sản đã kê biên được tiến hành tại trụ sở của pháp nhân thương mại bị kê biên hoặc nơi lưu giữ tài sản bị kê biên, trừ trường hợp phải thành lập Hội đồng định giá tài sản hoặc việc định giá do tổ chức thẩm định giá thực hiện.</p> <p>2. Tài sản đã kê biên được định giá theo sự thỏa thuận giữa cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền với người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại bị cưỡng chế và chủ sở hữu chung trong trường hợp kê biên tài sản chung. Thời hạn để các bên thỏa thuận về giá không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày tài sản bị kê biên.</p> <p>Trường hợp các bên không thỏa thuận được về giá thì trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày tài sản bị kê biên, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra quyết định thành lập Hội đồng định giá tài sản hoặc ký hợp đồng dịch vụ</p>	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 44/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>với tổ chức thẩm định giá. Hội đồng định giá tài sản gồm có Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền là Chủ tịch Hội đồng, đại diện cơ quan tài chính cùng cấp và đại diện cơ quan chuyên môn có liên quan.</p> <p>Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày thành lập Hội đồng định giá hoặc kể từ ngày ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá, Hội đồng định giá tài sản, tổ chức thẩm định giá phải tiến hành việc định giá. Việc định giá tài sản dựa trên giá thị trường tại thời điểm định giá. Đối với tài sản mà Nhà nước thống nhất quản lý giá thì việc định giá dựa trên cơ sở giá tài sản do Nhà nước quy định.</p> <p>3. Việc định giá tài sản phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ thời gian, địa điểm, phương pháp tiến hành định giá, thành phần những người tham gia định giá, tên và trị giá tài sản đã được định giá, chữ ký của các thành viên tham gia định giá và người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại.</p>	<p>với tổ chức thẩm định giá theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Giá số 140/2025/QH15.</p> <p>Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày thành lập Hội đồng định giá hoặc kể từ ngày ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá, Hội đồng định giá tài sản, tổ chức thẩm định giá phải tiến hành việc định giá. Việc định giá tài sản dựa trên giá thị trường tại thời điểm định giá. Đối với tài sản mà Nhà nước thống nhất quản lý giá thì việc định giá dựa trên cơ sở giá tài sản do Nhà nước quy định.</p> <p>3. Việc định giá tài sản phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ thời gian, địa điểm, phương pháp tiến hành định giá, thành phần những người tham gia định giá, tên và trị giá tài sản đã được định giá, chữ ký của các thành viên tham gia định giá và người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại.</p>	
<p>Điều 33. Chuyển giao tài sản đã kê biên để bán đấu giá</p> <p>1. Đối với tài sản bị kê biên để bán đấu giá, giá khởi điểm được xác định theo quy định tại Điều 32 Nghị định này. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày tài sản bị kê biên, người đã ra quyết định cưỡng chế ký hợp đồng bán đấu giá với tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp để bán đấu giá; trường hợp không ký được hợp đồng bán đấu giá với tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp thì thành lập Hội đồng bán đấu giá tài sản.</p> <p>Việc bán đấu giá tài sản bị kê biên được thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.</p> <p>2. Sau khi đã ký hợp đồng bán đấu giá tài sản, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền tiến hành chuyển giao tài sản đã kê biên để bán đấu giá. Việc chuyển giao phải được</p>	<p>Điều 46. Chuyển giao tài sản đã kê biên để bán đấu giá</p> <p>1. Đối với tài sản bị kê biên để bán đấu giá, giá khởi điểm được xác định theo quy định tại Điều 45 Nghị định này. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày tài sản bị kê biên, người đã ra quyết định cưỡng chế ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá với tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để bán đấu giá; trường hợp không ký được hợp đồng bán đấu giá với tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thì thành lập Hội đồng bán đấu giá tài sản.</p> <p>Việc bán đấu giá tài sản bị kê biên được thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.</p> <p>2. Sau khi đã ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền tiến hành chuyển giao tài sản đã kê biên để bán đấu giá. Việc chuyển giao phải được</p>	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 44/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>biên bản, trong đó ghi rõ: Thời gian bàn giao; người bàn giao, người nhận; chữ ký của người giao, người nhận; số lượng, tình trạng tài sản. Hồ sơ bàn giao tài sản kê biên cho cơ quan có trách nhiệm bán đấu giá bao gồm: Quyết định cưỡng chế kê biên; các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp (nếu có); văn bản định giá tài sản và biên bản bàn giao tài sản đó.</p> <p>3. Trường hợp tài sản kê biên là hàng hóa công kênh hoặc có số lượng lớn mà cơ quan có trách nhiệm bán đấu giá không có nơi cất giữ tài sản thì sau khi thực hiện xong thủ tục chuyển giao có thể ký hợp đồng bảo quản tài sản với nơi đang giữ tài sản đó. Chi phí cho việc thực hiện hợp đồng bảo quản được thanh toán từ số tiền bán đấu giá tài sản thu được sau khi bán đấu giá.</p> <p>4. Đối với tài sản thuộc sở hữu chung, khi bán đấu giá thì ưu tiên bán cho người đồng sở hữu trước.</p> <p>5. Trường hợp số tiền bán đấu giá tài sản nhiều hơn số tiền để bảo đảm thi hành biện pháp tư pháp và chi phí cho việc cưỡng chế thi trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày bán đấu giá, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền làm thủ tục trả lại phần chênh lệch cho pháp nhân thương mại bị cưỡng chế và được lập thành biên bản giao nhận.</p>	<p>lập thành biên bản, trong đó ghi rõ: Thời gian bàn giao; người bàn giao, người nhận; chữ ký của người giao, người nhận; số lượng, tình trạng tài sản. Hồ sơ bàn giao tài sản kê biên cho cơ quan có trách nhiệm bán đấu giá bao gồm: Quyết định cưỡng chế kê biên; các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp (nếu có); văn bản định giá tài sản và biên bản bàn giao tài sản đó.</p> <p>3. Trường hợp tài sản kê biên là hàng hóa công kênh hoặc có số lượng lớn mà cơ quan có trách nhiệm bán đấu giá không có nơi cất giữ tài sản thì sau khi thực hiện xong thủ tục chuyển giao có thể ký hợp đồng bảo quản tài sản với nơi đang giữ tài sản đó. Chi phí cho việc thực hiện hợp đồng bảo quản được thanh toán từ số tiền bán đấu giá tài sản thu được sau khi bán đấu giá.</p> <p>4. Đối với tài sản thuộc sở hữu chung, khi bán đấu giá thì ưu tiên bán cho người đồng sở hữu trước.</p> <p>5. Trường hợp số tiền bán đấu giá tài sản nhiều hơn số tiền để bảo đảm thi hành biện pháp tư pháp và chi phí cho việc cưỡng chế thi trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày bán đấu giá, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền làm thủ tục trả lại phần chênh lệch cho pháp nhân thương mại bị cưỡng chế và được lập thành biên bản giao nhận.</p>	
<p>Điều 34. Chuyển giao quyền sở hữu tài sản</p> <p>1. Người mua tài sản kê biên được pháp luật công nhận và bảo vệ quyền sở hữu đối với tài sản đó.</p> <p>2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu cho người mua theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Hồ sơ chuyển quyền sở hữu gồm có:</p>	<p>Điều 47. Chuyển giao quyền sở hữu tài sản</p> <p>1. Người mua tài sản kê biên được pháp luật công nhận và bảo vệ quyền sở hữu đối với tài sản đó.</p> <p>2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu cho người mua theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Hồ sơ chuyển quyền sở hữu gồm có:</p>	

1

NGHỊ ĐỊNH SỐ 44/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>a) Bản sao Quyết định cưỡng chế bằng biện pháp kê biên tài sản để bán đấu giá;</p> <p>b) Biên bản bán đấu giá tài sản;</p> <p>c) Các giấy tờ khác liên quan đến tài sản (nếu có).</p>	<p>a) Bản sao Quyết định cưỡng chế bằng biện pháp kê biên tài sản để bán đấu giá;</p> <p>b) Biên bản bán đấu giá tài sản;</p> <p>c) Các giấy tờ khác liên quan đến tài sản (nếu có).</p>	
<p style="text-align: center;">Mục 3</p> <p style="text-align: center;">TẠM GIỮ TÀI LIỆU, CHỨNG TỪ, THIẾT BỊ CHỨA DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ; TẠM GIỮ HOẶC THU HỒI CON DẤU CỦA PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI</p> <p>Điều 35. Căn cứ ra Quyết định tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử; tạm giữ hoặc thu hồi con dấu của pháp nhân thương mại</p> <p>Việc ra Quyết định tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử; tạm giữ hoặc thu hồi con dấu căn cứ vào:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; 2. Biên bản được lập theo quy định tại Điều 5 Nghị định này. 	<p style="text-align: center;">Mục 4</p> <p style="text-align: center;">TẠM GIỮ TÀI LIỆU, CHỨNG TỪ, THIẾT BỊ CHỨA DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ; TẠM GIỮ HOẶC THU HỒI CON DẤU CỦA PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI</p> <p>Điều 48. Căn cứ ra Quyết định tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử; tạm giữ hoặc thu hồi con dấu của pháp nhân thương mại</p> <p>Việc ra Quyết định tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử; tạm giữ hoặc thu hồi con dấu căn cứ vào:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; 2. Biên bản được lập theo quy định tại Điều 18 Nghị định này. 	
<p>Điều 36. Trường hợp áp dụng biện pháp tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử; tạm giữ hoặc thu hồi con dấu</p> <p>1. Tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại có thể được áp dụng trong trường hợp thi hành cưỡng chế chấp hành hình phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn; cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định; cấm huy động vốn theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.</p> <p>Chỉ tạm giữ những tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử liên quan đến lĩnh vực hoạt động của pháp nhân thương</p>	<p>Điều 49. Trường hợp áp dụng biện pháp tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử; tạm giữ hoặc thu hồi con dấu</p> <p>1. Tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại có thể được áp dụng trong trường hợp thi hành cưỡng chế chấp hành hình phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn; cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định; cấm huy động vốn theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.</p> <p>Chỉ tạm giữ những tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử liên quan đến lĩnh vực hoạt động của pháp nhân thương</p>	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 44/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>mại bị cưỡng chế thi hành án theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.</p> <p>2. Thu hồi con dấu của pháp nhân thương mại được áp dụng trong trường hợp thi hành cưỡng chế chấp hành hình phạt đình chỉ vĩnh viễn toàn bộ hoạt động.</p>	<p>mại bị cưỡng chế thi hành án theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.</p> <p>2. Thu hồi con dấu của pháp nhân thương mại được áp dụng trong trường hợp thi hành cưỡng chế chấp hành hình phạt đình chỉ vĩnh viễn toàn bộ hoạt động.</p>	
<p>Điều 37. Ra Quyết định và gửi Quyết định tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, tạm giữ hoặc thu hồi con dấu của pháp nhân thương mại</p> <p>1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản theo quy định tại Điều 5 Nghị định này, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra Quyết định tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, tạm giữ hoặc thu hồi con dấu của pháp nhân thương mại.</p> <p>2. Quyết định tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, tạm giữ hoặc thu hồi con dấu của pháp nhân thương mại bao gồm những nội dung cơ bản sau: số quyết định; ngày, tháng, năm ra quyết định; căn cứ ra quyết định; họ tên, chức vụ, đơn vị của người ra quyết định; tên, địa chỉ, mã số doanh nghiệp, mã số thuế của pháp nhân thương mại; tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử bị tạm giữ, con dấu của pháp nhân thương mại bị tạm giữ hoặc thu hồi; địa điểm tạm giữ hoặc thu hồi; chữ ký của người ra quyết định và đóng dấu cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền.</p> <p>3. Việc gửi, thông báo về Quyết định tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, tạm giữ hoặc thu hồi con dấu của pháp nhân thương mại được thực hiện theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Nghị định này.</p>	<p>Điều 50. Ra Quyết định và gửi Quyết định tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, tạm giữ hoặc thu hồi con dấu của pháp nhân thương mại</p> <p>1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản theo quy định tại Điều 18 Nghị định này, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra Quyết định tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, tạm giữ hoặc thu hồi con dấu của pháp nhân thương mại.</p> <p>2. Quyết định tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, tạm giữ hoặc thu hồi con dấu của pháp nhân thương mại bao gồm những nội dung cơ bản sau: số quyết định; ngày, tháng, năm ra quyết định; căn cứ ra quyết định; họ tên, chức vụ, đơn vị của người ra quyết định; tên, địa chỉ, mã số doanh nghiệp, mã số thuế của pháp nhân thương mại; tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử bị tạm giữ, con dấu của pháp nhân thương mại bị tạm giữ hoặc thu hồi; địa điểm tạm giữ hoặc thu hồi; chữ ký của người ra quyết định và đóng dấu cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền.</p> <p>3. Việc gửi, thông báo về Quyết định tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, tạm giữ hoặc thu hồi con dấu của pháp nhân thương mại được thực hiện theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 Nghị định này.</p>	
Điều 38. Tổ chức thi hành Quyết định tạm giữ tài liệu,	Điều 51. Tổ chức thi hành Quyết định tạm giữ tài liệu,	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 44/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, tạm giữ hoặc thu hồi con dấu của pháp nhân thương mại</p> <p>1. Chuẩn bị thực hiện tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, tạm giữ hoặc thu hồi con dấu của pháp nhân thương mại</p> <p>a) Tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại trước khi được tạm giữ hoặc thu hồi cần phải tiến hành niêm phong;</p> <p>b) Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền chủ trì tổ chức thực hiện việc niêm phong tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại thông báo cho người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại, đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan đến tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại và mời đại diện chính quyền địa phương nơi tổ chức niêm phong chứng kiến.</p> <p>c) Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền chủ trì tổ chức thực hiện niêm phong tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại phải chỉ đạo chuẩn bị các dụng cụ, phương tiện cần thiết để phục vụ cho việc niêm phong.</p> <p>2. Thực hiện niêm phong tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại</p> <p>a) Kiểm tra để mô tả cụ thể, đầy đủ, chính xác thực trạng tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại vào biên bản niêm phong;</p> <p>b) Đóng gói hoặc đóng kín tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại cần niêm phong;</p> <p>c) Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền thực hiện niêm phong phải thông báo cho người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại, đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có</p>	<p>chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, tạm giữ hoặc thu hồi con dấu của pháp nhân thương mại</p> <p>1. Chuẩn bị thực hiện tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, tạm giữ hoặc thu hồi con dấu của pháp nhân thương mại</p> <p>a) Tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại trước khi được tạm giữ hoặc thu hồi cần phải tiến hành niêm phong;</p> <p>b) Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền chủ trì tổ chức thực hiện việc niêm phong tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại thông báo cho người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại, đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan đến tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại và mời đại diện chính quyền địa phương nơi tổ chức niêm phong chứng kiến.</p> <p>c) Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền chủ trì tổ chức thực hiện niêm phong tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại phải chỉ đạo chuẩn bị các dụng cụ, phương tiện cần thiết để phục vụ cho việc niêm phong.</p> <p>2. Thực hiện niêm phong tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại</p> <p>a) Kiểm tra để mô tả cụ thể, đầy đủ, chính xác thực trạng tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại vào biên bản niêm phong;</p> <p>b) Đóng gói hoặc đóng kín tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại cần niêm phong;</p> <p>c) Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền thực hiện niêm phong phải thông báo cho người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại, đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan đến tài liệu, chứng từ,</p>	

2

NGHỊ ĐỊNH SỐ 44/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan đến tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại và đại diện chính quyền địa phương nơi tổ chức niêm phong. Những người nêu trên phải ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ (kèm chú thích họ tên người điểm chỉ) vào giấy niêm phong (viết hoặc điểm chỉ bằng mực khó phai);</p> <p>d) Dán giấy niêm phong</p> <p>Đối với tài liệu, chứng từ thì phải dán giấy niêm phong đè lên những phần có thể mở được để lấy tài liệu, chứng từ hoặc có thể tác động làm thay đổi tính nguyên vẹn của tài liệu, chứng từ.</p> <p>Đối với thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại thì phải dán giấy niêm phong đè lên những phần quan trọng có tính xác định nguồn gốc, xuất xứ.</p> <p>Tùy từng trường hợp cụ thể, phải có hình thức bảo vệ giấy niêm phong cho phù hợp với điều kiện vận chuyển và bảo quản;</p> <p>đ) Kết thúc niêm phong tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại</p> <p>Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền lập biên bản niêm phong. Biên bản phải mô tả đúng số lượng, đặc điểm, thực trạng của tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại trước và sau khi niêm phong, có đầy đủ chữ ký, họ tên hoặc điểm chỉ (kèm chú thích họ tên người điểm chỉ) của người tổ chức thực hiện, tham gia niêm phong, tạm giữ hoặc thu hồi. Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, 01 bản đưa vào hồ sơ thi hành án và 01 bản giao cho người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại.</p> <p>Trường hợp người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại từ chối ký vào biên bản, giấy niêm phong thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền phải ghi vào biên bản.</p> <p>Trong trường hợp người đại diện theo pháp luật của pháp</p>	<p>thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại và đại diện chính quyền địa phương nơi tổ chức niêm phong. Những người nêu trên phải ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ (kèm chú thích họ tên người điểm chỉ) vào giấy niêm phong (viết hoặc điểm chỉ bằng mực khó phai);</p> <p>d) Dán giấy niêm phong</p> <p>Đối với tài liệu, chứng từ thì phải dán giấy niêm phong đè lên những phần có thể mở được để lấy tài liệu, chứng từ hoặc có thể tác động làm thay đổi tính nguyên vẹn của tài liệu, chứng từ.</p> <p>Đối với thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại thì phải dán giấy niêm phong đè lên những phần quan trọng có tính xác định nguồn gốc, xuất xứ.</p> <p>Tùy từng trường hợp cụ thể, phải có hình thức bảo vệ giấy niêm phong cho phù hợp với điều kiện vận chuyển và bảo quản;</p> <p>đ) Kết thúc niêm phong tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại</p> <p>Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền lập biên bản niêm phong. Biên bản phải mô tả đúng số lượng, đặc điểm, thực trạng của tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại trước và sau khi niêm phong, có đầy đủ chữ ký, họ tên hoặc điểm chỉ (kèm chú thích họ tên người điểm chỉ) của người tổ chức thực hiện, tham gia niêm phong, tạm giữ hoặc thu hồi. Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, 01 bản đưa vào hồ sơ thi hành án và 01 bản giao cho người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại.</p> <p>Trường hợp người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại từ chối ký vào biên bản, giấy niêm phong thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền phải ghi vào biên bản.</p> <p>Trong trường hợp người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại, đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan đến tài liệu, chứng từ, thiết</p>	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 44/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>nhân thương mại, đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan đến tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại bị niêm phong, tạm giữ hoặc thu hồi đã được thông báo nhưng không có mặt, thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền vẫn tổ chức thực hiện niêm phong, tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, tạm giữ hoặc thu hồi con dấu nhưng phải ghi rõ vào biên bản.</p> <p>3. Tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại bị niêm phong, tạm giữ hoặc thu hồi được lưu giữ tại cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền và phải đảm bảo tính nguyên vẹn trong suốt quá trình tạm giữ.</p> <p>Tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử của pháp nhân thương mại được niêm phong thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền và người tham gia niêm phong có trách nhiệm bảo mật.</p>	<p>bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại bị niêm phong, tạm giữ hoặc thu hồi đã được thông báo nhưng không có mặt, thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền vẫn tổ chức thực hiện niêm phong, tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, tạm giữ hoặc thu hồi con dấu nhưng phải ghi rõ vào biên bản.</p> <p>3. Tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại bị niêm phong, tạm giữ hoặc thu hồi được lưu giữ tại cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền và phải đảm bảo tính nguyên vẹn trong suốt quá trình tạm giữ.</p> <p>Tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử của pháp nhân thương mại được niêm phong thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền và người tham gia niêm phong có trách nhiệm bảo mật.</p>	
<p>Điều 39. Chấm dứt tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại</p> <p>1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày pháp nhân thương mại chấp hành xong bản án, quyết định của tòa án, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền đã ra Quyết định tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại phải chấm dứt tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu. Việc chấm dứt tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu phải bằng Quyết định của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền.</p> <p>2. Quyết định chấm dứt tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu phải được gửi cho người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại và pháp nhân thương mại có tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu</p>	<p>Điều 52. Chấm dứt tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại</p> <p>1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày pháp nhân thương mại chấp hành xong bản án, quyết định của tòa án, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền đã ra Quyết định tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại phải chấm dứt tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu. Việc chấm dứt tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu phải bằng Quyết định của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền.</p> <p>2. Quyết định chấm dứt tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu phải được gửi cho người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại và pháp nhân thương mại có tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu bị</p>	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 44/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>bị tạm giữ. Việc mở niêm phong thực hiện theo quy định tại Điều 40 Nghị định này.</p> <p>3. Sau khi ra Quyết định chấm dứt tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền có trách nhiệm bàn giao tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại đã bị tạm giữ.</p> <p>4. Quyết định chấm dứt tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu còn được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 6 Nghị định này.</p>	<p>tạm giữ. Việc mở niêm phong thực hiện theo quy định tại Điều 53 Nghị định này.</p> <p>3. Sau khi ra Quyết định chấm dứt tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền có trách nhiệm bàn giao tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại đã bị tạm giữ.</p> <p>4. Quyết định chấm dứt tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu còn được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 19 Nghị định này.</p>	
<p>Điều 40. Trình tự, thủ tục mở niêm phong để bàn giao tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại bị tạm giữ</p> <p>1. Chuẩn bị mở niêm phong</p> <p>Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền chủ trì tổ chức thực hiện mở niêm phong phải thông báo cho người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại và đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan đến tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại và đại diện chính quyền địa phương nơi mở niêm phong.</p> <p>2. Thực hiện mở niêm phong</p> <p>a) Kiểm tra niêm phong của tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại trước khi mở niêm phong;</p> <p>b) Gỡ giấy niêm phong và mở tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại được đóng gói hoặc được đóng kín.</p> <p>Gỡ giấy niêm phong đối với tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa</p>	<p>Điều 53. Trình tự, thủ tục mở niêm phong để bàn giao tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại bị tạm giữ</p> <p>1. Chuẩn bị mở niêm phong</p> <p>Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền chủ trì tổ chức thực hiện mở niêm phong phải thông báo cho người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại và đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan đến tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại và đại diện chính quyền địa phương nơi mở niêm phong.</p> <p>2. Thực hiện mở niêm phong</p> <p>a) Kiểm tra niêm phong của tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại trước khi mở niêm phong;</p> <p>b) Gỡ giấy niêm phong và mở tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại được đóng gói hoặc được đóng kín.</p> <p>Gỡ giấy niêm phong đối với tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa</p>	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 44/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại không được đóng gói hoặc không được đóng kín;</p> <p>c) Kiểm tra tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại sau khi mở niêm phong.</p> <p>3. Kết thúc mở niêm phong</p> <p>Khi kết thúc mở niêm phong phải lập biên bản; biên bản mở niêm phong phải mô tả đúng tình trạng niêm phong trước khi mở, thực trạng của tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại sau khi mở niêm phong và có đầy đủ chữ ký, họ tên hoặc điểm chỉ (kèm theo chú thích họ tên của người điểm chỉ) của người trực tiếp chủ trì, người tham gia mở niêm phong. Biên bản do cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền thực hiện mở niêm phong lập thành 02 bản có giá trị như nhau, 01 bản giao cho người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại, 01 bản đưa vào hồ sơ thi hành án.</p> <p>Trường hợp kiểm tra niêm phong không còn nguyên vẹn, phải lập biên bản về tình trạng niêm phong tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử của pháp nhân thương mại, thực trạng của các tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại để xác minh làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Sau khi kết thúc mở niêm phong thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền phải bàn giao các tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại. Việc bàn giao phải được lập biên bản có đầy đủ chữ ký, họ tên hoặc điểm chỉ (kèm theo chú thích họ tên của người điểm chỉ) của người trực tiếp chủ trì, người tham gia mở niêm phong theo quy định của pháp luật và Nghị định này.</p>	<p>dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại không được đóng gói hoặc không được đóng kín;</p> <p>c) Kiểm tra tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại sau khi mở niêm phong.</p> <p>3. Kết thúc mở niêm phong</p> <p>Khi kết thúc mở niêm phong phải lập biên bản; biên bản mở niêm phong phải mô tả đúng tình trạng niêm phong trước khi mở, thực trạng của tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại sau khi mở niêm phong và có đầy đủ chữ ký, họ tên hoặc điểm chỉ (kèm theo chú thích họ tên của người điểm chỉ) của người trực tiếp chủ trì, người tham gia mở niêm phong. Biên bản do cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền thực hiện mở niêm phong lập thành 02 bản có giá trị như nhau, 01 bản giao cho người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại, 01 bản đưa vào hồ sơ thi hành án.</p> <p>Trường hợp kiểm tra niêm phong không còn nguyên vẹn, phải lập biên bản về tình trạng niêm phong tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử của pháp nhân thương mại, thực trạng của các tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại để xác minh làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Sau khi kết thúc mở niêm phong thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền phải bàn giao các tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại. Việc bàn giao phải được lập biên bản có đầy đủ chữ ký, họ tên hoặc điểm chỉ (kèm theo chú thích họ tên của người điểm chỉ) của người trực tiếp chủ trì, người tham gia mở niêm phong theo quy định của pháp luật và Nghị định này.</p>	
Chương III	Mục 5	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 44/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p align="center">BẢO ĐẢM THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH CƯỠNG CHẾ VÀ CHI PHÍ CƯỠNG CHẾ</p> <p>Điều 41. Các biện pháp bảo đảm thi hành quyết định cưỡng chế</p> <p>1. Khi có Quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế, nếu có dấu hiệu cho thấy pháp nhân thương mại bị áp dụng biện pháp cưỡng chế có hành vi tẩu tán hoặc làm hư hại tài sản thì người đã ra quyết định cưỡng chế có quyền yêu cầu các cơ quan, tổ chức có liên quan, chính quyền địa phương nơi pháp nhân thương mại bị cưỡng chế đóng trụ sở hoặc nơi có tài sản thực hiện biện pháp phong tỏa nhằm ngăn chặn việc tẩu tán hoặc làm hư hỏng tài sản.</p> <p>2. Trường hợp pháp nhân thương mại bị cưỡng chế có hành vi chống đối không thực hiện quyết định cưỡng chế thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền có quyền huy động lực lượng, phương tiện để bảo đảm thi hành cưỡng chế.</p> <p>3. Để bảo đảm cưỡng chế thi hành biện pháp tư pháp, sau khi khấu trừ tiền trong tài khoản, xử lý chứng khoán, bán đấu giá tài sản kê biên, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền sẽ thuê khoán cơ quan, tổ chức, cá nhân có chuyên môn phù hợp thực hiện các biện pháp tư pháp theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Việc thuê khoán thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.</p>	<p align="center">BẢO ĐẢM THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH CƯỠNG CHẾ VÀ CHI PHÍ CƯỠNG CHẾ</p> <p>Điều 54. Các biện pháp bảo đảm thi hành quyết định cưỡng chế</p> <p>1. Khi có Quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế, nếu có dấu hiệu cho thấy pháp nhân thương mại bị áp dụng biện pháp cưỡng chế có hành vi tẩu tán hoặc làm hư hại tài sản thì người đã ra quyết định cưỡng chế có quyền yêu cầu các cơ quan, tổ chức có liên quan, chính quyền địa phương nơi pháp nhân thương mại bị cưỡng chế đóng trụ sở hoặc nơi có tài sản thực hiện biện pháp phong tỏa nhằm ngăn chặn việc tẩu tán hoặc làm hư hỏng tài sản.</p> <p>2. Trường hợp pháp nhân thương mại bị cưỡng chế có hành vi chống đối không thực hiện quyết định cưỡng chế thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền có quyền huy động lực lượng, phương tiện để bảo đảm thi hành cưỡng chế.</p> <p>3. Để bảo đảm cưỡng chế thi hành biện pháp tư pháp, sau khi khấu trừ tiền trong tài khoản, xử lý chứng khoán, bán đấu giá tài sản kê biên, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền sẽ thuê khoán cơ quan, tổ chức, cá nhân có chuyên môn phù hợp thực hiện các biện pháp tư pháp theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Việc thuê khoán thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.</p>	
<p>Điều 42. Chuyển việc thi hành quyết định cưỡng chế để bảo đảm thi hành</p> <p>1. Trường hợp pháp nhân thương mại bị cưỡng chế ở địa bàn cấp tỉnh này nhưng đóng trụ sở ở địa bàn cấp tỉnh khác và không có điều kiện chấp hành quyết định cưỡng chế tại nơi thực hiện hành vi vi phạm thì quyết định cưỡng chế được chuyển đến</p>	<p>Điều 55. Chuyển việc thi hành quyết định cưỡng chế để bảo đảm thi hành</p> <p>1. Trường hợp pháp nhân thương mại bị cưỡng chế ở địa bàn cấp tỉnh này nhưng đóng trụ sở ở địa bàn cấp tỉnh khác và không có điều kiện chấp hành quyết định cưỡng chế tại nơi thực hiện hành vi vi phạm thì quyết định cưỡng chế được chuyển đến cơ</p>	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 44/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>ơ quan có thẩm quyền cưỡng chế cùng cấp nơi pháp nhân thương mại bị cưỡng chế đóng trụ sở hoặc có tài sản để tổ chức thi hành.</p> <p>2. Cơ quan chuyên việc thi hành cưỡng chế có trách nhiệm chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc cho cơ quan cùng cấp ở địa phương nơi pháp nhân thương mại bị cưỡng chế đóng trụ sở hoặc có tài sản để tổ chức thi hành.</p> <p>Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo chuyển và hồ sơ vụ việc, cơ quan cùng cấp ở địa phương nơi pháp nhân thương mại bị cưỡng chế đóng trụ sở hoặc có tài sản có trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế và thông báo kết quả cho cơ quan đã chuyển.</p>	<p>quan có thẩm quyền cưỡng chế cùng cấp nơi pháp nhân thương mại bị cưỡng chế đóng trụ sở hoặc có tài sản để tổ chức thi hành.</p> <p>2. Cơ quan chuyên việc thi hành cưỡng chế có trách nhiệm chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc cho cơ quan cùng cấp ở địa phương nơi pháp nhân thương mại bị cưỡng chế đóng trụ sở hoặc có tài sản để tổ chức thi hành.</p> <p>Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo chuyển và hồ sơ vụ việc, cơ quan cùng cấp ở địa phương nơi pháp nhân thương mại bị cưỡng chế đóng trụ sở hoặc có tài sản có trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế và thông báo kết quả cho cơ quan đã chuyển.</p>	
<p>Điều 43. Xác định chi phí cưỡng chế</p> <p>1. Chi phí cưỡng chế được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế đã phát sinh trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế phù hợp với giá cả ở từng địa phương.</p> <p>2. Chi phí cưỡng chế bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Chi phí huy động người thực hiện quyết định cưỡng chế; b) Chi phí thù lao cho người định giá để tổ chức đấu giá, chi phí tổ chức bán đấu giá tài sản; c) Chi phí thuê phương tiện tháo dỡ, chuyên chở đồ vật, tài sản; d) Chi phí thuê giữ hoặc bảo quản tài sản đã kê biên; đ) Chi phí chuyên việc thi hành quyết định cưỡng chế; e) Chi phí thực hiện biện pháp tư pháp; g) Chi phí thực tế khác (nếu có). 	<p>Điều 56. Xác định chi phí cưỡng chế</p> <p>1. Chi phí cưỡng chế được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế đã phát sinh trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế phù hợp với giá cả ở từng địa phương.</p> <p>2. Chi phí cưỡng chế bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Chi phí huy động người thực hiện quyết định cưỡng chế; b) Chi phí thù lao cho người định giá để tổ chức đấu giá, chi phí tổ chức bán đấu giá tài sản; c) Chi phí thuê phương tiện tháo dỡ, chuyên chở đồ vật, tài sản; d) Chi phí thuê giữ hoặc bảo quản tài sản đã kê biên; đ) Chi phí chuyên việc thi hành quyết định cưỡng chế; e) Chi phí thực hiện biện pháp tư pháp; g) Chi phí thực tế khác (nếu có). 	
<p>Điều 44. Tạm ứng, hoàn trả và thanh toán chi phí cưỡng chế</p>	<p>Điều 57. Tạm ứng, hoàn trả và thanh toán chi phí cưỡng chế</p>	

NGHỊ ĐỊNH SỐ 44/2020/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH	THUYẾT MINH
<p>1. Chi phí cưỡng chế được tạm ứng từ ngân sách nhà nước và được hoàn trả ngay sau khi thu được tiền của pháp nhân thương mại bị cưỡng chế.</p> <p>2. Pháp nhân thương mại bị cưỡng chế phải chịu mọi chi phí cho các hoạt động cưỡng chế.</p> <p>3. Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn việc quản lý, cấp phát, tạm ứng và hoàn trả chi phí cưỡng chế theo quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước.</p>	<p>1. Chi phí cưỡng chế được tạm ứng từ ngân sách nhà nước và được hoàn trả ngay sau khi thu được tiền của pháp nhân thương mại bị cưỡng chế.</p> <p>2. Pháp nhân thương mại bị cưỡng chế phải chịu mọi chi phí cho các hoạt động cưỡng chế.</p> <p>3. Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn việc quản lý, cấp phát, tạm ứng và hoàn trả chi phí cưỡng chế theo quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước.</p>	
<p>Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH Điều 45. Hiệu lực thi hành Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2020.</p>		
<p>Điều 46. Trách nhiệm thi hành</p> <p>1. Bộ trưởng Bộ Công an chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.</p> <p>2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.</p>		

2